

PHỐ THÔNG

Tạp-chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

Giám-Đốc : **NGUYỄN-VỸ**

26



- Văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam **NGUYỄN VỸ**
Một trang lịch sử bị đốt: Vụ ám sát Trần tiên Thành... **MINH CAO**
Ca kịch Việt-Nam **TCHYA**
★ **Thơ Phan Khôi** **MINH KHA**
Người học cộp (truyện dịch) **HÀ LI HẢI**
Không Minh **NGUYỄN QUANG LỤC**
Một đời người (hồi ký) **THIỆU SƠN**
★ **Bài ca ngày chúa nhật: Sombre Dimanche** . . . **VÕ BÁ HẢI**
Cô Kiều với Phan van Trĩ **NGUYỄN THỊ KIM LIÊN**
Thương một niềm trăng (thơ) **VƯƠNG KIỀU**
★ **Đôi nét về HÀN MẶC TỬ** **QUÁCH TẤN**
★ **Văn sĩ thi sĩ tiền chiến: TỬ BỘ HỮA** . . . **NGUYỄN VỸ**
Cái chết của người đưa thư (truyện ngắn) . . . **HOÀNG THẮNG**
Nụ cười Phò-Thống **TRỌNG TÁU**
★ **Mình ơi !** **DIỆU HUYỀN**
Ấn tử và Nāgasena nguy biến **THẨM THỆ HÀ**
Xã giao **CÔ BÌNH MINH**
Món ăn Huế **CÔ PHƯƠNG THU**
★ **Thơ lên ruột** **DIỆU HUYỀN**
Thi sĩ lão thành : Bà **SONG THANH** **DIỆU HUYỀN**
Đời thi sĩ (thơ) **TRÚC SƠN**

TRUYỆN DÀI

Kiên trinh truyện dài của Cô **VÂN NGÀ**

Cô gái điên truyện dài của **TỬ-VU**

Bản dịch của **VI HUYỀN ĐẮC**

(Xem mục-lục đầy đủ ở trang 4-5)

PHỔ THÔNG

Số 27

XUÂN

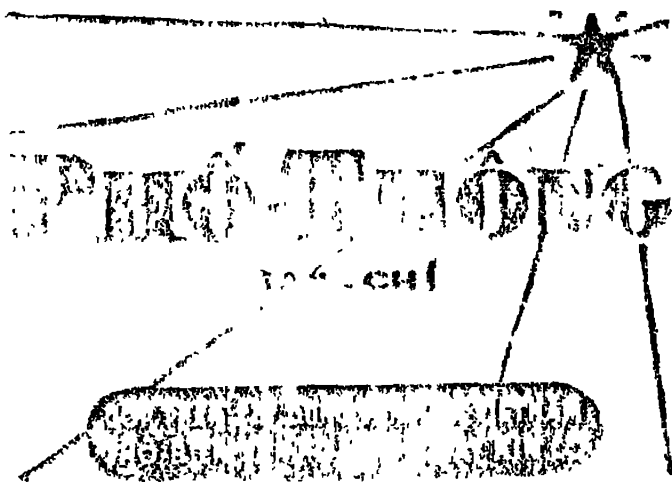
CANH-TÝ

- ✧ Con Chuột trong Lịch-sử Việt-Nam.
- ✧ Con Chuột trong Lịch-sử Thế-giới.
- ✧ Con Chuột trong Văn-Thơ Việt-Nam
- ✧ Con Chuột trong Văn-Thơ Quốc-tế.
- ✧ Con Chuột trong mùa Xuân
- ✧ Con Chuột trong y-khoa

- ✧ Con Chuột trong Triết-lý.
- ✧ Con Chuột thời xưa và thời nay.
- ✧ Nụ cười của Con Chuột
- ✧ Nước mắt của Con Chuột.
- ✧ Người Đẹp và Con Chuột.
- ✧ Mời Bạn du-xuân qua Nhật.
- ✧ Mời Bạn du-xuân qua Nam-dương... v.v..

- ★ VƯƠNG-HỒNG-SÈN — THIẾU-SƠN — MẶC-THU
- ★ LÊ NGỌC-TRỤ — THÂM-THỆ-HÀ — VI HUYỀN-ĐẮC
- ★ NGUYỄN - TRIỆU — PHONG - CẨM — UCHICO
- ★ LÊ-THÀNH-NHÂN — THANH-NHUNG — HOÀNG-
- ★ THẮNG — B.S. HOÀNG-M-LƯƠNG — BẠCH-YẾN
- ★ DIỆU-HUYỀN — N.V. — TÂN-PHONG
- ✧ Một Thi-sĩ Nhật : SHIMAZAKI TOSON
- ✧ Một Thi-sĩ Nam-dương : CHAIRIL ANWAR

v.v..



Giám-Đốc, Chủ-Bút: **NGUYỄN-VỸ**

Quản-lý: **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài-gòn — Đ. T. Sài-gòn 307



BỘ MỜI SỐ 28 . . 1.1.1960

- | | | |
|---|---------------------|---------|
| 1.— Văn chương và tư-tưởng V.N. | Nguyễn-Vỹ | 6 — 9 |
| 2 — Bài ca Ngây Chứa Nhặt | Võ-bá-Hải | 10 — 13 |
| 3.— Một trang lịch-sử bi-dãt | Minh-Cao | 14 — 16 |
| 4.— Ca-kịch Việt-Nam | Tchya | 17 — 19 |
| 5 — Một đời người | Thiếu-Son | 20 — 25 |
| 6 — Thơ Phan Khôi (qua thoại Văn-chương) . | Minh-Kho | 26 — 27 |
| 7 — Người hóa-cop. (truyện-ngắn). | Hà-Li-Hải | 28 — 32 |
| 8.— Đời Thi-sĩ (thơ) | Trúc-Son | 33 |
| 9 — Cô Kiều với Phan-van-Trí. . . | Nguyễn thị Kim-Liên | 34 — 35 |
| 10.— Văn sĩ thi-sĩ liền liền ; Từ-Bá-Hà . . | Nguyễn-Vỹ | 36 — 39 |
| 11.— Cai chết của người đưa thư (truyện ngắn) | Hoàng-Thắng | 40 — 44 |
| 12.— Át-tử và Nágasena nguy biến | Thăm-Thệ-Hà | 45 — 50 |

NGUYỄN - VỸ

VĂN-CHƯƠNG

VÀ TƯ-TƯỢNG

VIỆT - NAM

QUA CÁC

THỜI ĐẠI

Xem PHỔ-THÔNG từ số 20

CHƯƠNG I

*Nguồn - gốc người Việt
và tiếng Việt.*

CHƯƠNG II

*Nhân-xét tổng-quát về
Văn-học-Sử Việt-Nam*

A. — Một Dân - Tộc
Thi sĩ

B. — Lý - do vì sao
Thi - ca chiếm - ưu
thắng trong văn-
chương Việt-nam

1. — Tiếng Việt rất
thuận lợi cho Văn Thơ

2. — Ảnh hưởng của
Văn Thơ Tàu, nhất là
thơ đời Đường.

C. — Tuy nhiên văn-học
Việt-Nam không được
phong-phú lắm

NHÌN tổng-quát, chúng
ta lại thấy rằng tuy Dân
tộc Việt-Nam yêu-chuộng Văn-
thơ như thế, tuy hầu hết người
Việt-Nam mở miệng ra là nói
văn - chương, hạ bút xuống là
viết văn-chương, tuy ngâm-ngà

thì vịnh đã thành như một thú tiêu-khiến chung cho cả một dân-tộc, từ một bài điệu - văn khóc người chết đến mấy vần thưởng nguyệt Trung Thu, và một bài về một câu hò đã gao, một lời hát ru em, thấy thấy đều là thơ, — tuy Việt-nam là một Đất-Nước ưu-ái đặc-biệt của Thi-Văn, nhưng, lạ thay, văn-học Việt-Nam lại có vẻ nghèo-nàn, kém-cỏi.

Nó không nghèo-nàn đối với các dân-tộc mà trình-độ văn-hiến còn kém hơn nó, như Thái-Lan, Cao-Miên, hay Nam - Dương, nhưng so với một số nước khác trên Thế-giới thì Văn-học của ta còn thua sút quá nhiều.

Sánh ngay với nước Tàu, bước tiến của Văn-học-sử Việt-nam cũng chậm hơn, yếu-ớt và dẹt - dẹt. Đồng - hóa với Tàu, nhưng không có thời - đại nào Văn-học của ta đi song-song với Văn-học Trung-Quốc, tuy Văn-tài của ta không kém.

Chúng ta không khỏi ngạc-nhiên trước nhất nhận thấy rằng TỪ ĐỜI HỒNG-BÀNG lập quốc mãi CHO ĐẾN THẾ KỶ XIII, Việt-nam KHÔNG CÓ ĐƯỢC MỘT SẢN - PHẨM VĂN-HỌC NÀO CẢ. Trong khi bên Trung-Quốc, từ đời nhà HÁN, trải qua đời TAM-QUỐC, nhà TẦN, nhà TÚY, nhà ĐƯƠNG, cho đến nhà TỐNG, Văn-học phồn-thịnh kể tiếp một truyền-thống vẻ - vang

rực-rỡ vô-ngăn, thì ở Việt-nam ta yên-lặng như tờ !

Đành rằng dưới đời nhà TẦN, người Tàu không muốn người Văn-Lang đồng-hóa với họ, thì không nói làm gì. Nhưng từ Tây - Hán trở về sau, hai Thái-thủ TÍCH - QUANG và NHÂM DIỄN đã đem Hán - tự sang dạy cho ta. Dân ta đã bước lên rất nhanh trên nền học-thuật, đã thi đỗ, làm quan, chữ Hán đã bắt đầu thông-dụng khắp nơi. Đời nhà LÝ, người nước ta đã sang Tàu thỉnh kinh *Tam-Tạng*, Vua ta đã lập Văn - Miếu, thờ

KHÔNG-TỬ với 72 vị Tiên-Hiền. Hơn nữa, đầu Thế kỷ XI, Vua Lý-Nhân-Tôn đã mở HÀN LÂM - VIỆN Văn-học rồi. Nghĩa là ở nước Việt thời ấy, Văn-học còn tiến-bộ hơn nước Việt ta ngày nay !

Ấy thế mà tại sao nước ta chưa sản - xuất được một Thi-phẩm nào đáng kể, hay là một bộ truyền cón-con ? Chẳng có một ông Nho-sĩ nào hạ bút xuống viết được vài bài thơ. Các Thi-nhân Nữ-sĩ Việt Nam chưa ra đời ư ? Khí thiêng của núi Nùng sông Nhị chưa nung-đúc ra nhân tài ư ?

Ta biết hỏi ai bây giờ, nếu không hỏi người DÂN QUÊ GIAO CHỈ ? Vì, chỉ có người Dân quê ấy mới có thể trả-lời cho chúng ta rằng suốt trong thời gian dài đằng-dằng từ

Hồng-Bàng lập quốc đến 1300 năm sau, tất cả di-tích văn-học còn để lại chỉ là một mớ VĂN-CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU của họ mà thôi ! Ấy là thời-kỳ góp nhặt từ cửa miệng người này sang cửa miệng người khác những chuyện *thần thoại*, *cổ-tích*, *ca-dao*, *tục-ngữ*, mà tác-giả là *Vô-danh*.

Nói cho đúng thì từ Lý-thường-Kiệt. (ĐẦU THẾ-KỶ XI) cho đến nhà Trần (THẾ KỶ XIII) đã có lúc-đắc năm ba văn thơ bằng Hán tự, và vài quyển Sứ-ký, nhưng gần ấy Văn-thơ trong 250 năm chỉ là những tiếng hập-bẹ của thời kỳ trứng nước.

Phải đợi đến GIỮA THẾ-KỶ XIII, một con cá Sấu hồng-dung từ trên Mạn-Nguộc bơi theo giòng sông Cái xuống nằm gác mớ ở ngoại-ô thành Thăng Long, trên Văn-dân Việt-Nam mới bắt đầu xuất-hiện một bài thơ bằng Việt-ngữ. Bài thơ Việt-ngữ ấy lại làm theo điển-tích một Thi-sĩ Đời Đường của Trung-Quốc. Giả sử không có con cá sấu tiên-phong kia, ai dám chắc thời bấy giờ đã có một tác-phẩm nào bằng chữ *Nôm* ? (1)

Từ THẾ-KỶ XIII đến cuối THẾ-KỶ XVI, (đời Lê Mạc) trong khoảng 300 NĂM mới có độ 10 nhà Thi-sĩ, sản-xuất được chừng 15 tập thơ mong-mạnh, trong đó có vài truyện cổ tích, vài bài gia-huân, hồi-ký

du-lịch, viết bằng *thơ lục bát*, hoặc theo thể *bát cú Đường-thi*. Mặc dầu vậy, Văn-chương Việt-Nam đã có triển-vong. Thời kỳ sơ khởi đã qua, người ta đang chờ một bước tiến mạnh-mẽ.

Nhưng THẾ-KỶ XVII LẠI LÀ CA MỘT RỒNG KHÔNG ! Nguồn thơ của đời Lê Mạc đang có chiều phát-triển, bỗng dừng bị tắt tịt. Chúng ta có cảm tưởng rằng dòng Thi phú phối thai đang tìm địa điểm tốt để tuôn tràn ra bốn hướng, không ngờ trút hết xuống một hố sâu. Đây là đương thời Chúa Trịnh. Không kể năm ba quyển *Sử-ký* bằng Hán văn, ghi chép riêng những biến-cổ đã xảy ra dưới các thời Vua Tiên Triều, ngoài ra không có một tập thơ, hoặc một quyển truyện nào viết bằng chữ *Nôm* cả.

Có một điều lạ-lùng, là ở giữa Thế kỷ này xuất-hiện một lối chữ mới gọi là « QUỐC-NGŨ » dùng mẫu tự La-tinh và Bồ-đào-Nha, phiên âm trực-tiếp tiếng nói của người Việt, không cần viết chữ Tàu Chữ « Quốc-ngữ » do một nhóm giáo-sĩ ngoại-quốc của đạo Gia-tô đặt ra. Nhưng vì lý-do chính-trị và tôn giáo, chữ « quốc-ngữ » này chỉ lén - lút thông-dụng trong các nhóm tín-

(1) Để cổ mồi chương sau nói riêng về chữ « *Nôm* » và lối viết của nó.

dở Việt-nam của Giáo-sĩ. Toàn thể nhân-dân và Triều-đình các vua chúa không hề biết đến và không hề thấy hình-dáng của nó ra sao. Chữ Quốc-ngữ hồi Thế kỷ XVII như một đứa con hoang-thai, đứa con « Tây-lai » vô-thừa-nhận, phải sống lén-lút dưới bóng cây Thánh - giá của các giảng-đường Gia-tô-giáo.

Thời-kỳ u-ám này kéo dài đến 100 năm, u-ống-dưng, trong lúc bình-minh của THẾ KỶ XVIII vừa chói rạng, một thiếu-phụ trẻ-đẹp, vợ lẽ của một viên quan ở triều Mat-Lê, trở lên giọng ngâm-ngự trữ-tình của một thi-nhân sầu-mộng. Là HINH-PHÚ khi mà cho một Thời-đại quốc-văn phồn-thịnh Nói phồn-thịnh, là tương-đối với các Thời-đại di-vãng, chú-dạ-số tác phẩm đều viết bằng Hán-Văn. Lịch-sử Văn-học riêng-biệt của ta chỉ góp-nhóp được mười-lăm quyển, toàn là THƠ, PHÚ và vài TRUYỆN HANG THƠ, đôi bài VĂN-TẾ.

THẾ-KỶ XIX, trên Văn-dân Việt-nam thuần-túy, cũng là một Nữ-sĩ chiếm một ghế ngồi độc-đáo. Nàng không đẹp, mà rõ như đá ong, tính-nết lẳng-lơ, nhưng nàng là một nữ-sĩ tiến-bộ nhất, thông-minh nhất, Việt-nam nhất Thế-kỷ XIX Văn-chương và Tư-tư-ởng Việt-nam học-phát khắp cả bờ cõi Tiên-Long, « BẮC là Nữ-sĩ HỒ-XUÂN-HƯƠNG, ở TRUNG là NGUYỄN-DỊ, ở NAM là NGUYỄN-ĐÌNH-THIỆU, ba ngôi sao chói sáng — hay nói theo các nhà Thiên-văn-học là ba « Ngôi sao lớn bậc nhất — Etoiles de première Grandeur » — trên vòm trời « nhi-thập-bát tú » của Thế-kỷ XIX.

Nói « Nhi-thập-bát tú », tuy là mượn tên danh-từ của Lê-Thích-Tôn hồi 400 năm xưa, nhưng kể hết các Thi-nhân từ Hồ-xuân-Hương đến Nguyễn-đình-

Chiểu cũng vào khoảng 18 người, với trên ba chục tác-phẩm mà thôi.

THẾ-KỶ XX, mở đầu cho thời đại « Quốc-ngữ », đã thay đổi khá nhiều. Đứa con hoang-thai vô thừa nhận hồi thế-kỷ XVII, khai-sinh trong bộ Tự-Điển Dictionarium Annamiticum Lusitanum Latinum, tại thành La-mã năm 1651, đã lớn lên và ngẩng nhiên, do trường-hợp ly-kỳ của Lịch-sử, được vào quốc-tịch Việt-nam và hoàn-toàn Việt-nam-hóa Văn-chương và Tư-tư-ởng Việt-nam nhờ đó bỗng dung phát-triển mau lẹ và mạnh liệt hơn bao giờ hết.



Tuy-nhiên, kiểm-điểm lại diễn tiến của Văn-học-sử Việt-nam, với một ý-thức hoàn-toàn khách quan, chúng ta nhận xét một điều rõ-rệt là mặc dầu có sự phát-triển rất đáng mừng của ba thế-kỷ sau này, XVIII, XIX, XX, Văn học của ta VẪN CÒN NGHÈO NÀN So với Văn-học sử của nhiều nước trên Thế-giới, Văn-học của ta còn sút kém nhiều, trên phương-diện phẩm cũng như lượng. Về tất cả các bộ môn : Thơ, Kịch, Truyện, Hồi ký, Ký-ức, Phê-bình, Phiên-dịch, Sử ký, Triết-học, Khảo-cứu, v...v... chúng ta đều chậm-trễ

Một số người quá giàu lòng tự ái dân tộc, và hơi quá tự-cao tự đại cho nói giống Tiên-Rồng, cứ ôm khư khư một quyển KIẾU mà la to lên rằng « Văn chương Việt Nam dồi-dào phong-phú lắm ! » Không ! Một quyển « Kiêu » của chúng ta đâu phải đủ để hình-diễn với muôn ngàn quyển « Kiêu » khác của thiên hạ ? Chúng ta nên khiêm nhường một tý, có lẽ hay hơn

Biết người, biết mình, mới có tiến bộ.

N V.

Kỷ sau D. — Lý-do vì sao Văn học Việt-Nam không được phong-phú.

BÀI CA «NGÀY CHÚA NHẬT ÂM-U»

(*Sombre Dimanche*)



MỘT bài ca
có cung mơ réo-
rất dẫu vào cái
u-buồn trầm-
lịch có thể lắng
chìm miên-mang

trong cõi lòng bao người. Một
bài ca phá tan nếp sống hồn-nhiên
để khơi lên niềm xúc-dộng khiến
hơn 20 người đã chết vì bài ca.
kể từ khi bản nhạc đó mới phát-
hành đến khi bị cấm hẳn.

Vâng, phải cấm hẳn khúc ca
giết người bằng văn chương, văn-
chương trứ tình khiến người đọc
sướt-mướt tán tụng tình yêu.
Chúng ta không la gì từ giới
thanh-niên, học sinh đến các thợ
thuyền, quan-chức, dân đen đều
có thể tư-từ vì nó bằng súng lục,
hàng giòng nước. Họ đã thả hồn
và đi sâu vào tâm sự nên thơ, say
dắm trong những hương yêu nồng
nặng của mối tình băng quơ lãng-

★ VÔ-BÁ-HẢI

mạn tạo bằng lý-tưởng, một khúc
tình nước mắt mà tất cả những
khách hào hoa đa-cảm đều đồng
điệu theo nhịp-nhàng của cung đàn
giọng ca.

Mới đầu chỉ một vài người
quyên-sinh, thiên ha còn trông
đời sự ngẫu-nhiên nhưng từ từ
trước mắt họ lại diễn thêm bao
lần nữa Bài ca có niềm xúc động
manh mẽ đó lại được quảng-cáo
qua các cửa miệng và nó vẫn bán
chạy như tôm tươi, nguồn thơ
thâm-nhiễm sâu đậm vào tâm tư
mọi người ăn mòn trong khối óc,
rao-rục trong quả tim ! Khi người
ta đã thấy sự hiệu-nghệ cảm sát nhân
của nó và cấm tuyệt nó đi thì đã
muôn rồi !!!

Bài ca đó là bài « Chúa Nhật
âm-u » (oh ! sombre dimanche)
mà chúng tôi xin theo nguyên-văn.

bản - dịch Pháp ngữ của báo
Paris-soir.

« Chúa Nhật âm-u », đây tiếng
nhạc bắt đầu rạo-rực trời lên theo
làn gió, thanh âm vào thính quan
mọi người. Ta hãy nghe cái « âm-
u » của ngày « chúa nhật » mà
thi sĩ tài-hoa Javor tạo nên dư-
khúc và nhạc-sư Seress đã phò
thành nhạc. Hai danh-nhân của
thành Budapest đó vô tình là kẻ
sát nhân đã giết hơn hai mươi
mạng người đồng-diệu tại kinh-
thành.

Đây bản Pháp-văn oh ! Som-
bre Dimanche :

OH ! SOMBRE DIMANCHE

Par ce sombre dimanche, les
bras chargés de fleurs,
Je suis rentré très tôt dans ma
petite chambre
Dù pourtant je savais que tu ne
viendras pas...
J'ai murmuré des chants d'a-
mour et de douleur
Je suis resté tout seul et j'ai
pleuré tout bas
En écoutant souffler le vent
froid de décembre,
Sombre dimanche
Je mourrais un dimanche où
j'aurai trop souffert

Alors, tu reviendras, mais je
serai parti
Des clerges brûleront tendre-
ment comme l'espoir...
Pour toi, rien que pour toi,
mes yeux seront ouverts
N'aie pas peur de mes yeux,
s'ils ne peuvent le voir
Ils te diront que je t'aimais plus
que ma vie
Sombre dimanche.

CHÚA-NHẬT ÂM-U

Chúa-nhật âm-u hôm nay,
Ta sớm đi em.
Trong gian phòng nhỏ nhỏ
Muôn cánh hoa trong tay ta
dành sẵn
Suốt cả ngày
Nhưng,
Ta hiểu rằng em không đến
Ta nguyện lời cầu tình yêu và
đau-khổ
Ta cô đơn
Ta khóc lên và lặng nghe gió
lạnh ngừng than tan-tán
Em ơi !
Chúa-nhật âm-u sau cùng !
Lòng ta tràn đầy đau khổ
Ta sẽ chết vào ngày chúa nhật
hôm nay
Em, xin em hãy đến cùng ta
Nhưng ngon nết, chiếc quan-
tài đưa anh vào cõi chết.

Như hy-vong của anh.
 Em hãy đến
 Mắt anh sẽ mở để trông thấy em
 Em đừng sợ-hãi dốt mắt anh.
 Dù không thấy được em, nhưng
 vẫn thăm nhủ rằng : ta yêu em
 hơn suốt cả đời ta.
 Ngày chúa nhật ôm u sau cùng!

Lời những người bạn đa-cảm
 của tôi ơi, có thể nào chúng ta
 đọc mà tim lòng chúng ta không
 thồn-thức ! Khúc ca nước mắt
 ràng-rụa tuôn tràn vào thành mi
 tao nên mỗi sầu vạn-kỷ !

Và đây là bản dịch bằng tiếng
 Việt, chúng tôi xin trích đăng
 (báo Ngày nay số 168). Báo Ngày
 Nay đã dịch nguyên bản Pháp của
 bác sĩ Paul Calollian (báo Les
 Annales)

Hai bản Paul Calollian và báo
 Paris-soir có khác nhưng về ý vẫn
 giữ được nguyên vẹn, truyền-cảm
 nên chỉ chúng tôi chọn bản dịch
 tiếng Việt đã dịch sẵn ở báo
 Ngày Nay để làm linh-hồn bài ca
 vẫn trong sáng nhẹ rung theo nhạc
 sầu cổ-diệu

Ôi ! Ngày chúa nhật âm-u !
 Hôm qua chờ đợi em, ta vì em
 dành sẵn
 Trăm ngàn bóng hương trắng

Với bao lời cầu-nguyện chan-
 chứa ở tâm hồn,
 Những điều tưởng nhớ bồi-hồi.
 Ta đợi em hể sáng ngày chúa-
 nhật
 Cờ đầu não của lòng ta trở về
 không mang em đến.
 Rồi từ ấy các ngày chúa nhật
 của ta

Không ngày nào có ánh-sáng
 Ta chỉ những uống nước mắt
 Và chỉ nuốt có nỗi đau lòng
 Đến ngày chúa nhật sau cùng
 của ta người yếu hời !

Xin em hãy đến cùng ta
 Em sẽ thấy một cô sống, một cô
 nhà táng với một tấm khăn liệm
 Một cô sống phủ hoa dưới một
 cây nở hoa
 Đó là nơi ta yên nghỉ bước
 sau cùng

Mắt ta sẽ mở để trông thấy em
 Nhưng,

Mắt ta em đừng sợ hãi
 Bởi vì trong cõi chết, ta vẫn
 còn ơn em vẫn đã đến
 Ngày chúa nhật sau cùng của ta.

Chúng tôi viết và sưu-tầm bài
 ca trên với sự dè-dặt thương-lệ
 và tin rằng nguồn rung cảm của
 dân tộc phương đông nói chung
 và Việt-Nam nói riêng không đến

núi phải lằng-mạn nông cuồng
như làn sóng ngập tràn miền âu
my và nhất là không quá nông-nổi
tạo - bạo như ở Hongrie vậy.
(Chúng ta chỉ thường-thức hương-
vị của ngày « chúa nhật âm - u »
cung như thường thức những khúc
màn oán sầu thương của những tác
phẩm cổ Kim Việt-Nam mà thôi.

Khí giới sắc bén của văn-
chương! Lời, ai có ngờ đến
thế! Văn - chương giết được
người ? ! !

Chúng tôi lại nghĩ đến cái giết
người khác trong một tác phẩm
của Thê-Lử (Lê - Phong phóng
viên) mà một nhân vật trong truyện
đã giết Mai bằng văn thơ « chơi
đôi cảm-tác ».

« Muốn tìm tảng đá đè thi... »

Khí giới nguyên tử giết được
người, văn - chương giết được
người. Cả hai đều là sát nhân ?
Gớm quá nhỉ !



Tờ «Gazet Van Geut» ở Bỉ là tờ báo chiêm kỳ lục về sống
đạt. Tờ này ra đời ngày 1 tháng giêng năm 1667 và chết vào
ngày 1 tháng giêng năm 1937. Vì chỉ thọ được 270 tuổi.



Một bác-sĩ người Anh, sau khi khảo xét các bản thống-kê về
số người điên trên toàn quốc, tuyên-bố rằng đến năm 2139, trên
trái đất này toàn là người điên.

Bởi từ sơ sanh năm 1859 trong 535 người tỉnh thì có một
người điên; năm 1897 trong 312 người tỉnh thì có 1 người điên ;
năm 1936 trong 150 người tỉnh thì có 1 người điên ; như vậy
đến năm 1977 có trong 100 người tỉnh thì có 1 người điên, và
đến năm 2139 thì tất cả người ta trên trái đất sẽ điên hết.

Không thấy bác-sĩ ấy bõ, có phải số người điên càng ngày
càng tăng là tại con người càng ngày càng «ăn-mình» chăng?

VỤ ÁM SÁT

Phụ Chánh

TRẦN TIẾN THÀNH

★ MINH-CAO



Ông Vương-
Đức - Hà
tương tập -
c h í P h ổ -
Thông số 20.
dưới đầu -

đề « Bên lề lịch-sử : Mượn
cái đầu » (trang 25, 26 và
27) có nhắc đến vụ ám-sát Trần
tiến Thành (cuối tháng 11 năm
1883), nhưng vì ông căn - cứ
theo tài - liệu sơ - sài như Báo
Trung - Nhật chiến-tranh nên
bài ấy có phần sai sự thật, có
nhiều điều thêm thắt làm cái chết
của một vị trung-thần như Trần
tiến Thành, tưởng như đã bị

tiểu-thuyết-hóa.

Nay tôi xin theo tài-liệu lịch
sử chính-xác kê nhau :

1) *Tiểu-sử Văn - Nghi - công*
Trần-tiến Thành (1) của Đào.
duy Anh đăng trong Tập-chí
Huế-thành hiệu-cổ (*Bulletin des*
Amis du Vieux Huế), số 2,
Tháng 4 năm 1944 ;

2) *Đại-Nam chính-biên liệt*
truyền, nhi-tập; thuật lại vụ ám-
sát này cho đúng với sự - kiện
lịch-sử, một cách khách-quan.

Như chúng ta đã biết, Nguyễn.

(1) *Les grandes familles de*
l'Annam : S. E. Trần-tiến-
Thành.

văn Tường và Tôn-thất-Thuyết
tư ý phở vua Dục-Đức mà
không cho Trần-tiến Thành biết.
đầu ông đứng đầu Triều. Trong
hội họp Đình-thần, Trần-tiến
Thành lớn tiếng phản-đối làm
Luong và Thuyết phải hức-tức
Khoa-đạo Phan Đình - Phùng
cùng đứng lên thẳng-thẳng phê-
bình thì bị bắt trói giữa Triều,
trước mặt bá quan

Buổi thấy mình lẻ-lai, Trần-
tiến Thành xin từ-chức Thượng
Thu Bộ Binh mà ông giữ luôn
văn 20 năm không thôi được,
tuổi đã 70, vì vua Tự-Đức
không thuận cho. Trần - tiến
Thành chỉ còn giữ chức Tổng-
tu Quốc - sử - quán mà thôi.
Thuyết được cử lên thay
Thượng-thư Bộ Binh làm cho
uy quyền của Tường và Thuyết
càng tăng thêm.

Lúc bấy giờ Hiệp-Hòa được
tân thay vua Dục-Đức Dẫu còn
cho tuổi, Hiệp-Hòa cũng tỏ bất-
bình về thái độ của Tường và
Thuyết nên tìm cách trừ bỏ đi.
Hiệp Hòa thường tỏ nỗi thắc-
mắc của mình với Tham - biện
Huỳnh Sâm (1) và Tham - tri

Huỳnh-Phì (2) được vua tin
cậy. Hai ông này làm mặt-sớ xin
xử tử Nguyễn văn - Tường,
trong sớ nói việc này « đã được
Phụ-chánh Trần-tiến Thành ý
hiệp ». Việc bại lộ, vì Nội-giám
Phạm Tác làm phản, mách lại
với Nguyễn văn Tường.

Tường và Thuyết đối - phó
ngay bằng cách hội Đình - thần
để ký vào Phiến xin truất - phở
Hiệp-Hòa. Trần - tiến Thành
không đến họp, vì cáo bệnh về ở
nhà riêng ở Chợ Dinh. Nhưng
Tường và Thuyết cũng phải
người đến xin ký vào Phiến ấy.
Trần-tiến Thành không nhúng
từ-chối không ký, lại phê vào
giấy : « *Phở lập là việc tối quan
trọng, sao lại có thể tái - diễn
luôn như vậy ? Tội đã về lưu
nên không dám dự bàn* ».

Biết trước hậu-quả của thái-
độ trung-trực của mình, Trần-
tiến Thành lo sắp - đặt việc nhà,
cho gia-quyển về trốn tại chánh-
quán là làng Minh-hương, trong
nhà chỉ giữ lại người thiếp tên
là Lê thị Như và vài lính hầu

(1) con Tuy-Lý vương

(2) con Tùng-Thiện vương

Hiệp-Hòa bị phế và buộc phải uống thuốc độc tự-vẫn. Đêm 30 tháng 10 âm-lịch, Thuyết lại sai đội *Phấn - Nghĩa* do *Hường-Hàng*, *Hường-Chức* và *Hường-Tế* chỉ-huy kéo đến nhà *Trần-tiến Thành* ở *Chợ-Dinh*. Nhà này theo kiểu xưa, trước có ba căn, làm phở buôn bán. Căn giữa có cửa bằng thông ra nhà ngang. Nhà ngang có gác thấp. Bốn phần-nghĩa bố-trí ngoài đường, chỉ độ mười người vào gõ cửa, mạnh đến nỗi các nhà lân-cận đều thức dậy tưởng là quân cướp. Trong nhà không chịu mở, họ phải cạy cửa mới vào được. Một tên đi trước mang tráp đồ sơn son thếp vàng (thường dùng đựng *Chiếu*, *Chỉ*), người chỉ-huy ngó lên gác la to :

« *Có Chiếu Chỉ cho một Tướng-công vào Triều gặp.* »

Trần-tiến Thành nghe nói ngời dậy choàng áo đen, và bước xuống thang gác, tay trái vịn vào vai *Lê thị Như*. Xuống khỏi thang, tay còn mắc gài khuy áo dài chưa xong thì *Thành* bị đâm nhiều mũi giáo. *Lê thị Như* lạnh lẽo muốn che đỡ cho chồng nên bị đâm ở tay mặt.

Đó là sự thật về vụ ám - sát *Trần-tiến Thành* kể lại theo tài-liệu lịch - sử chính - xác và tập « *Minh-hương Trần - thị Thế-Phổ* » mà tôi được hân - hạnh nghiên - cứu thêm. Như vậy những điều : « *Mượn cái đầu của Tướng - công... Nàng hầu vung kiếm lên..., thường - thức thêm vài điếu thuốc nữa...* » mà *Ông Vương đức Hà* đã thuật lại, cho chúng ta, tuy có phần vui lạ nhưng tiếc lại không đúng sự thật.



* THÂM THAI

Bà có bầu - Bẩm bác sĩ, theo như cái thai này thì tôi sẽ sinh con trai hay con gái ?

Bác sĩ : Ấy, cái thai này của bà mang chứ có phải của tôi đâu mà tôi biết.

— 111

LINH HẰNG



(Tiếp theo P. I. số 75)

★ TCHYA



THEO
các nhà
khảo cứu,
thì hơi
B á c v à
hơi Xuân

là bản thể của tinh thần vui vẻ cổ truyền. Chỉ riêng hơi Nam là chịu ảnh hưởng trực-tiếp của âm điệu Chiêm-Thành, và người Chiêm-Thành, trong thuở nước mất nhà tan, không thể nào cảm lòng mà không phát-lộ ra những lời ai oán được.

Đó cũng chỉ mới là một lẽ, suy khiến lời ca Huế có những điệu âu-sầu, thốn-thức nhớ-nhung. Lẽ thứ hai có thể là một hiện-tượng tâm-lý.

Lúc người Bắc theo Chúa -

Nguyễn vào Nam, thì tâm-trạng cũng chẳng khác gì tâm-trạng của những kẻ di-cư, phút chốc phải lìa nhà xa cửa. Đi qua sông Gianh để vượt Trường nhà Hồ mà vô Phú-xuân, những phần-tử di-cư trong thời Lê-Trịnh làm sao tránh khỏi nỗi hùi ngùi thương tiếc, trông về quê xưa mà chẳng mũi lòng. Nỗi nhớ thương dần dần xâm chiếm tâm-hồn, rồi biểu lộ ra lời nói.

Chẳng cứ gì điệu Nam-Bằng Nam-Thương mới lâm-li khác-khoái, đến cả những điệu hát nôm, những điệu hò mái nhì mái đẩy, cũng vẫn ấp-ủ mối đa-cầu đa-cảm của những khách tha-hương vô vô một phương trời.

Nhưng, dù ở một phương-

trời xa lạ, con người vẫn không
làm sao quên được ái-tình. Ái-
tình nảy-nở và phát-triển bất-
luyện ở phương Trời nào, xui
khiến những thanh-niên thiếu-
nữ gặp nhau thì trao đổi những
lời gán-bó. Do sự trao đổi đó
mà nảy ra những câu «lý giao-
duyên», ngô nghĩnh và âu-yếm :
Mưa lâm-râm ướt đầm bóng

huê lảo,

Anh cảm thương cô mình mặc
áo vá vai,

Ơi nường nường ôi !

Anh cảm thương cô mình mặc
áo vá vai.

Điệu hát lý đó là một điệu đặc
biệt phát-xuất từ xứ Thần-Kinh.
Lý giao duyên, lúc đem ra áp-
dụng cho các loài hoa, thì hóa
ra một nhạc khúc đa tình hết sức
Bách huê đầu dãi tuyết sương,
Huê lan huê cúc anh thương
huê nào ?

Anh cảm thương huê mạn huê
đào.

Còn bông huê lú biết vào tay ai
Xin chàng đừng thắm chớ phai
Thoảng thoảng huê nhài mà lại
thơm lâu.

Em thương nhớ chàng trăm
thăm ngàn sầu

Điệu ca Huế có một thú thanh
nhã chẳng kém gì điệu hát ả-
đào. Duy có điều là chúa Nguyễn
mãi lo công việc khai khẩn đất
đai, nên không có thì giờ nhàn-
rỗi mà ngồi thưởng-thức ca hát
hằng tiếng trống châu quý-phái.
Thành ra, trong lối ca lý Huế
không có trống châu như những
môn nghệ-thuật cổ.

Nghệ-thuật không có bờ bến,
và không có xứ sở, nên ca Huế
đi mãi, tiến mãi, vào tới Nam để
biến ra ca Cải-lương. Cách đây
30 năm về trước, ca Cải-lương
cũng chỉ là một lối hát chơi-bời
thanh lịch mà thôi, nhưng dần-
dần Ca Cải-lương tự biến cải để
thành ra một nghệ-thuật sân-
khấu.

Muốn biến ra nghệ-thuật sân
khấu, Ca Cải lương hóa ra hát
Cải lương, và phải bỏ huê bất
chước bộ điệu hát tuồng để
thành ra một thứ ca Vũ-Kịch
nửa tân nửa cựu.

Về phương - diện Thi-văn,
Kịch Cải-lương lấy những âm-
điệu của cổ nhạc Huế, biến thể
đi cho thích-hợp với lòng thị
hiếu của thời nhân. Những bản

như Lưu-thủy, Hành-vân, vẫn được duy-trì, nhưng các ông «thầy tuồng» lại đặt ra những nhạc khúc mới nữa, như Vọng-cổ hoài-lang, Tứ đại oán, Vĩn-thiên - Tường, Tây - Thi, Bình-bán v.v...

Các nhạc khúc đó, buổi ban đầu, rất ngắn-ngủi và lạnh-lẹ. Bài Vọng cổ ngày xưa mới thoát vào, chỉ có những câu rất vắn tắt:

Lời đưa phu tướng.

Rồi kiếm sắc phong lên đàng,

Đào ra luống trông tin chàng,

Năm canh mơ-màng ...

Ngày nay, cách chưa đầy nửa thế kỷ, bài ca đó đã kéo dài từ 4 nhịp ra 32 nhịp, và âm-diệu cũng buồn rầu áo-não chẳng kém gì âm-diệu của những khúc Nam - Ai Nam Bàng.

Luy nhiên, ngoài bài Vọng-cổ ra, còn nhiều điều khác nữa. Hát Cải-lương là một nghệ-thuật dùng tự tìm tòi và đang muốn tiến-hóa, vì nghệ-thuật đó ra đời chưa được bao lâu.

Giữa khi hát Cải-lương đang được thế ưu-tiên, vì làm lu-mờ được môn hát tuồng, thì bỗng gặp phải một địch thủ tân-tiến. Địch thủ đó là hát Cải-cách, và

kịch thơ.

Kịch thơ hiện thời không được thịnh-hành bằng hát Cải-cách. Các điệu hát Cải-cách này là những khúc điệu, phổ vào một thứ âm-nhạc mới. Âm-nhạc mới này, cũng như thơ mới, là âm-nhạc Tây-phương, nhưng chế-biến đi cho hợp tinh-thần và tính-cách của dân-tộc Việt-Nam.

Nếu thơ mới là một thể thơ đang cố gắng đạt tới một hình-thức hoàn toàn mỹ-mãn, đánh dấu thời-đại giao-hòa giữa Đông phương và Tây-phương, thì ca nhạc mới cũng là một nghệ-thuật đang dọ-dẫm tìm đường, ngõ hầu thoát ly khỏi nền-nếp bó buộc của thời xưa để bước vào một cuộc sinh - tồn khác, có nhiều tương-lai và triển-vọng rực-rỡ huy-hoàng.

Dù muốn, dù không, một khi hai nền thơ mới và ca nhạc mới đi ra đời, thì cả hai đều phải cố gắng để trưởng thành, rời cố-gắng mà tồn tại.

Đó là điều mà tất cả mọi người Việt-Nam đều muốn như vậy, và chúc như vậy, nhưng nền Thi-Ca Việt-Nam rồi đây tiến tới trình-độ nào, chỉ có Tương-Lai mới có thể trả lời được.

HỘI KÝ

Một Đời Người

THIỆU SƠN

PHẦN THỨ HAI

VII

VAO ĐẢNG XÃ-HỘI

(Tiếp theo P. T. số 25)

TỪ lâu tôi đã nghe nói ở bên Pháp có Đảng Xã-Hội yêu công - lý, trọng nhân-đạo và hay binh-vực những nhà ái-quốc Việt-Nam. Như nghị-sĩ Moutet đã can thiệp ở Nghị-trường đòi thả cụ Phan - châu - Trinh, như toàn-quyền Varenne đã ân-xá cụ Phan-bội-Châu đều là đảng - viên Đảng Xã - Hội Pháp. Tôi còn nghe nói hồi đó có chi-Bộ Xã-Hội Pháp ở Hà-nội do giáo-sư Louis Caput lãnh-đạo kết - nạp được nhiều đảng-viên Việt-Nam và hoạt - động khá lắm.

Nhưng ở Saigon tôi chưa

thấy mặt ông Tây Xã-Hội nào. Sau những cơn khói lửa đầu tiên ở Saigon tôi nghe tin có nhiều người Pháp bị sát-hại hoặc mất-tích trong đó có 2 ông Tây Xã-Hội mà tôi không còn nhớ tên.

Rồi có tờ báo Pháp xuất-bản ở Saigon lấy tên là *Justice* (Công-lý). Hai số đầu *Justice* mạt-sát những kẻ sát-nhân không tiếc lời và than-thở về cái chết của 2 ông Tây Xã-Hội, những người đã thành-thật yêu - mến dân-tộc Việt-Nam, những người luôn luôn phục-vụ công - lý và nhân-đạo v.v... Tôi thấy giọng

đàn của Justice cũng không, thích gì giọng-điệu của thực-dân.

Nhưng qua số 3 thì Justice thay đổi hẳn lập trường và giọng-điệu. Nó chủi thực - dân mình mẽ và qui-tội cho thực-dân phải chịu trách - nhiệm về những cuộc đổ máu ở Việt-Nam.

Nó kêu dân-tộc Việt-Nam là dân-tộc anh em và kêu cuộc cộng-độc Pháp-Việt là huynh-đệ tương-tàn v.v...

Tôi đọc liên-tiếp nhiều số và tìm ra say - mê Justice và say-mê luôn cái Chi-Bộ Xã - Hội Pháp & Sài-gòn.

Tôi cùng vài người bạn Việt Nam tìm kiếm họ vừa lúc họ cũng đương tìm kiếm những đồng chí Việt-Nam.

Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau ở Hội quán Hội Bắc-Kì Ái-hữu vào khoảng tháng 12 năm 1945.

Có lối độ 5, 7 ông Tây Xã-hội và không đầy nửa chục người Việt-Nam. Người ta giới thiệu ông Tổng Thơ-ký Chi-bộ là ông Valère, một ông Tây đen người xứ Martinique.

Ông Tổng thơ ký nói qua về

chủ-nghĩa Xã-hội, về Đảng Xã-hội Pháp, về lập trường của Đảng xã-hội là ủng-hộ phong-trào giải-phóng của dân tộc Việt Nam. Rồi có nhiều ông khác thay phiên nhau nói. Tôi cũng ngửa miệng hỏi các ông :

« Tôn chỉ và mục-dịch đảng Xã-hội như thế là đẹp lắm
• Nhưng các ông là người Pháp,
« chúng tôi là người Việt-Nam
« Nay các ông ủng-hộ chúng
« tôi. Mai một các ông bỏ rơi
« chúng tôi, chúng tôi cứ theo
« các ông riết thì chúng tôi mới
« trả lời ra sao với đồng bào
« của chúng tôi sau này ? »

Ông Tổng thơ ký trả lời :

« Nói là đảng Xã-hội Pháp cho gọn chứ thật ra nhưng thật ra chỉ là một chi bộ Pháp của quốc tế Lao-động (Section française de l'Internationale ouvrière) (1) gọi tắt là S.F.I.O.

Vậy thì đây là một đảng quốc tế, chủ nghĩa tuy một nhưng lập trường có thể thay đổi khác nhau tùy theo hoàn cảnh mỗi nước

(1) *Bây giờ quốc-tế Lao động đã đổi thành quốc tế Xã hội (Internationale Socialiste)*

Khi mà lập trường của các đồng chí Việt Nam cách biệt với lập trường của đảng bộ ở Pháp, thì các anh có thể cứ tranh-đấu trên lập trường của các anh, hoặc xin ra khỏi đảng hay xin thành lập một Chi-hội Việt-Nam độc-lập liên hệ thẳng với Quốc-tử Lao động."

Tôi bằng lòng xin gia nhập đảng và từ ngày 15-12-1945 tôi được chánh thức kếp-nạp vào Đảng Xã-Hội Pháp.

Tôi kiểm-đọc những sách, báo Xã-Hội, tôi viết báo Justice và thấy lòng say-sưa với một đạo-lý mới, rộng-rãi hơn, cao đẹp hơn cái đạo-lý « độc - thiện kỳ-thân », trốn trong Tháp Ngà để trau dồi nhân-cách.

Chủ-nghĩa Xã - hội đặc - biệt chú-ý tới những người đói cơm, rách áo, bị bóc lột và bị áp bức. Nó cũng chủ - trương mỗi dân-tộc có quyền tự-quyết, mỗi quốc-gia có quyền đòi độc-lập. Nhưng hết thấy mọi người đều nên thương yêu nhau, coi nhau như anh em một nhà và giúp đỡ lẫn nhau chống với Tư-bản chủ-nghĩa và những hình-thức khác

của nó là Thực-dân và Đế-quốc chủ-nghĩa.

Như thế thì không còn nên chia loài người ra làm 2 hạng: hạng quân-tử và hạng tiểu nhân. Quân-tử phải chăng là bọn chủ-nhân-ông, bọn tư-bản của thời phong-kiến? Tiểu-nhân phải chăng là những người làm tôi-mọi cho bọn quân-tử nói trên?

Chủ-nghĩa xã-hội muốn thiết-lập một chế-độ xã-hội công-bằng, nhân-đạo không có cảnh người bóc-lột người.

Cổ-nhiên là người xã-hội chơn-chánh không thể về phe với thiểu-số thực-dân để áp-bức bóc-lột cả một dân-tộc đương quyết liệt tranh đấu cho độc-lập và tự-do của mình.

Ngoài ra tôi còn nhận thấy ở các đồng-chí Pháp một cái gì khác hẳn với thực-dân. Họ giản-dị, họ thẳng-thắn, họ có tình, có nghĩa, không kỳ-thị chủng-tộc, không phân-biệt màu da và nhiều khi họ dám hy-sinh cho lý-tưởng một cách gan-dạ vô-cùng. Những chuyện đó, thúng-thắng sẽ nói sau.



VIII

TÔI KHÔNG THỂ

Dầu đối với chính-quyền cách mạng tôi không tín-nhiệm lắm, nhưng cuộc cách-mạng giải-phóng được nhân dân ủng-hộ nhiệt-thành thì tôi thấy lòng tôi cũng nghiêng về với nhân-dân.

Hơn nữa tôi đã thề trước bàn thờ Tổ quốc là không cộng-tác với thực dân thì tôi cũng muốn giữ trọn lời thề. Mỗi ngày vợ tôi phát cho tôi 5 các uống cà-phê. Sau tôi xin thêm được 5 các nữa mua báo. Tôi khó chịu về sự nghèo túng của tôi thì ít nhưng khổ tâm vì sự vất vả của vợ con nhiều hơn. Con tôi ngồi bán thuốc hút ở đầu đường và mỗi ngày cũng kiếm được ít đồng về góp cho mẹ. Riêng tôi, chẳng làm được nghề ngỗng gì để kiếm ra tiền. Chẳng lẽ lại viết bài cho mấy tờ báo Tương-lai, Phục Hưng là những tờ báo do thực dân bỏ tiền ra mua vài ký giấy thiếu lương tâm để chữ lại Kháng chiến ?

Lâu lâu vợ tôi lại mót đồ

trong nhà đem đi bán để dong gạo.

Tuy nhiên, sự túng thiếu chưa lung lạc được lòng tôi. Điều đáng sợ là lâu lâu lại có thông-cáo của nhà cầm-quyền Pháp kêu gọi và định kỳ hạn cho công-chức phải trở về làm việc. Có những người thân Pháp tới tận nhà tôi khuyên tôi phải đi làm việc không thì sẽ bị khủng-bố. Mới đầu tôi còn coi thường nhưng sau tôi không thể coi thường được nữa. Lâu lâu lại có những cuộc «bố, ráp», hề không có giấy tờ của nhà chức trách cấp phát thì bị bắt, bị giam, khổ lắm, chịu không nổi.

Tôi đành phải lờ thề mà ra nhà giấy thép chánh trình-diện.

Một ông Tây mới hỏi qua lý-lịch tôi rồi nói :

— Anh bằng lòng trở lại làm việc với chúng tôi, phải không ?

Tôi đáp :

— Không phải. Các ông ra thông cáo hẹn ngày giờ cho chúng tôi phải tới trình diện thì tôi buộc lòng phải tới theo mạng lệnh của các ông. Nhưng nếu ông đã đủ người giúp việc thì

tôi vui lòng lui bước chứ không xin làm lại với các ông đầu.

Rồi người ta trả lời rằng người ta cần dùng tôi và tôi phải trở về chỗ cũ tức là nhà ga-xi-thép Gia-Định.

Về sở cũ tôi gặp lại những bạn đồng-sư hầu hết đã lục-tục kích về trước tôi.

Ngồi trong sở ngó ra đường phố còn vắng hoe, lâu lâu mới có 1, 2 người khách hàng lui tới, tôi cảm thấy tủi hổ trong lòng. Vậy mà cuối tháng lãnh lương đủ, lâu lâu lại lên lương và lãnh truy cấp (rappel), phong hầu ghê.

Sự tủi hổ lần lần phai lạt nhưng rồi nó lại có dịp trở lại tàn cut lòng tôi.



Sau khi chánh-phủ tu-trị của Bác-sĩ Nguyễn-văn-Thỉnh bị lật nhào và kết-liệu bằng cái chết đau thương của ông thì Bác-sĩ Lê-văn - Hoạch lên thay thế để lãnh đạo chánh-phủ bù-nhìn « Nam-kỳ-quốc ».

Mà không bù nhìn sao được khi bộ máy cai-trị vẫn hoàn-toàn nằm trong tay người Pháp.

cả đến ông chu Tinh cũng vẫn là người Tây.

Thủ tướng Hoạch huộc toàn thể công-chức người Việt phải thể trung-thành với Chánh-phủ của ông. Ở Gia định thì tập trung tại Tòa hồ để thể

Tôi hỏi ý kiến anh em đồng sư thì anh nào cũng riu-riu thi-bành mạng lịnh. Tôi không dám can anh em và cũng không dám trách anh em. Nhưng lương-tâm tôi cũng không cho phép tôi làm y như anh em. Nên tôi thảo liền một lá đơn từ chức và quay điện thoại nói với ông Trưởng-phòng nhân viên về lý-do từ chức của tôi. Rồi tôi không đi thể.

Ông Trưởng phòng Nhân-viên là một ông « Tây mới », một người Pháp dân chủ Ông tên là Georges Kling. Ông nghe tôi trình-bày hết lý-lẽ của tôi: Tôi đã thể một lần rồi mà tôi không giữ được vì bất huộc phải trở lại làm việc với người Pháp, lần này tôi không thể nữa vì sợ cũng không giữ được lời thể như lần thứ nhứt Vả lại, tôi nghĩ rằng làm việc là bán sức-khoẻ, bán ngày giờ, vận dụng khả năng mình để kiếm đồng-

lượng chứ không phải bán linh hồn cho chủ, v.v... Ông gạt đầu tỏ ý tán thành và nói : « Anh làm một công sở liên-bang, không trực-thuộc chánh-phủ tự-trị Nam kỳ, họ không có quyền bắt-huộc anh phải làm những việc như thế. Như vậy thì anh không còn lý-do xin từ chức. Nếu chủ tính làm khó dễ anh thì anh ra Saigon làm việc với chúng tôi ».

Thế là tôi khỏi phải xin từ chức và cũng khỏi phải thế.

Tôi còn đem việc này nói với các bạn đồng chí trong Đảng Xã hội thì các anh cũng bất-hình. Một phái đoàn Xã hội được thành lập để đưa tôi lên phản-kháng với Ủy viên cộng-hòa hồi đó là ông Torel, một cựu công-sứ đã làm việc ở Cao nguyên Trung kỳ.

Ông Torel có bản mặt thực-dân rõ-rệt, thuơng không vô. Sau khi đã nghe lời phản-kháng của chúng tôi, ông nói :

« Tự-do dân chủ tốt đẹp thật nhưng chỉ có thể áp dụng ở những nước văn-minh. chứ ở Đông-dương dân chúng còn lạc

hậu cần phải có chánh-sách mạng-linh thì họ mới tuân theo. Tôi đã cai-trị bọn Mọi ở vùng Cao-Nguyên và đã rút được nhiều kinh-nghiệm. Họ chưa tới trình độ biết xử - dụng tự - do. Ban-hành tự-do cho họ tức là cho họ một thứ khí-giói mà họ không biết xài, rồi họ lạm dụng mà làm rối trị - an hay làm hại đời họ v.v... »

Tôi trả lời : « Nghĩa là ông coi dân-tộc Việt - Nam cũng như những người Mọi của các ông. »

Các đồng-chí Pháp thay phiên nhau cho lão thực-dân đáng ghét này những bài học đích-đáng về tự-do và dân-chủ. Tôi được làm chứng một cuộc tranh-luận hào-húng giữa hai hạng người Pháp và tôi càng thấy rõ ai là bạn, ai là thù của ta trong cuộc cách-mạng giải-phóng này.

Ít ngày sau tôi được lệnh chuyển - chuyển ra Sài-gòn làm việc và còn có dịp nói tới Georges Kling.

(Còn nữa)

Thơ PHAN - KHÔI

CÁCH đây mấy mươi năm, và mãi đến bây giờ, trong làng văn, làng báo xứ ta, người ta chỉ biết ông Phan Khôi là một « nhà văn », chứ ít ai biết ông Phan-Khôi « nhà thơ » vì ông không hay làm thơ. Ông sư-trưởng về loại văn nghị-luận, biện-bác, khảo-cứu, với một lối hành văn danh thép, già dặn và một lý-luận cứng rắn, vững vàng. Bài của ông được đăng rải-tác trên các báo - chí nổi tiếng Nam-Trung-Bắc.

Hồi còn bình-bút cho tờ « Phụ Nữ Tân Văn », có lần ông đã cao-húng đề-xướng ra lối « thơ mới », cũng gọi là thơ « tự do » làm sôi-nổi dư - luận một đạo. Ông bang-hái dă-kích lối « thơ cũ », cho là bị gò - bó trong khuôn-ghê chật-hẹp và bị niêm-luật chi - phối nên không thể « nói » hết tư-tưởng mình. Ông chủ-trương làm thơ « tự do », bất chấp cả niêm - luật, cũng

★ MINH KHA

không cần hạn - chế số câu, số chữ, chỉ cốt « ăn văn » là được.

Ông mạnh dạn đưa ra một bài thơ làm mẫu - mực cho loại « thơ mới » ấy, nhan đề là « Tình già » mà tôi rất tiếc, chỉ nhớ được có đoạn đầu :

Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa
mưa.

Duối túp lều tranh, trong
glan nhà cũ,

Hai mái đầu xanh, kề nhau
than-thở.

Rằng : Đôi ta tình thương thì
vẫn nặng,

Nhưng lấy nhau thì hẳn là
không đáng.

Nếu sớm biết phật xa nhau
Thà trước liêu mà buổi
nhau...

Người đầu tiên hưởng - ứng
lối « thơ mới » của ông Phan-
Khôi, là cô Nguyễn - thị - Kim.

biệt hiệu Manh - manh Nữ - sĩ.
Kể đó là ông Hồ-văn-Hảo, cả
hai đều là ký giả báo Phụ Nữ
Lân-Văn thời bấy giờ.

Ông Phan-Khôi đáng gọi là
người đã mở đầu cho lối « thơ
mới », theo quan - niệm « thơ
mới » lúc bấy giờ.

Tuy ông là người tham - gia
với sáng phong-trào « thơ mới »
nhưng oái-oăm thay, bài thơ của
ông, được người đời truyền
tụng nhất lại là một bài thơ làm
theo « lối cũ » tức là theo thể
thất ngôn, bát cú, Đường luật.
Con bài « thơ mới » của ông
(lính-già) thì người ta chỉ đọc
lên để cười chơi, vì nó chỉ là
một bài vè, không chứa đựng
một chút « thi vị » nào cả.

Bài « thơ cũ » của ông, nhan
đề là « VIẾNG MỘ LÊ-
THẮT », nguyên văn như sau :
Lần - quốc, Bình - Tây tiếng
mấy thu,

~~~~~

~~~~~

Ấy hoa mờ cỏ, sắc âm-u.
Chim gào hờn sóng, xuân âm-l
Hùm thét uy lưạ, gió vụt-vù.
Ấy dưng, ấy trung là thế-thế,
Mà nhân, mà nghĩa ở mô-mô ?
Cát chuyện anh - hùng ai nhắc
nữa,
Hồ tây vắng-vắng tiếng chuông
bu...

Điều đáng chú ý là trong thơ,
ông dùng nhiều tiếng miền trung
(quê ông ở tỉnh Quảng - Nam)
như « uy lưạ », « mô - mô »,
« tiếng chuông bu », cũng như
trong bài « thơ mới » trên kia,
ông dùng toàn tiếng « nôm »,
có giữ cho bài thơ có vẻ « bình
dân », giống như những câu
« ca-dao » từng được phổ biến
trong dân chúng. Điều đáng chú
ý nữa là hai câu kết của bài thơ
này (câu thứ 7 và "thứ 8)
cũng sai niêm luật, lại chúng
tô rằng ông Phan - Khôi
không phải là một Thi - sĩ
« chánh hiệu » !

Một lão ở Diyarbakir (Ankara) vừa « ra gia » ai muốn cưới con
nó lão phải nộp số bạc 150 000 quan mỗi ký lô tính theo sức nặng
của nó (lối 2 triệu quan) và một lão khác ở Ayallik đòi 2 livres 50
dong mỗi năm tuổi. Cậu nào muốn cưới thì trả tiền dè lấy .. hóa đơn.

CHUYỆN NGÀN

PHỎNG

DỊCH

Người hóa cọp

Nguyên tác Pháp-văn của
NGUYỄN - TIẾN - LANG



HÀ LI HẢI N.T. dịch



XU A kia,
Nghệ - An
là một xứ
rừng - rú
thác ngàn,
nên mới có
câu ca dao:

«Yêu em

anh cũng muốn vô,

Sơ trường nhà Hồ, sơ phá
Tam-Giong».

Một buổi chiều nọ, một quan
Ngự-sứ được vua phái qua tỉnh
này. Theo ông có rất nhiều quân
hộ vệ. Khi đến thấy cánh rừng
âm-u thì ngựa nhảy lồng lên,

hí dài vì sợ hãi và không
chịu tiến nữa. Và sự
kinh-sợ lên mạnh vào
những người hầu-vệ.

Quan Ngự-sứ thúc
ngựa lên, con vật chỉ
hực hặc. Ông liền hỏi
quân lính. Người già
nhất trong đoàn thưa :

— Thưa quan ngài,
ấy là vì ông Ba mươi
đấy. Vì ông Cọp đen
đấy. Ông sống trong
rừng này đã lâu lắm rồi.
Ông reo-rắc sự sợ hãi
cho mọi người và loài
vật nữa. Không một ai

dám qua vùng này một mình...
những kẻ đến đây đều dừng
lại để chờ đông người mà
nhập đoàn.

Và tất cả xông-xao :

— Thật là khủng khiếp. Vâng,
chính là sự thật !

— Thưa quan ngài, đó là
những điều tai chúng con nghe !

— Thưa quan ngài, đó là
những điều mắt chúng con thấy !

Quan Ngự-sứ la lên :

— Con hổ hỗn xược !

Và, ông xuống ngựa bước bộ
đến rừng. Mọi người thấy ông
quá liều mạng đều run lên.

hai hàm răng cầm-cập. Nhưng ông, đến mép rừng ông ngừng đứng lên và cất tiếng gọi to phá tan sự im lặng ghê sợ :

— Ta, là người đại diện của Hoàng đế được phái thi-hành công việc cho nước nhà. Hoàng đế là chúa tể của thần thánh, của mọi người, cả loài vật, cả non, cả nước. Có phải người là con vật làm trở ngại sự thi-hành mệnh-lệnh của nhà vua không ? Ta gọi người, ta là Nguyễn văn Phạm quan đại thần có nhiệm-vụ xem xét việc cai-trị...

Từ trong rừng sâu, một giọng người, hình như có vẻ vui-mừng lẫn nhay vọt ra :

— Ồ, bạn tôi. Ồ Nguyễn-văn Phạm, cử-nhân năm Mão của làng Hội. Anh tìm tôi sao ?

Vậy con hổ biết nói sao ?

— Chính ta, quan Ngự-sử trả lời. Nhưng người là ai, là hổ hay người. Ô, người bảo ta là bạn người sao ?

— Con hổ ấy chính là người, mà là bạn đồng học của anh, ở anh tôi. Anh có muốn nghe tôi không ?

Quan Ngự sử nghe :

— Anh ơi ! Đây là tất cả sự

thật ! Tôi ở đây thường nhớ tới anh, tới sự rủi ro của kẻ thi mà nó đã đưa anh lên đài danh vọng. Tôi từ già thường thì tìm đường trở về nhà lòng tủi nhục. Song trên đường về, tôi thấy không còn can đảm về lại quê hương nữa. Tôi muốn tiếp-tục cuộc viễn du của tôi. Từ tỉnh này sang tỉnh khác, tôi vẫn sáng tác thi văn, tôi đã đi khắp Nghệ-An. Một ngày nọ, khi mặt trời thiêu đốt con đường cực-độ, tôi ngồi dưới bóng mát. Một chúng đầu đầu rừng rợn ôm lấy màn tang tôi, rồi sự chóng mặt kỳ-lạ làm cho tôi thấy mọi vật quay-cuồng trước mặt tôi. Một ngọn lửa tàn phá trong mạch máu tôi và tôi tưởng rằng tôi đã trở nên điên. Tôi ném mình vào nơi kéo lán nhất trong rừng. Tôi ngất đi ở đấy, trong một cơn mê kéo dài đến rất nhiều ngày. Lúc tỉnh dậy, tôi khát nước quá và tôi lang thang tìm suối. Khi nhìn hình mình trong nước tôi xiết bao kinh-ngạc và ghê sợ: tôi thấy tôi mất hẳn bề ngoài của con người. Tôi có hình dạng một con hổ đen.

Nhưng tôi còn óc não mình-

mắn, óc não của con người: Tôi tự nguyện rằng sẽ không bao giờ ăn thịt người. Và tôi ở lại trong rừng, săn nai con, hươu, cầy-hươg... Tôi đã ăn nhiều thịt thú vật, nhưng đến một lúc thú rừng đều lần trốn hết. Chân tôi già mà phải rượt theo chúng quá xa nên mệt nhọc và khổ sở lắm. Tôi cũng biết đói chứ. Và một ngày nọ, tôi thấy, dù rằng lúc đó tôi sắp nhảy vào con mồi, là một người. Đó là một người đàn bà, một người đàn bà trẻ đẹp đi tìm nước ở nguồn suối. Trời, duyên dáng và mảnh mai quá ! Nhưng tôi chỉ còn là một con hổ đói. Bằng một cái vồ chớp nhoáng, tôi vồ chết người đàn bà múc nước, và tức khắc tôi nuôi sống tôi bằng thân thể xinh đẹp đó. Anh bắt lỗi tôi à ? Ấy cũng vì sự đói, nhưng tôi tìm thấy ở thịt đó một hương vị thơm ngon hơn tất cả các vật mà tôi đã giết... Và chính từ ngày đó tôi không bao giờ có thể hưởng lại được dù cũng là người khi cơn đói gào xé tôi. Năm tháng cứ đi qua. Bây giờ than ôi ! Tôi đếm lại thì tôi đã ăn 40 người.

Nay, hôm nay, mặc dù cơn đói quấy rầy, tôi không hiểu sao như có cái gì ngăn cản tôi vồ người. Người ta bảo rằng có một sức lực gì không cho tôi nhảy vào đoàn người hay ngựa của anh. Bây giờ tôi hiểu rồi : đó chính là lòng người của tôi sống lại. Chính anh, bạn tôi, làm linh hồn tôi cảm động. Bạn, vậy bạn tôi đã trở nên ủy viên của Hoàng đế rồi à ?

— Vâng, tôi là quan Ngự sử của triều đình. và kiểm soát tỉnh lý. Tôi làm cuộc hành-trình này là để xem xét. Anh đói, phải không ? Anh muốn ngựa của tôi không ? Tôi sẽ để cho anh bắt một con.

— Không, không, tôi xin anh đừng. Tôi đã biết lòng tốt của anh. Nhưng anh đang có sứ mệnh của nhà vua. Làm sao tôi dám cướp ngựa đó được ?

— Tôi nghĩ thế này : những lương thực được mang theo đoàn có thể có một phần con dê, hay bò con. Nếu anh muốn vừa lòng bữa ăn ngon lành ấy, tôi sẽ cho người tôi đem đến.

— Nếu vậy thì tôi xin nhân.

— Nhưng tôi muốn điều này,

tôi muốn nhiều người thấy anh.

— Ô. Điều ấy không thể được. Sự thấy thân hình ghê sợ của tôi sẽ là sự toán loạn của đoàn quân anh, người và ngựa. Nếu anh muốn cho tôi ăn thì chỉ việc để bên lề đường thịt dành cho tôi, tôi sẽ đi vào rừng sâu để đường cho anh đi. Rồi, khi anh đi khuất tôi sẽ ra đường và lấy thịt dè hay bò gí đó.

— Nhưng tôi rất muốn thấy anh

— Vậy thì rất xa, hồi người bạn đáng quý của tôi, chỉ rất xa, nếu anh muốn. Lúc mặt trăng mọc. Ngay khi anh đến ngọn đồi đầu tiên mà anh thấy dằng xa kia, anh chỉ việc quay lại. Anh sẽ thấy tôi đứng giữa đường nhìn anh đi, bạn tôi ạ!

— Vâng. Và bây giờ tôi xin hỏi, tuy trở thành hổ, song anh còn linh hồn người thì chắc còn có ước vọng gì, tôi có thể làm vừa lòng anh?

— Bạn, bạn tôi ơi. Chẳng lẽ lòng tôi còn băn gì? Thế sao cái gì làm cho mắt tôi ướt vậy? Trời ơi, tôi có tìm lại được nước mắt không nhỉ? Trăng lên, và ngay đó tôi sẽ thấy anh đi và

biến mất đầu đường trăng giải bạc. Hồi bạn, bạn ơi, lòng ân cần của anh làm cho tôi cảm mến. Và bây giờ, vâng, tôi còn ước vọng của con người mà anh có thể giúp tôi được. Anh ạ, trước khi tôi trở thành con hổ này, tôi đã có một đứa con trai với một người vợ còn trẻ mà bây giờ hãy còn sống. Đứa con trai, như tôi nhớ lại, nó không thể sống chính đáng nếu không ai săn sóc nó. Anh có thể làm thấy nó, làm ân nhân nó không? Và rồi, ò anh giáng-phúc! Nhờ có anh, tôi sẽ thấy lại ít nhất là bằng trí tưởng tượng những điều tốt đẹp về đứa con mà một người cha hẳn hạnh-phúc tràn ngập lòng. Trăng lên. Xưa kia, tôi đã ca ngợi nó, trăng như các anh, và tôi cũng đã ca ngợi những buổi sáng thơm mát những hoa sen với các cô gái hồng-hào. Những tác phẩm ấy còn trong nhà tôi. Nếu nhà tôi chưa đổ nát, anh có thể tìm lại hoa diêu với tôi, với người đã chết, đã vào đời sống loài vật. .

— Bạn ơi, sự hòa bình đã trở về trong lòng anh. Tôi rất thán-phục luôn luôn, và mặc dù sao,

anh vẫn là con người, yêu mến tình bằng hữu. Tôi xin nhớ lời anh.

— Cảm ơn anh lắm. Trăng lên. Sứ mệnh đã gọi anh kia. Anh hãy từ già tôi cho rồi, anh ơi, chúng ta xa nhau đi.

.. Một giọng nức khàn khàn nhảy vọt ra từ trong cánh rừng âm u và thẳm lặng như một linh hồn cô đơn. Nước mắt ràn rụa trên mi mắt quan Ngự sử mà về mặt lãnh đạm thường ngày mắt hán để lên một mối cảm động vô ngần.

— Một lời cuối cùng, bạn ơi, quan Ngự sử nói. Tôi muốn hỏi anh một điều. Nếu thật rằng vì không có mối nên bắt buộc phải ăn thịt người, thì nên vì tình với tôi, anh hãy sang ở miền khác có nhiều thú vật hơn.

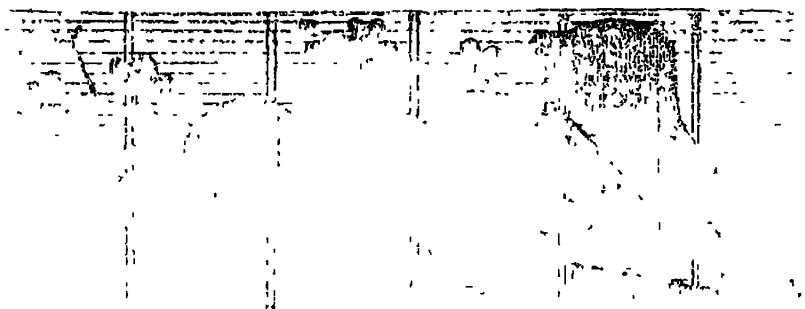
— Anh ơi, con vật này sẽ làm theo mệnh lệnh của anh. Song lẽ nó đã sống đơn giản bấy lâu nay như con vật hoàn toàn quên xưa kia nó là người. Nhưng tìm nó sống lại, đập lại, giọng nói thân mến mà tôi nghe chốc nữa sắp im lặng, bóng người đó sắp vóa mờ ngay trước sự thấy của tôi và trăng lên trong đêm tối thật dịu dàng và trong sáng...

Anh, sự giáng phúc là tình nhân loại. Tôi sẽ là con người được chứng nào hay chứng ấy, mặc dù bên ngoài là con hổ... Vĩnh biệt.

4

Đoàn lính để lại trên đường một phần tư con bê dùng làm bữa sáng cho họ. Những con ngựa, tự nhiên yên dịu lại, tiếp tục lên đường. Trăng mờ mờ. Trên con đường cỏ mà sương đầu đêm giải uớt, quan Ngự sử lấy lại vẻ trầm-tĩnh, dẫn đầu mọi người. Họ đang đi đến ngọn đồi kế sau. Một tiếng gầm-gừ khò-khan như sự than vãn, như một giọng nức nở y hệt người, xé tan sự im lặng. Những con ngựa run lên vì sợ, mồ hôi chảy uớt cổ chúng, Quan Ngự sử quay lui và thấy, giữa con đường trăng giải bạc, một con hổ quay đầu theo hướng ông.

Và từ đó, con hổ đen, sự sợ hãi của đường này, biến khỏi khu rừng, và những người du-hành có thể thân nhiên qua đường. một mình mà không cần khí giới gì.



Đời thi sĩ

Thi sĩ là người của thế nhân !
Đem tìm hòa nhịp với phong trần.
Lắng nghe tiếng nhạc đời muôn điệu,
Mở rộng tình thương chẳng ngại-ngần.

Thân lạnh lòng đơn có sá nào !
Mảnh đời san sẻ... kẻ chi đâu ?
Đêm đêm dệt mộng bên trang giấy...
Rộn-rã hồn thơ vạn ý sâu.

Gói chiếc canh trường xây ước-mơ
Mà niềm vui ấy biết bao giờ ?
Vì oi hiều rở từng tâm sự ?
Hay lại quên đi... lẫn hững hờ !

Nghèo đói không lo cảnh sớm chiều !
Chỉ mong đời sẽ bớt cô liêu.
Nhưng rồi đau khổ hoàn đau khổ,
Hạnh phúc, người ơi ! Chẳng được nhiều !

Mộng mỗi lần xây, mỗi dỡ dang,
Tâm-tư chìm lắng giữa cung đàn.
Tìm người tri-kỷ sao chưa thấy ?
Trần-thế đôi phen khóc ngỡ ngang !...

Thi sĩ là tâm trở nợ dẫu !
Trắng lòng tuôn hết nỗi niềm đau
Từng trang tâm-sự, trang tâm sự
Ôm-áp ngày xanh đến bạc đầu.

TRÚC-SƠN BMP

với Phan-văn-Trị

★ NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

Ồi rất hân hạnh đọc bài « Cô Kiều với ông Tôn-Tho-Tương, Phan-văn-Trị, v.v. » đăng trong quý Tạp Chí số 23, xuất bản ngày 15-11-1959 dưới bút hiệu ông MINH KHA trong đó có bài thi vịnh Kiều của ông Tôn-Tho-Tương tức Đốc Phủ Ba Tường vì ông này tư ví mình như nàng Kiều dễ hiền hồ cho sự công tác của ông với nhà chức trách Pháp sau khi Nam-Kỳ thất thủ.

Ông Cử Trị tức Phan-văn-Trị là người đối lập của ông Tướng không tán thành sự hợp tác ấy trong khi nhà tan nước mất nên cũng lấy đề nàng Kiều để trách thiên ông Đốc Phủ Ba Tường bằng một bài Đường thi vô cùng chua chát.

Song nếu tôi không lầm thì dường như ông MINH KHA sắp lộn bài thơ ấy, cấp trang (câu thứ ba và thứ tư):

*Liều-Dương ngàn dặm xa chi đó,
Nữ đề Lâm-Trị bướm đáp dìn.*

Phải đem xuống làm câu



chuyên (câu thứ bảy) và câu kết (câu thứ tám) như vậy bài thơ mới suông sẻ. Hơn nữa, đọc qua cấp trạng tiền đây chúng ta thấy đối không chỉnh, sự kiển không thể xảy ra với một nhà thi lỗi lạc thời cận đại như ông Lai Phan-văn-Tri. Tôi xin mạng phép sắp lại bài thi ấy:

*Tại sắc chu mư, hồi Thủy-Kiều,
Cũng thương nên nhắc một đôi
điều,*

*Vì dầm Viên-Ngoại vu oan ấy,
Sao chẳng Đê-Oanh gá tiếng kêu?
Máu tóc chàng Kim là đáng mấy?
Thoi vàng họ Mã giá bao nhiêu?
Liêu-Dương ngàn dặm xa chi đó,
Nỡ dể Lâm-Tri bước dấp dề.*

Ngoại ra ông Đốc Phủ Ba Tuong cũng đề bình vire lập tuong của mình sau khi đã cùng Pháp hợp tác có mưon đề tại «Tôn phu-nhơn quí Hon» trong tịch Tam-Quốc Chi đề bày tỏ nỗi lòng cũng như đề biên hồ cho sự hợp tác ấy. Ông trình bày hoàn cảnh của ông như Tôn-phu-nhơn xuất gia theo chông mặc dầu phu-nhơn vẫn hiết về Hon là trái với ý anh, làm phật lòng anh có khác chi sự cộng tác của ông với Pháp khiến cho sĩ-phu thời ấy chán ghét ông là đương nào, nhưng mà:

*Thà mất lòng anh dặng bụng
chông.*

Thế là ông không ngần gì dư luân miếu là dặng lòng người Pháp.

*Cắt ngựa thanh gươm ven chữ
Tùng*

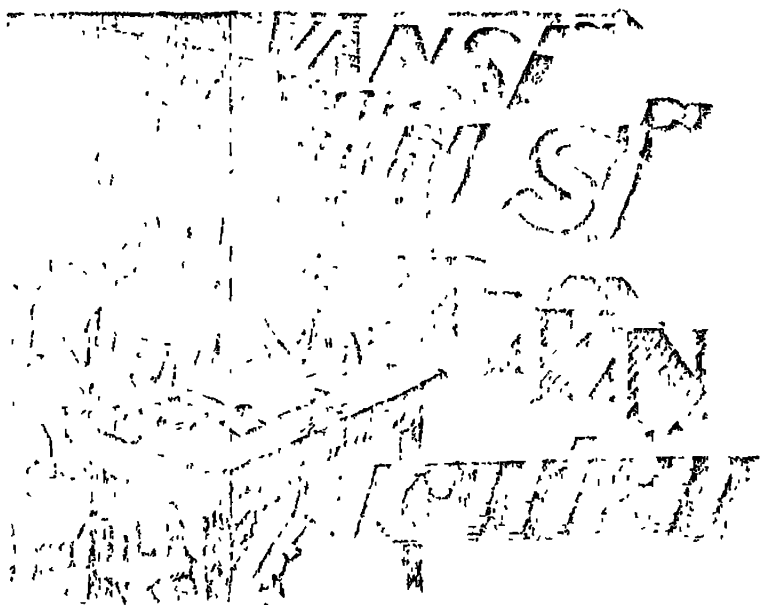
*Ngàn năm rõ tiếc gái Giang-Đông,
Ở Ngộ binh rình chòm mây bạc,*

*Về Thục trao tria phân má hồng,
Son phấn nữ đem vầy gió bụi,
Đá vàng chỉ dễ then non sông,
Ai về nhẩn với Châu-Công-Lân,
Thà mất lòng anh dặng bụng
chông.*

Ông Cử Phan-văn-Tri xót xa vì đất nước bị nạn ngoại xâm lại chán ghét những lời biên hồ lỗi thời của ông Đốc Phủ Ba Tuong có họa lại bài thi Tôn-phu-nhơn quí Hon mà câu kết cố ý ám chỉ ông Tuong là người phản quốc (Trai ngay thờ chúa, gai tho chông) Ở thời quân-chủ làm tôi mà không ngay với chúa là phản quốc chơ còn gì nữa. *Cắt trảm sửa áo ven câu Tùng,
Mắt quả trời chiều biết cõi Đông.
Khởi tỏa vàng Ngộ xen thục bạc,
Duyên đưa về Thục dưng màu
hồng.*

*Hai vai tơ tóc bền trời đất,
Một gánh cang thường nặng núi
sông,*

*Anh hồi Tôn-Quyền anh có biết?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chông.*



17.— TỪ - BỘ - HỨA

★ NGUYỄN VỸ

Tôi nói tôi Từ-Bộ-Hứa, mặc dầu không ai nói tôi anh, và chính vì không ai nói tôi anh. Tôi nói tôi Từ-Bộ-Hứa, bởi vì anh là một thiên tài hiếm có. Tôi nói tôi chàng Thi-sĩ đau khổ ấy bởi vì chàng là một nạn nhân của những kẻ lãn-ác đã hãm hại một cuộc đời tài hoa.

Thế kỷ XVIII, ở Anh-quốc, có một Thi-sĩ tên là THOMAS CHAT-TERTON. Chàng mới có 18 tuổi, xuất bản được một tập thơ rồi vì nghèo đói mua uống thuốc độc nằm chết rầy rụa ở một

xó đường trong kinh-thành Lon-don. Chàng chết, khiến cho cả dân-chúng Luân-đôn đều rơi lệ.

Sáu-mươi-lăm năm sau, Thi-sĩ Pháp ALFRED DE VIGNY, cảm thương số kiếp thể thảm của chàng có soạn một vở bi kịch, « *Chatterton* », lấy tên chàng làm nhan đề, và một quyền tiểu thuyết lãng mạn, *Stello*, đề ca ngợi một Thiên-tài còn son trẻ đã sớm chán cảnh đời bội bạc, lia côi phong-tiễn.

Nước Pháp cũng có một Thi-

V. ANDRÉ CHÉNIER, mới 32 tuổi, đã bị chết trên đoạn đầu của Chàng cũng là một Thiên tại chom nó, mới làm được năm ba bài thơ, mà có đôi bài viết chưa xong

Rồi lần nữa vào các cuộc hoạt động cách mạng giữa lúc Lịch-sử Pháp-quốc đang chìm ngập trong máu lửa oan thù, chàng đã bị chết oan, dưới lưỡi dao độc ác của một bọn người khát máu. Tuy nhiên, chàng chưa để lại tác phẩm nao hoàn-thành, nhưng Văn Học Sử Pháp đã ghi tên chàng tạc rõ chói lọi trên Thi đàn Thế-kỷ XIX, và đôi bài thơ con đề dờ, - đang đến ngày nay, như *La Jeune Tarentine*, *L'Aveugle*, ta đọc lại càng bồi - ngùi, xúc-dông.

Thi-sĩ TỪ-BỘ-HƯA của Việt-nam cũng chung số kiếp não-nung bi-thương ấy.



Trường Luật-khoa Hà-nội, lúc bấy giờ ở trong hệ - thống « Trường Cao - Đẳng Đông - Dương », là một nơi đào - tạo nhiều nhân - tài, và cũng như Trường Đại - học Sư - phạm, là nơi quy-tụ nhiều phần - tử tri-thức thanh-niên lãng-mạn nhất, thích đời sống tự-do, độc - lập, ham-mê sách-bao, văn-chương, và cũng chơi - bời phóng-túg không ai bằng. Phần đông là

những bạn trẻ tài-hoa, có tâm hồn nghệ-sĩ, gần như lang . bạt giang-hồ, sẵn - sàng tu đeo vào mình chiếc bài « Bohémiens ». Cả giáo-sư cũng thế. Giáo - sư toàn là người Pháp, các Thạc-sĩ và Tiến-sĩ lung-danh, nhưng mang nặng tâm - hồn của Thế-kỷ, triết - học theo kiểu Jean-Paul Sartre. Thi - sĩ theo kiểu Paul Eluard, vượt ngoài lề lối mô-phạm cổ điển, ôm ấp những chân trời phóng-dãng, đầy nhựa sống hoan-mê và đầy cả nhựa... thuốc phiện !

Chính trong thế-groi thần ảo say-sưa đó mà một chàng Thi-sĩ hoa-niên nảy-nở, âu sầu hiu-bất, như một anh hào - quang nhạt-mờ.

Những bạn thân của chàng cũng như các vị Giáo-sư trường Luật đã thấy nơi chàng một thiên-tài, nhưng sẽ chỉ là một Thiên-tài yếu-mệnh.

Tên chàng là Từ-Bộ-Hư. Con trai của ông Từ-Bộ - Thực, Bô-Chánh ở một tỉnh Bắc - Việt, chàng bị ho-lao ngay từ hồi còn đi học ở trường Trung học. Vào Cao-đẳng Luật-khoa, Từ-Bộ-Hư đã mang bệnh rất trầm-trọng, nhưng chàng ham sống quá, ham mơ-mông quá, nên chàng đã đem hết hồn Thơ mãnh-liệt của chàng để chống chọi kiếp đời đen tối.

Mới 21 tuổi, chàng không được hưởng một lạc thú nào của

cuộc đời huyền ảo, du la một lạc thú ngày thơ vô tội Căn bình tan ác, độc địa, hiểm nghèo, không cho phép chàng hái những cảm giác tươi xanh hoặc ủng chín trên cành đời, những cảm giác chưa dậy đầy vì ngọt tẻ nồng nơi đây đang lẽ chàng được nếm đầy đủ nguồn sống say sưa của tuổi trẻ.

Rồi những đêm lặng lẽ cô đơn, trong một căn phòng lạnh lẽo của một biệt thự tối ngày đóng kín cửa ở đường Génétal Bichot, (Phố của Đồng) Từ Bộ Hứa ca ngợi cái Buồn và cái Chết ! Chàng ca tụng những đôi mắt âm-u, những nụ cười ôn lạnh. Chàng ca tụng màu sắc không men, ánh sáng không hôn Chàng trở lên tiếng nhạc thiêng-liêng của U sầu, của «Spleen», để chào những bình-minh loang mau, những ngôi sao thất thểu di lạc hương trong trời Mò

Tập thơ «POÉSIES GRISES», bằng Pháp văn của Từ Bộ Hứa ra đời, khiến cho cả làng thơ chú ý. Các giáo sư Trường Đại học Luật khoa rất ngạc-nhiên, không ngờ chàng sinh viên ho-lao kia yêu như cây sậy, lại là một Thi-sĩ tuyệt-voi. Chàng viết bằng Pháp văn vì đã tìm thấy trong Sinh-ngữ đang thịnh hành lúc ấy những chữ và những ý thích-hợp voi tâm hồn chàng. Tiếc thay!

Nếu chàng viết ra thơ Việt thì ít nhất ngày nay chúng ta còn được năm ba bài tuyệt diệu.

Nhưng voi tập thơ này, Thi-sĩ ho Từ đã hiểu nên ra tiên Thi Đan Việt-nam như một lời hua hẹn cao xa và đót ngọt. Chàng còn viết những bài thơ Việt—chưa xuất bản—voi nguồn rung cảm cuộn cuộn trong tâm hồn lở lở đau thương nhưng lúc nào cũng mãnh liệt.

Chàng đang say sưa, thì một hôm chàng đọc được một bài của Thế-Lữ trên báo «Phong-Hóa». Thế-Lữ chế nhạo là «Thơ xám-xít», và «phê-bình» voi một giọng chanh chua. Từ Bộ-Hứa không tủi lỗi, nhưng, chán ghét, chàng không thêm làm thơ nữa.

Ba tháng sau, bỗng được các báo Hànội đăng một cái tin mà ai đọc cũng động lòng thương xót. Thi-sĩ Từ Bộ Hứa uống 15 Viên thuốc ngủ để tụt no não.

Người ta liên tưởng ngay đến Thi-sĩ Chatterton tự-tử voi 10 viên độc được.

Nhưng Từ-Bộ-Hứa chưa kịp chết. Người ta đã đem chàng đi bệnh viện và cứu sống lại.

Phần thì bị bình lao đã ăn sâu vào xương vào tủy, phần thì bị đời đen bạc cướp hết những phần khởi cuối cùng, Từ-Bộ-Hứa chỉ còn sống những ngày ứa heo, để cho quên lãng được phần nào

VĂN SĨ THI SĨ TIỀN CHIẾN

trong công việc hàng ngày, chàng vào làm sổ Thương Chánh Hải phòng. Chàng làm Tham-tá và không còn trở lại làng thơ nữa.



Tình cờ tôi gặp Từ-Bô-Hứa, một buổi chiều tàn. Hai đứa ngồi dựa vào một bức tường rêu của Chùa Lang, giữa cánh đồng lịch lịch. Đàn cò trắng đồ năm con bay xa xa về phía sương mù. Chàng ngó tôi với đôi mắt đục ngầu, đọc cho tôi nghe gần chục bài thơ chàng làm ở Hải-phòng mà không gửi đăng báo nào cả. Mấy giòng thơ Việt, đau thương la-lung, mà chàng làm trong các chuyến dò bơi ngao-du trên giòng sông Cấm, những « con thuyền say » của chàng. Cũng là nguồn Thơ ớn lạnh da-diết của Hàn-Mặc Tử ở trên sông Gò Bồi.

Tôi hỏi chàng :

— Chàng nào anh xuất bản mấy bài Thơ đó ?

Từ-Bô-Hứa lắc đầu :

— Không bao giờ.

Chàng thêm bằng tiếng Pháp :

— J'en suis dégoûté !

« Tôi chán ghê lắm rồi ! ».

Tôi hỏi :

— Anh chán ghét cái gì ?

— Tôi sắp chết, anh à. Tôi không còn nhiều nhưa sống như anh, như Huy-Thông, Nhươc Pháp... Con đường của các anh là Tương-lai, con đường của tôi

là Chết. Và tôi muốn chết yên-tĩnh, không muốn nghe văng-vẳng bên tai tiếng khóc của những người thương xót và tiếng cười ngao-nghe của những kẻ bất lương. Tôi còn làm Thơ, không phải để tặng cho đời Sống, mà để tặng cho đời Chết. Tôi làm Thơ cho mau về với đời Chết, vì tôi cảm thấy chỉ có cái Chết là nên thơ hơn cả..

Trên đường bộ về Hà Nội, màn đêm đã bao phủ. Sao Bắc Đẩu đã lóng lánh trên vòm trời.

Hai bóng người bước âm thầm trong bóng tối. Hai tiếng nói rì-rầm trong tiếng gió. Từ Bô Hứa khẽ cười :

— Bác sĩ đã bảo cho tôi biết tôi chỉ còn sống được hai ba tháng nữa thôi. Lâu quá ! Lâu quá !..

Tôi nghĩ đến Ánh sáng của sao Bắc Đẩu đề bốn-mươi-sáu năm trước chiếu xuống đến ta. Đêm nay, thi-sĩ là một ngôi sao của Thiên-tài, sắp tắt, nhưng sẽ tắt luôn trong đêm tối âm-u mù-thảm của thời gian, ánh sáng của chàng sẽ không bao giờ chiếu về ta nữa ..

Đêm ấy, ngẫu-nhiên tôi được tiễn Từ-Bô-Hứa đi cuộc du lịch cuối cùng.



Cái chết của người ĐƯA THƯ

✱ HOÀNG THẮNG

Mũi-Né ngày... tháng... năm...

Kính gửi ông Quản-lý
Báo... Saigon

Thưa Ông,

Chúng tôi rất lấy làm tiếc phải viết thư báo cho ông hay, số báo vừa nắn của tôi bị thất lạc luôn. Có kỳ mất hẳn năm số, có số khi tôi tay thì bằng bao đã bị rách và tờ báo cũng nhàu nát.

Vậy chúng tôi mong ông đừng gửi nữa để tránh sự bức mình cho chúng tôi và mong ông thông cảm cho

Kính thư
Nguyễn thi Loan-Anh

Đọc xong thư của doc giả gửi tôi tôi phân vân nghĩ ngợi. Đây không phải là lần đầu Ty Quản Lý nhận được thư than phiền, thỉnh thoảng vẫn có, xen lẫn bài gửi đăng báo. Rất có thể người

phụ tram đã tam mược đề xem rồi quên trả lại hoặc vì lý do nào đó mà tôi không đoán được.

Những lời than phiền của bà Loan Anh đã nhắc nhở tôi nghĩ tới một truyền xảy ra đã lâu lắm, khi tôi hãy còn niên thiếu.



Cũng như mọi người trong làng, tôi không rõ anh ta ở đâu nơi. Tôi chỉ còn nhớ hồi do tôi hãy còn bé, toc con đề chôm, đang nô nghịch ở sân Đình làng với hai thằng bạn nhỏ đề xây dinh xây chưa bằng những viên gạch vụn, thì tôi thấy thấp thoáng từ đầu làng đi tới một người đàn ông tuổi độ hai mươi lăm, quần áo nâu dây bụi, mồ hôi nhễ nhại trên khuôn mặt đỏ ửng vì nắng

Người là nhe nhằng hỏi tôi :

CÁI CHIẾT CỦA NGƯỜI ĐƯA THƯ

- Em có biết nhà cụ Lý ở đâu không?

Tôi trả lời có và cả ba chúng tôi cùng tung tăng dẫn anh ta đi vì cụ Lý chính là cha tôi. Thù ra anh tìm cha tôi để xin ngu cụ vì anh được trên Huyện cho làm phu trạm có nhiệm vụ đưa thư đi mấy xã trong Tổng.

Cha tôi bằng lòng ngay và chỉ cho anh chỗ ở TẠI NHÀ vợ chồng anh Đĩ Thợ. Mối ở được ít lâu anh đã được cảm tình của dân làng và cha tôi cũng ưa anh lắm. Ăn nói có duyên, lễ phép, gặp ai cũng chào hỏi, nhất là hay giúp đỡ mọi người.

Chúng tôi lại quý mến anh hơn nữa. Tối nào chúng tôi cũng lên sang nhà anh để nghe anh kể chuyện cổ tích; nào cô Bé Lo Lem, nào truyện Tấm Cám, Ông Dừa Đỏ. Nghe anh kể chuyện cư mê đi quên cả về đi ngủ đến nổi, tối nào cũng vậy, chị Đĩ Theo phải «sua» chúng tôi về như sua vịt khi trời đã về khuya.

Vì thấy chúng tôi nhát ma, anh lại phải dẫn chúng tôi về tìm công nhà. Có khi anh phải bu tôi vì nghe chuyện hay quá tôi đã ngủ lúc nào không biết. Mỗi lần như thế, mẹ tôi lại trách yêu anh.

- Anh cư chiều rồi chúng nó hư thân đấy!

Anh không trả lời chỉ mỉm

cười, đôi mắt sáng lên như hai ngôi sao trên trời cao tít buổi đêm hè.

Những đêm sáng trăng vào mùa gặt hái, anh đã vui vẻ đã lúa giúp chị Đĩ Thợ rồi cao hứng hát lên những lời ca trầm bổng của điệu Cò Lả hoặc Sa Mạc. Tiếng hát cao vút lên không gian như thúc dục mọi người say sưa với công việc, say sưa với hương thơm lúa mới, đồng nội.

Không những anh kể chuyện cho chúng tôi, anh còn giảng dạy thêm cho chúng tôi học nữa. Với trí óc suy nghĩ non nớt, tôi chắc anh cũng là con nhà khá giả, đã từng học cao, nhưng vì duyên cơ gì đó anh đã bỏ nhà đi và làm cái nghề đạm bạc này: sáng sáng đạp xe lên Huyện lấy thư từ báo chí rồi đem phân phát đi các thôn tới sầm tới mơi về.

Du mệt nhọc, dù là mưa dầm rết buốt hay nắng gay gắt đổ mồ hôi, anh vẫn vui vẻ mang tin tức đến mọi nhà mà không bao giờ than phiền cùng ai, lúc nào cũng vui vẻ với công việc. Anh còn đọc giúp thư từ cho những gia đình nào không biết chữ nữa.

Anh luôn luôn vui vẻ, nhưng nếu có ai toc mạch hỏi thăm gia đình anh thì anh chỉ mỉm cười không nói rồi chợt buồn sầu đi.

CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI ĐUA THU

đôi mắt đăm đăm nhìn vào cõi không như theo dõi những hình bóng xa xăm nào. Nhận thấy thế, nên lâu dần cũng chẳng ai hỏi tới gia đình anh nữa.

Thời gian thấm thoát trôi nhanh, cây đào đã ngoài mười lần hoa nở. Đã mười mấy cái Xuân bay qua, vì ở Huyện không có trường Trung học nên tôi phải lên tỉnh học.

Bác Xuân, bấy giờ tuổi đã trung tuần, bộ mặt dữ hơi nhăn vì sương gió và vì công việc nữa nhưng đang người vẫn quắc thước, cũng đi tiễn tôi ra bến xe. Tôi bùi ngùi nắm chặt tay bác không nỡ rời cho tôi khi xe chuyển bánh.

Xe chạy đã xa, tôi còn trông thấy bác vẫy tay rồi chột lau nước mắt và nhảy lên xe đạp quay về. Bác đã khóc khi tôi xa bác cũng như tôi đã xa cha mẹ tôi và đưa em gái nhỏ

Trong khi những hàng cây hai bên đường, những tấm thảm mạ xanh ri chạy nhanh dạt lùi sau chiếc xe thì lâm tui tôi cũng lùi lại đề như tôi bác Xuân.

Tôi chưa hề thấy bác nói chuyện vui bất cứ một cô gái nào trong làng và hình như bác lại có ác cảm với họ nữa dường nhiều cô vẫn mến bác, nhất là cô Vĩnh nhà ở bên cạnh nhà bác Bĩ Thợ. Đã nhiều lần cô Vĩnh thờ lờ tỉnh yêu với bác nhưng những lời

ân yếm đó lại lọt qua bên tai để rồi cuối cùng cô đành phải chôn sâu mối tình luyệt vọng mà bước sang ngang.

Cho tôi nay tuổi đã cao, bác vẫn cô đơn, lẻ bóng. Tôi đoán bác đã thất vọng vì tình nên mới bỏ nhà đi phiêu bạt nơi làng tôi và tỏ thanh dân địa phương. Ôi sâu xa thay cho mối tình đầu và cũng khó sở thay cho những người bị phụ bạc.

Ở tỉnh, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được thư của bác Xuân gửi lên hỏi thăm sức khỏe và việc học hành cũng là khuyên tôi chớ nên « mê say » các cô gái tỉnh thành. Bác bảo yêu khổ lắm.

Cho tôi một hôm tôi đương ngồi học trong lớp, tự nhiên tôi thấy bức thư khó chịu, linh tính như báo trước cho tôi hay có chuyện chẳng lành ở nhà. Khi tan học về nhà, bà chủ trọ có trao cho tôi một bức thư của em gái tôi ở quê gửi lên. Không hiểu có chuyện gì xảy ra, thầy mẹ tôi bị ốm chẳng ?

Run run tôi xé vội chiếc phong bì. Tôi ngẩn ngừ đọc và tôi đã khóc. Em gái tôi báo tin bác Xuân đã chết. Bác không chết vì binh tật hay tai nạn mà chết vì tu-tử. Mất tôi mơ đi sau màn lệ phủ kín mi, lá thư rớt xuống đất tôi cũng không hay. Tôi thấy bác đã « vô lý » khi đi tìm cái chết. Cái chết của bác rẻ quá đối với trách vụ.

CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI DƯA THƯ

Khi định thân lai, tôi vội cúi xuống đất nhặt lá thư lên và đọc lại một lần nữa.

Thôn Vĩnh Lai, ngày .

Anh Thắng,

Em viết thư lên anh đề báo cho anh một tin buồn bác Xuân đã chết, mà bác tự-tử anh à. Chắc hẳn anh sẽ ngạc nhiên khi hay tin bác tự tử đấy nhỉ. Không cu anh mà cả gia đình nhà ta cũng sốc và cho đến toàn dân trong tổng cũng vậy.

Đầu đuôi như sau :

Hôm qua, vào buổi sáng, khi dân làng đi chợ Huyện về thì thấy một xác chết nằm cạnh bờ lạch. Đầu gục xuống nước, chiếc xe đạp đổ nằm bên cạnh. Mọi người vội tri hô lên, chạy đổ đến thì ra bác Xuân Bác chết mặt vẫn bình thản, tay bị trói, cái túi đựng thư vẫn quàng qua vai.

Mọi người bàn tán xôn-xao không hiểu vì sao mà bác bị chết một cách khổ sở như thế. Ai giết bác? Nghĩ kỹ thì không có ai thù ghét bác cả, trái lại họ còn quý mến bác nữa.

Gia đình nào cũng đã từng hoắc run-rẩy cầm lá giấy màu xanh lợt do tay bác chuyển hoặc vui-vẻ nhờ bác đọc hộ lá thư từ thân trời gọc biển đưa về. Như thế ai ghét bác cho đành.

Trên Huyện cho người về làm biên bản và đến buổi trưa thì

tất cả đều trở nguyên-do.

Sau khi nhận thư từ ở Huyện, bác Xuân vội đạp xe thẳng tới nhà cụ Cả Văn ở thôn. Dương dài bốn cây số, ngày thường bác coi là ngắn thì lần này sao mà dài thế. Chỉ vì cụ Cả Văn có thư của con trai bác là bác Tân ở mãi Tân thế-giới gọi về. Bác Tân đi làm phu đồn điền và ai cũng tưởng bác chết lâu rồi vì đã mười năm qua không có tin tức.

Mỗi lần qua nhà cụ Cả Văn, bác Xuân vẫn được cụ nhắc nhở nếu có giấy của thằng cháu thì gửi về thì đưa giùm ngay cho cụ.

Khi đến nơi, sợ khi báo tin mừng cho cụ, nhìn bộ mặt hân-hoan của cụ bác cũng vui lây. Nhưng khi móc túi lấy thư thì than ôi, cũng vì nông dưa thư về bác quên cả cái túi đựng thư nên khi đi đường bị rơi mất và lá thư đó bác để lên trên cung.

Tìm mãi không thấy, bác vội quay xe trở lại tìm kiếm suốt dọc đường đã qua nhưng không thấy. Tự cho là làm không đủ phần phân bác tự trối mình và tự tử để chuộc lỗi với cụ Cả Văn.

Và sau khi bác chết được nửa ngày, một cậu bé chăn trâu đã nhặt được burt thư đó bên lề đường, lẫn trong bụi cỏ, cách chỗ bác chết không đầy một cây số ngàn. Có lẽ bác lo ngại quá

CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI ĐUA THU

nên không đủ sáng suốt để tìm
chăng ?

Ai ai cũng thương bác, mẹ ở
nhà cũng khóc đấy anh ạ. Cụ Cả
Vấn già thế mà cũng khóc và nói:
«Trời ơi, có thế mà bác ta cũng
tự tử ư ? Mất thư thì thôi chứ
sao, miễn là tôi đã biết con tôi
còn sống. Tôi biết con tôi còn
sống thì bác lại chết.»

Em viết đã dài, xin tạm dừng
bút. Mả bác Xuân ở ngay đầu
làng ta gần cây gạo đấy anh ạ.

Em anh
UYÊN

Đọc xong thư tôi lại khóc và
thương bác hết sức. Tôi chỉ còn
mong sao cho chóng tới ngày
bãi trường để được về thăm nén
hương, đặt bó hoa trước mộ
phần bác.

Cái chết của bác luôn luôn
ám ảnh tôi trong công việc. Trên
đường đời nó đã nhắc nhở tôi
luôn luôn cẩn thận dù trong một
việc rất nhỏ mọn.

CÒN LẠI

Sau khi nghe tòa kêu án xử tử hai tên cướp sát nhân,
một tên lộ vẻ vui sướng, chuyện trò vui vẻ với vợ hắn. Quan tòa
thấy vậy, kêu hắn lại hỏi :

— Tại sao sắp bị xử tử mà coi bộ anh vui vẻ thế ?

— Dạ, vì tôi đã giết cả thầy là... 5 mạng. Bây giờ tôi bị
xử tử có một mình thì vợ chỉ tôi còn... lời được... 4 mạng !

TRÊN Ô TÔ-BU T

Thiếu nữ :

— Này, lịch sự của anh để đâu mà anh cứ nhìn tôi mãi thế ?
Thanh niên :

— Thưa cô, ai bảo cô nhìn tôi trước ?

— Tôi nhìn anh hồi nào ? rõ vớ vẩn chưa !

— Thưa cô, cô không nhìn tôi mà sao cô thấy tôi nhìn cô ?

Thiếu nữ : !!!

VĂN - HÀ

ÁN-TỬ **và** **Nagasena**



AN-TỬ
 sắp sang
 nước Sở.
 Vua Sở
 nghe tin
 ấy mới
 báo cấn

thần rằng :

— Án-Tử là một tay ăn nói
 giỏi ở nước Tề, nay sắp sang
 đây, ta muốn làm nhục, có
 cách gì không ?

Cận thần thưa :

— Đợi hao giờ Án-Tử sang,

chúng tôi xin trói một người
 dẫn đến trước mặt nhà vua.

— Đẽ làm gì ?

— Đẽ giả làm người nước
 Tề.

— Cho là phạm tội gì ?

— Tội ăn trộm.

Lúc Án-Tử đến nơi, vua Sở
 làm tiệc thiết đãi tử tế. Rượu
 uống ngà ngà, bỗng thấy hai tên
 lính điệu đến một người bị trói.

Vua hỏi : « Tên kia phạm tội
 gì mà bị trói thế ? »

Lính thưa : « Tên ấy là
 người nước Tề, phạm tội ăn
 trộm ».

NGUY - BIỆN

Vua đưa mắt nhìn Án - Tử
 hỏi rằng :

— Người nước Tề hay trộm
 cắp lắm nhỉ ?

Án-Tử đứng dậy thưa rằng :

— Chúng tôi trộm nghe cây
 quất mọc ở đất Hoài-Nam thì
 là quất ngọt, đem sang trồng ở
 Hoài Bắc thì hóa quất chua.
 Cành lá giống nhau mà quả

* THUẬN THIỆP *

chưa, ngọt khác nhau là tại sao?
Tại thủy thổ khác nhau vậy.
Nay dân sinh trưởng ở nước
Tề thì không ăn trộm, sang ở
nước Sở thì sinh ra trộm cắp.
Có lẽ cũng tại vì thủy thổ khác
nhau nên xul khiến ra như thế
chẳng?

Vua Sở cười nói : « Ta
muốn nói đùa thành phải chịu
nhục. Thế mới hay kẻ cả không
nên nói đùa bao giờ ».

(ÁN-TỬ xuân thu)



Ở câu chuyện trên đây, Án-Tử đã dùng phép TỈ LUẬN để phá cái kể của vua Sở. Với lối suy luận khéo léo, Án - Tử đã bênh vực được người nước mình và làm nhục được vua tôi nước Sở.

Tỉ-luận là một phương - pháp luận-lý Đồng-phương, tức là suy luận bằng cách so-sánh. Phê bình cách suy-luận trên của Án - Tử, nhiều nhà bình-giả cho rằng Án-Tử ngụy biện; có người nghiêm-khắc hơn cho là Án - Tử không biết cách biện - luận. Họ nêu ra những lý lẽ :

1) Không thể đem cây cối mà so sánh với người.

2) Tỉ-dụ không phải là lý-luận.

3) Tỉ-luận chỉ là một phương-tiện mỹ-từ-pháp chứ không phải một phương-pháp suy-luận.

Về lý lẽ thứ nhất, có người mượn lời này của Phan văn Hùm trong quyển « Dữ chồng báo cũ » (trang 107) :

Dùng phép này là người ta muốn giúp đỡ suy nghĩ chứ không phải người ta muốn chứng-giải một điều chi. Ấy thế mà lắm người lắm chỗ đó, thường đem tỉ-luận để chứng giải những lý-thuyết mơ hồ của mình. Kẻ làm văn-chương mà sa vào cái lắm đó, thật không phải là ít.

Lắm người cũng lạm - dụng phép tỉ-luận mà đem vật có hình để ví với vật vô hình. Như nói : Cá không ăn muối cá ươn, Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Ông Phan văn Hùm viết như thế vì ông không phân biệt Tỉ-dụ và Tỉ-luận. Tỉ-dụ giúp người ta suy nghĩ, như những câu này của Nguyễn Du :

ÁN TỬ VÀ NĀGASENA NGUYỄN BIỆN

Về chi một đóa yêu đào,
Vườn hồng chi dám ngăn rào
chím xanh.

hoặc :
Phầm tiến đề lạc tay hèn,
Uông công năng giữ mưa gòn
với ai.

Tỷ luận dùng đề chứng giải một điều gì, như cách so sánh cây quất với người nước Tề của Án-Tử. Ở đây Án-Tử lập-luận chứ không phải dùng phép tỷ-dụ của nhà văn học.

Cho rằng không thể đem vật có hình đề ví với vật vô-hình, đem cây cỏ mà ví với người, đó là ta mang kính suy-luận Tây-phương để nhận xét đối một phép-luận Đông phương. Nhìn lại văn-chương cổ điển của Tàu, của Ấn độ và của ta, nhất là nhìn vào ca dao Việt-Nam, ta thấy biết bao nhiêu là tỉ-dụ và tỉ-luận không theo mẫu mực Tây-phương mà rất chặt-chẽ và rất đúng. Như những câu :

Còn cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc
nỉ non!

Em về nuôi cái cùng con,
Đề anh đi trẩy nước non Cao-
Bằng.

Lối tỉ-dụ của bình dân ta thì ý-nghị và lý-thú biết bao !

Về lý-lẽ thứ nhì, có người d mượn lời này của Pháp : « *Com-
parer n'est pas raisonner* » (Tỉ-d
không phải là lý luận). Tức
nhiên, tỉ-dụ tự nó không thể là l
luận được ? Những câu thơ củ
Nguyễn Du trên đây chỉ giúp ch
ta hội ý chứ thi-sĩ đâu có lý-luận
Trái lại, Án-Tử dùng phép tỉ-luậ
chứ không dùng phép tỉ-dụ, m
tỉ-luận tức là một phương-phá
lý-luận.

Lý-lẽ thứ ba hoàn toàn sai. Nh
phê-bình đã lẫn lộn Tỉ-dụ và Tỉ
luận. Tỉ-dụ là một phương - tiệ
mỹ-từ-pháp (mà Trần Trọng Ki
chia ra làm 2 loại : tỉ-lệ và ám-tỉ
Còn Tỉ - luận không phải là m
phương tiện mỹ-từ-pháp mà chỉ
là một phương-pháp suy-luận.

Tóm lại Án-Tử đã luận c
phương pháp chứ không hề ngụy
biện. Và lối lập luận của Án-T
rất chặt chẽ chứ không hề sai lẫn

Dưới đây tôi xin trình bày m
lối tỉ-luận khác.

Milinda, một vị vua Hi-La
vào khoảng thế kỷ thứ nh

trước kỷ-nguyên, đến viếng vi
la - hán Nāgasena (Na-Tiên).
Qua thủ-tục lễ nghĩa, nhà
vua hỏi :

— Bạch ngài, ngài danh
biệu là gì ?

— Thừa đại - vương, bạn
đồng đạo gọi tôi là Nāgasena,
nhưng đó chỉ là một dấu hiệu,
một tiếng gọi. Nāgasena chỉ là
một tiếng gọi mà thôi chứ ở đây
không hề có người Nāgasena.

Vua Milinda ngạc-nhiên hỏi
lại những người tùy tùng xem
có ai nhìn nhận nổi một việc
quái dị thế không. Rồi nhà vua
lại hỏi :

— Nếu không có người Nā-
gasena, thì tóc kìa có phải của
Nāgasena không ?

— Không.

— Lông kìa có phải của Nā-
gasena không ?

— Không.

— Da, thịt, xương, gan, ruột
kìa có phải là của Nāgasena
không ?

— Không.

— Hình sắc kìa có phải của
Nāgasena không ?

— Không.

— Cảm giác kìa có phải của
Nāgasena không ?

— Không.

— Nhận thức kìa có phải của
Nāgasena không ?

— Không.

— Thế ra không có cái gì của
Nāgasena cả, vậy Nāgasena là
gì ?

— Thừa Đại vương, không
là gì cả.

— Vậy thì Nāgasena chỉ là
tiếng gọi không sao ? Tôi e ngài
nói dối, khi ngài nói không có
Nāgasena, không có gì là Nāga-
sena cả.

Nhưng Nāgasena lại hỏi lại
vua Milinda :

— Thừa đại vương, đại-
vương đi bộ hay đi xe đến đây ?

— Dạ, đi xe.

— Đại vương bảo rằng đi xe
mà đến, vậy xin hỏi đại vương:
Xe là gì ? Phải gong xe là xe
không ?

— Không.

— Phải vì xe là xe không ?

— Không.

— Phải bánh xe là xe không ?

— Không.

— Phải *đích xe* là *xe không* ?

— Không.

— Phải *thùng xe* là *xe không* ?

— Không.

— Phải *cương xe* là *xe không* ?

— Không.

— *Thưa đại vương, tôi đã can lời hỏi mà đại vương không đáp được cái gì là xe. Vậy thì tiếng « xe » của đại - vương chẳng là một tiếng gọi không không thôi sao ? Tôi e đại - vương nói dối khi đại - vương nói không có gì là xe cả.*

(Di - Lan - Đà vấn - đáp)

✽

Ở câu chuyện này, Nāgasena đã dùng phép *Ti-luận* để thuyết phục vua Milinda, đồng thời biểu dương thuyết « vô ngã » và cho ta thấy sự tổng-hợp duy nhất về xe cũng như về người.

Phép *Ti-luận* lần này được diễn-tả dưới hình thức Đối-thoại-luận và vị la - hán Nāgasena đã gián-tiếp so sánh cái xe với người. Trái với lối suy-luận hợp lý và chặt-chẽ của Ấn-Tử, đức Nāga-

sena đã lập-luận sai mà thành ra ngụy-biện.

Ta thử đối chiếu câu hỏi của nhà vua và câu hỏi của vị la-hán.

Vua Milinda hỏi : « Tóc kia có phải của Nāgasena không ? »

Nāgasena trả lời : « Không » tức là Nāgasena đã ngụy - biện. Nếu đề thuyết-minh sự tổng-hợp duy nhất về người, thì tóc kia là của con người Nāgasena chứ của ai ? Nếu đề biểu dương thuyết « Vô ngã », thì Nāgasena bằng xương bằng thịt kia là cái hữu ngã tạm thời, để phân biệt với những con người khác.

Đoạn dưới, Nāgasena hỏi lại vua : « Phải gọi xe là xe không ? »

Vua Milinda đáp : « Không ».

Nhà vua đáp « Không » là phải, nhưng vị la hán Nāgasena đã đặt vấn đề sai. Nếu đối chiếu với câu hỏi của nhà vua, Nāgasena phải hỏi rằng : « *Giọng xe kia có phải của xe không ?* » Hỏi như thế mới đúng phép *Ti-luận*. Và nếu hỏi cho đúng phép như thế, chắc chắn nhà vua sẽ trả lời :

« Phải » Rồi rằng Nāgasena

đã cố ý đặt sai vấn đề để đi đến một kết luận trái ngược.

Nāgaseṇa đã nguy biện.



Phép tỉ-luân của Đông-phương đòi hỏi một sự so sánh tuy rộng rãi nhưng phải hợp lý. Nếu so-sánh khéo léo, những hình ảnh so-sánh sẽ gieo vào tâm-não người đọc hoặc người nghe những hứng thú lạ kỳ. Trường hợp Án Tử đã

chúng-minh điều đó.

Trong phép luận (Đông-phương cũng như Tây phương) điều cốt yếu là phải đặt vấn đề cho đúng. Đặt vấn đề không đúng phép, tức nhiên kết luận phải sai. Trường-hợp Nāgaseṇa trên đây là một thí dụ điển-hình.

Và nếu người đời nay có cho Nāgaseṇa là nguy - biện, cũng không phải là oan cho Nāgaseṇa lắm đâu.

Trong thịt cá có đủ 6 chất cần thiết cho cơ thể là chất nước, chất ngọt, chất đạm, chất béo, muối khoáng và chất tươi

Chất đạm rất cần thiết cho cơ thể. Trẻ con ăn thiếu chất đạm sẽ không lớn. Người lớn thiếu chất đạm thì mệt mỏi, sút cân, gầy ốm, suy nhược.

Thịt, cá có nhiều chất đạm. Trung cuo, tôm, ốc, nhộng cũng có mà có nhiều hơn thịt và cá. Rau nào cũng có chất đạm, nhiều nhưt là ở đậu như đậu nành, đậu xanh, đậu đũa, đậu tằm, đậu phụng và mè

Thịt, cá có nhiều chất đạm. Trung cuo, tôm, ốc, nhộng cũng có mà có nhiều hơn thịt và cá. Rau nào cũng có chất đạm, nhiều nhưt là ở đậu như đậu nành, đậu xanh, đậu đũa, đậu tằm, đậu phụng và mè

Y LẮC CỎ PHỒN KHÔNG ?

Tất cả các sinh vật thực đều phải ngủ. Cá đứng im mắt mở theo lão, vì mắt cá làm gì có lông mi mắt ? Các bạn thấy những con rắn suốt đêm ngày dương mắt lên, tưởng nó thức song nó ngủ đấy. Cá cũng vậy, chỉ có điều khác là cá đứng im. Ta chờ trông cá không nghe thấy gì. Tuy ngủ, cá cũng có thể nghe được hết các tiếng động trên mặt nước

Tiếng sáo đêm thu Lưu Thơ Nguyễn Văn Kỳ G. Nhạc. T. H. D.

Thong thả, êm dịu

Tiếng sáo vi vu đầu ngõ Đêm khuya vắng vắng
 gần xa Tiếng sáo dịu khu trong gió Nỉ non khúc
 hồn tình ca Tiếng sáo vi vu đêm thu Nở hương thơ
 lương chi bấy Tiếng sáo êm ru êm u... Lòng rõ rệt
 mê tê tái Ngồi, thổi sáo đi, ai đấy Đêm khuya gió lạnh...
 t.àng t.à Bỗng thoảng bao niềm ăn - dãi Nhớ nhưng man
 mác người xa Miền phượng t.é sững m.ĩ m.ũ H.ĩn v.ũng sâu thẳm đêm thu...
 ... Ồi tiếng sáo buồn ai oán... D.ĩ ch. khắp trời hương
 u Đêm khuya gió l.ũn trăng t.à Ồi tiếng lòng
 R.ũt...
 ời r.ũt xa ời tiếng sáo buồn lại l.ũng R.ũt trong th.ĩn th.ĩn lòng
 ta...



Khổng Minh

★ NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo PT số 25)

Trương Chiêu thấy Khổng Minh, phong độ thần tiên phiêu sai, khí vũ hiên ngang biết rằng người này đến đây du thuyết.

«Trương Chiêu gọi trước hỏi Khổng Minh:

«--- Chiêu tôi là kẻ sĩ hèn, mai ở Giang Đông lâu nay vẫn được nghe tiên sinh nằm cao ở Long trung tư vĩ minh voi Quân, Nhạc. Điều ấy chẳng biết có thực thế không?

«Khổng Minh nói:

«-- Lượng tôi bình sinh có nhún mình tam vĩ thế thôi. (Khi nào lời nói khoa học này lại ở miệng Khổng Minh được).

«Chiêu nói:

«-- Nghe nói gần đây, Lưu Dự-Châu ba lần đến thăm tiên sinh ở lều tranh mọi

hân hạnh được tiên sinh ra giúp,
 • Du-Châu cho rằng gặp tiên
 • sinh như cá gặp nước, ngỡ rằng
 • cuốn hết Kinh Trương ai ngờ
 • lại nơi ấy một sớm về tay Tào
 • Tháo.

« Tôi vẫn chưa biết thế là chủ
 • kiến ra sao ?

« Không Minh nghĩ rằng
 • Trương Thiên là một mưu sĩ
 • bậc nhất trong bon thủ hạ Tôn
 • Quyền. Nhược bằng trước
 • chàng ap đảo được hẳn thì sau
 • làm sao thuyết phục được chủ.

« Ông bèn đáp :

« — Kể lấy Han thượng, tôi coi
 • dễ như tiở bàn tay (nói khoác)
 • Chỉ vì Chúa tôi là Lưu Du
 • Châu chuyên về nhân nghĩa,
 • không nỡ đoạt cơ nghiệp của
 • người đông tông, nhất mực tu
 • chổi Lưu Tông là một nhũ tử cả
 • nghe lời nói gian thần đầu
 • hàng Tào Tháo, nên mới để
 • Tào Tháo cưỡng xướng lòng
 • hành như vậy. Nay chủ tôi đem
 • quân đồn trú gần hạ, sẽ có
 • mưu đồ lương thảo Không
 • phải kẻ khác có thể biết được.»

•

« Rồi Lỗ Túc hỏi Bì :

« — Chẳng hay Dự Châu bây
 • giờ muốn về đâu ?

« Bì nói :

« — Tôi cùng thái thú Thương
 • Ngô là Ngô Thần xưa có tình
 • quen cũ, nên muốn sang nương
 • nhờ ở đây.

« Túc nói :

« — Tôn tướng quân xưa nay
 • đẹp loan trừ nguy là người
 • thông minh, nhân hậu kính
 • trọng người hiền, lễ phép với
 • kẻ sĩ, anh hùng Giang Biều
 • đều theo về tập nập, đã chiếm
 • cứ sau quận, binh giỏi, lương
 • nhiều, có làm nên việc. Nay
 • tôi xin vì sự quân bày kế. Chi
 • bằng cho người tâm phúc sang
 • Đông, kết tình hòa hiếu cùng
 • mưu đồ đại sự. Ví như muốn
 • đầu Ngô Thần thì việc ấy thiết
 • tuồng không nên

« Thần chỉ là người phạm tục
 • đóng quân xa xôi ở nơi biên
 • viễn thế nào cũng bị người
 • thôn tính. Há người như thế
 • đủ cho sứ quân ủy thác
 • được sao ?

« Bì nghe nói mừng lắm, tiến
 • quân chiếm đóng ở Ngạc huyện
 • tức thời sai Chư Cát Lượng
 • theo Lỗ Túc sang cầu hôn
 • Quyên kết tình Đồng Minh»

**Chư-Cát-Lượng sang
 Ngạc.**

**Ngô Quyền sai Chư
 Du và Trình Phệ tiếp
 Lượng, Tào Tháo và
 Tôn Quyền**

Bấy giờ Tào Công được quân
 Lưu Biểu thêm vào nữa, quân
 thế rất thịnh.

Quyên họp hội nghị, người
 nào nghe nói thanh thế của Tháo
 to lớn đều sợ hãi. Nhiều người

khàvên Quyền nên nghênh hàng
Thao.

(Giàng Biền chuyên chép. Tào Công đưa thư cho Quyền. Trong thư đại khai nói rằng :

« -- Gần đây ta vâng lời Thiên
• từ danh kẻ có tội. Co mao
• pháp phơ chỉ xuống phương
• Nam, Lưu Tông phải bỏ tay
• xin hàng. Nay ta ngự trị thủy
• quân 80 vạn muốn cùng Tuong
• quân hội hợp ở Ngô ».

« Quyền được thư, quân thần
• xem, người nào cũng mừng vui
• thất sắc »)

Hiền Chu Du và Lỗ Túc đề
nghị xin danh.

Du người cao lớn, khỏe mạnh
đẹp trai. Thoi Du hai mươi bốn
tuổi người Ngô vẫn gọi là Chu
Long. Thuở ấy Kiều công có hai
con gái cùng là quốc sắc. Tôn
Sách lấy Đại Kiều. Chu Du lấy
Tiểu Kiều.

(Giàng Biền truyền chép : Tôn
Sách thường nói đùa với Chu
Du : Hai con gái Kiều công
đang buổi lưu ly, được hai ta
lấy cho lại làm rể họ Kiều,
chắc rằng vui mừng lắm nhỉ !)

Chu Du xưa nay vẫn có định
ý bắt phục Tào.

(Sách Giàng Biền truyền chép :
Tao Công sau khi phá xong
Tiên Thiên, bình uy ngay càng

thịnh. Nam Kiến An thứ bảy,
Tào đưa thư xuống cho Quyền,
bắt Quyền phải gửi con tin về
Hứa Xương.

Quyền triệu các bề tôi hội
nghị, hơn Trương Tân Tung
đo dự không biết quyết đoán
thế nào. Ý Quyền không muốn
gởi con tin nên mới vời Du
đến trước mặt thân mẫu hội
nghị.

Du nói : « Xưa kia nước Sở
được phong ở cạnh Kinh Sơn,
đất không đầy trăm dặm

Những vua kế tri đều là
người hiền nay mô mang đất
đại biên cảnh. Khai cơ lập
nghiệp ở đất Dinh mà rồi chiếm
cư cả Kinh Dương thông suốt
xuống Nam hải, truyền nghiệp
đến tôi hơn chín trăm năm.

Nay tương quân được hưởng
lợi nghiệp của cha anh, kiêm
dân sau quân binh sĩ tinh nhuệ,
huong thực dồi dào, tương sĩ
mỗi năm vững mệnh. Dục
nơi làm đồng, phơ hề lấy
muoi. Trong nước giàu có phi
nhiều, dân cư đều phục tùng
không hề bao giờ nổi loạn. Thả
thuyền dùng buồm xuôi gió,
sang đi chiều dẫu tới nơi Phong
thời của kẻ sĩ rất là hưng thịnh
có thể ngang nhiên đối địch.
Hà tất phải chịu nhục bạch mà
gởi con tin. Một khi con tin đã
phủ vào Hứa Xương thì không

thề tranh được chuyển phải ở dưới quyền Tào thì sai khiến.

Châu Du nói tiếp :

- Bây giờ ta chịu để người kèm chế, quan phong cực phẩm, bất quá chỉ cần đến ấn tước hầu. Đây tờ thi tung được đó mười người xe dăm cỗ, ngựa mười con. Bây giờ có thể ngoảnh mặt về phương Nam xưng cô được không ?

Chẳng bằng bây giờ ta không gửi con tin, cứ từ từ xem thế vận biến-chuyển. Ví bằng Tào Thi có thể đem nghĩa lý mà chính thuận hạ. Bây giờ tướng quân tho Tào cũng chưa muốn. Vì bây giờ lũ kia mưu đồ bao loạn, thì việc binh như lửa không kêu gọi nó cũng chạy bùng lên. Tướng quân thao dũng anh hùng, nên đợi thuận mệnh, can gì phải gửi con lam tin cho người.

Me Quyền nói :

-- Công Cần nói phải lắm. xưa kia Công Cần là anh em đồng niên với Ba Phu, chỉ kém Ba Phu có một tháng. Ta coi Công Cần như con. Con nên thờ Công Cần như anh.

Vì vậy nên không có việc gửi con tin).

Năm Kiến An thứ 13, mùa xuân, Ngô Quyền đánh Giang hạ. Du làm tiền bộ đại đô đốc Cũng năm ấy. Vào tháng chín, Tào

Công vào Kinh Châu, Lưu Công hàng (như đã nói ở trên) Tào Công được cả chiến thuyền và bộ binh có tới mười vạn. Trương sĩ nghe nói đều sợ hãi. Quyền hỏi hợp quần thân hỏi kẻ sách Hôi nghi đều nói :

« — Tào Công là loài hổ lang sói, giả danh Hán tướng, lấy thế Thuận từ để chinh phạt bốn phương Đông binh lấy danh-nghĩa tru diệt. Nay ta cần cứ vào đầu mà dịch lại, sự thế thật là ba thuận.

Xem như đại thế của Tướng quân có thể kháng cự được Tào Thao ấy là Trương giang. Nay Thao đã lấy được hết Kinh châu, bao gồm đất lấy được thủy quân Lưu Biểu tới ngàn chiến lam xung đấu.

Thao ở ven sông kiêm Thống-chê cả thủy và bộ binh Thủy lục quân cùng điều động lấy Trương giang làm hiểm-tử cớ so ta voi địch cại thế lực bên nhiều quân bên ít quân không luận ban cũng biết được. Ngụ ý của chúng tôi cho rằng đại kế bây giờ không gì bằng don Tào Thao cầu hòa.

Du nói : « Không thể thế được. Thao giả danh là tướng nhà Hán kỳ thực là giặc nhà Hán. Trương quân lấy thần vũ hùng tài, nhơ nghiệp của cha và anh, cát cứ Giang Đông đất vuông vài ngàn dặm, binh-sĩ tinh-nhuệ cũng dư dùng.

Anh hùng lạc nghiệp còn phải tung hoành thiên-hạ vì nhà Hán trư bon tàn tặc. Huống chi Tháo trư tống tử, ta há lại hoan nghênh?

Tôi xin vi-tương quân trù liệu. Vì chàng đất Bắc bây giờ đã ổn định cả rồi. Tháo không phải lo lắng gì về mặt bên trong, co thể ngay rông thảng dài cùng ta cưu cu, trong nói tranh chấp chiến trường thủy trận chưa biết ai được ai thua.

Nhưng đất Bắc chưa được bình định. Lại có Mã Siêu Hàn Toại ở Quan-Tây là hậu họa của Tào Tháo. Nay bỏ yên ngựa đánh báng Chiến thuyền mà Tháo cũng Ngô Việt ta tranh hoành, do không phải là sơ trường của Trung-Quốc.

Vả chăng bây giờ đương mùa đông rét mướt ngựa không có cỏ. Tháo lại xua quân sĩ Trung quốc vào nơi xa xôi trong chốn sông hồ, không chịu được thủy-thổ ất nhiên sinh bệnh tật.

Đó là bốn điều tai-họa trong như p dụng binh. Vả mà Tháo đạo mao hiểm thì-hành. Chính ngay nay là ngày tương quân có thể bắt được Tào Tháo, Du tôi chỉ xin ba vạn tinh-binh, tiến đông Hạ khâu, vì tướng quân

phá giặc».

Quyền nói :

— «Thằng lão tặc muốn bỏ nhà Hán để tư lập, chỉ còn sợ hai anh em họ Viên, Lã Bố, Lưu Biểu và Cô mà thôi. Bây giờ các anh hùng đều bị diệt. Chỉ còn mình cô. Cô voi lão tặc thế không thể cùng đứng. Lời khanh nói nên đánh Tháo thực hợp lòng cô. Đó là Trời đã đem khanh cho cô đấy».

Giang-Biển truyền chép : Tôn Quyền rút đao chém vào cái án trước mặt nói rằng :

— «Kể từ nay ai còn nói đến hàng Tào thì như cái án này..»

Hôm nghị đến đêm thì tan. Quyền ra về. Du xin yết-kiến nói rằng : «Mọi người đọc thư Tháo thấy nói thủy hồ co lớn tám mươi vạn đều lấy làm khiếp sợ, không biết xét hư thực thế nào. Khai nên hội nghị vừa rồi thật chẳng ra sao.

Nay cứ thực mà xét, kể kia có quân Trung-quốc không quá mười lăm mười sáu vạn. Mà quân chinh chiến lâu ngày đói tử nên bị quyền. Bất được quân của Lưu-Biểu nhiều lắm là bảy tám vạn

Những quân này còn hồ nghi, bởi rồi Lấy bon sĩ tốt đương bệnh tật để ngư trị bon quân hồ nghi Quân Thao. Tuy nhiều thực không đang sợ. Nếu tôi được nằm van tinh-binh có thể định tan được giặc.

Quyền võ lung Du nói: Công-tử lại khanh nói chính hợp lòng cô. Mọi người như Lữ Bố, Văn Biều đều chỉ nghĩ đến vợ con và tư lợi của họ, làm mất cả lòng cô trông đợi. Chỉ có thanh và Từ-Kinh là đồng ý với cô mà thôi. Thất Trời đã đem họ khanh ban thưởng cho cô.

Khanh xin năm vạn quân, điều ấy kho đủ cô đã tuyển cho thanh ba vạn binh sĩ thuyền lương, chiến cụ đều đủ cấp cho khanh.

Khanh hãy cùng Từ Kinh sâu tra lên đường tiến phát. Rồi sau đó cô sẽ cho quân tải lương thực đến tiếp viện khanh sau. Khanh nên tư tiện dụng binh. Có điều gì không được như ý ghi nói cô hay. Phen này cô quyết thắng bại cùng Mạnh-Dục

(Lan nữa)

CƯỚC TIẾP XÚC CỦA

Ông JOHN ECHOLS

Giáo-sư văn chương Việt-Nam và Đông-Nam. Á tại viện Đại-học Cornell.

Giáo Sư Echols ở Mỹ và sang Saigon để thu thập các tài liệu về Văn hóa Việt Nam, có tổ chức một buổi hội họp tại trụ sở Hội Việt-Nam Nghiên-Cứu Liên Lạc Văn hóa Á Châu, 201, Lê văn Duyệt Saigon, lúc 18 giờ, ngày Thứ Bảy 5-12-59. Ông trình bày những điều nhận xét chung của ông về văn chương Đông Nam Á. Ông cho biết lúc dạy văn chương Việt Nam cho sinh viên Huế Kỳ, ông rất thắc mắc vì không có quyển sách nào về văn học Việt Nam viết bằng tiếng Anh, vì vậy sự phổ biến văn chương Việt Nam ở Huế Kỳ rất khó khăn. Ông muốn nhờ các giáo sư và các nhà văn giúp ông về phương diện đó, ông hy vọng một ngày gần đây sẽ có nhiều sách Việt dịch ra Anh Văn. Ông có tiếp xúc thân mật và niềm nở với một số các bạn có mặt hôm ấy: Giáo sư Nguyễn đăng Thực, Giáo sư Nguyễn đình Hòa, cụ Nguyễn Trác, Bác sĩ Lý trung Dung, thi sĩ Vũ hoàng Chương và Nguyễn Vũ, ông Phạm xuân Thái, Giáo sư Pittman, Giáo sư David v.v...

THƯƠNG MỘT NIỀM TRĂNG

Mưa gió tàn đêm, rộng nếp giường,
Trăng về kiếp trước nhớ Thôi-nương...
Mệnh mang khói nhạt cài trên tóc
Hiu hắt trắng sâu quanh giải Tương /
Nào kẻ bao đêm chênh gối lẻ...
Ai người sông nước nhớ Tâm-dương ?..
Say lên bến mộng tình ca-kỷ
Ngàn thuở sầu Vương... mấy dặm trường...
Xác bướm còn thơm men di-túy
Muôn đời rêu nhạt, gót đưa hương
Ngẩn ngơ tìm lại người Thơ cũ..
Xao xác vàng gieo... rụng cuối tường...

VƯƠNG-KIỆU



ĐÔI NIẾT VỀ

HÀN-MẶC-TỬ

(Tiếp theo P. T. số 25)

TỪ ngày Tử mắc chứng nan y, thiên-tài Tử bột phát, và hơi của Tử mở hẳn một chân rồi mới lạ.

Khi biết mình mắc phải chứng nan y, thì lòng Tử đau đớn đến cực-độ, đau-đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy khi nhiều khi ít. Nhưng ngày rồi ngày, nỗi đau khổ không phát hiện ra ngoài một cách bỗng-đột, mà lại ăn sâu vào tâm-hồn và ngấm-ngấm nung nấu Tử, nung nấu đến tột độ.

Con trai bị hạt sạn hạt cát làm hương-tồn cõi lòng, liền nhả tinh ra ra quần lấy hạt sạn hạt cát để cho êm dịu bớt vết thương. Mỗi ngày tinh ba mỗi tiết và lần lần kết thành hạt trai.

★ QUÁCH-TÂN

Đề xoa dịu tâm hồn đau khổ, anh-ba của Tử phát tiết. Bệnh càng tăng, nỗi đau khổ càng thấm thía càng ray rức. Nỗi đau khổ càng ray rức càng thấm thía, nguồn thơ của Tử càng thêm sức mạnh, càng thêm dồi-dào, càng thêm dào-dạt và phun ra những «luồng sóng điện nóng ran», những «tia sáng xôn-xao» thoát ra những «tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú».

Những bài thơ tâm-kỳ xuất-hiện.

Đọc những câu, như :

.

Em cố nghĩ một buổi chiều

vàng ứa,

Lá trên cành héo-hắt, gió

ngừng ru :

Một khối tình nức-nở giữa âm
u,
Một hồn đau ra lần theo
hương khói,
Một bài thơ cháy tan trong
nắng dọi,
Một lời run thoi thóp giữa
không trung,
Cả niềm đau ý nhớ cả một
vùng,
Hóa thành vũng máu đào trong
ác lẫn.
Đấy là tất cả người anh tiêu-
lấn,
Cùng trăng sao bàng bạc xứ
Say-Mơ,
Cùng tình em tha thiết như
văn thơ,
Ràng rịt mát cho đến ngày
lặn thế.
(TRƯỜNG TUONG TỬ)

Đọc những bài, như bài «Hồn
là ai» :

Hồn là ai ? là ai ? tôi chẳng
biết.

Hồn theo tôi như muốn cợt tôi
chơi.

Một đầy hương tôi không dám
ngậm cười.

Hồn vội mớm cho tôi bao ánh
sáng ...

Tôi chết già và no nê vô vụn.

Cười như điên và sặc-sụa cả
mùi trắng.

Áo tôi là một thứ ngợp hơn
vàng,

Hồn đã cầu, đã cào, nhai
ngấu ngiến !

Thịt da tôi sượng sần và tẻ
điển,

Tôi đau vì rừng-rợn đến vô-
biên.

Tôi chìm hồn xuống một vũng
trắng êm,

Cho trắng ngập, trắng dồn lên
lót ngực.

Hai chúng tôi lặng yên trong
thôn thức,

Rồi bay lên cho tới một hành
lính,

Cùng ngả nghiêng lẫn-lộn giữa
muôn hình

Đề gào thét một hơi cho rợn óc

Cả thiên đàng, trần gian và
địa ngục.

Hồn là ai ? là ai ? tôi không
hay,

Dồn tôi đi rùng-rã một đêm
ngày,

Hồn một là mà tôi thì chết
giắc ...!

Thì chúng ta thấy nguồn cảm
hứng của Tử phát xuất tận trong
đầy hồn đau khổ vô cùng, và tuôn
ra khi «máu cuồng rên vang dưới
ngôi bút». Nó gây nơi chúng ta
một cảm giác lạ lùng, rợn rợn. \ à

ĩa như lời Từ nói. Nó đưa trí
úng ta vào «một vườn hoa rộng
nh, không bờ bến. Càng đi xa
àng ớn lạnh».

Bên cạnh nỗi đau khổ vì bệnh
t, còn thêm nỗi buồn thương vì
hải sống xa gia-đình, xa bè bạn
ong những nơi quạnh vắng đìu-
iu.

Cảnh bơ vơ trơ trọi nó cũng
ày-vò tâm-trí Từ đến cực độ; nó
ba chung quanh thơ chàng một
ầu không khí buồn chán mênh-
mông và thắm-thía.

Đọc những câu, như :

Anh rõ trước sẽ có ngày cách
biệt,
Vẻ như gần song vẫn thiệt xa
kheo !

Sau mắt đi đừng cho lệ đầy
rơi,

Hãy mừng-tưng một người
thơ đang sống
Trong tim tim, lè-loi trong
dây-dộng.

—Cũng hình như, em hỡi, động
Huyền-Không
Mà đêm nghe tiếng khóc ở
đáy lòng,

Ở trong phôi, trong tim, trong
hồn nữa...!

(TRƯỜNG TƯƠNG TỰ)

Hoặc đọc những bài, như bài

«Cô liêu»:

Gió lửa ánh sáng vô trong bất,
Trăng ngập đầy sông, chảy
láng lại.

Buồm trống phất phơ như cuốn
lá,

Lòng tôi bất-ngát rộng bằng
hai.

Tôi ngồi dưới bến đợi nường
Mơ.

Tiếng rú ban đêm rạn bóng mờ
Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng,
Rung tầng không-khí, bạt vì lơ
Ai đi lẳng lẳng trên làn nước,
Vội lại ai ngồi khít cạnh tôi ?
Mà sao ngậm cứng thơ đầy
miệng,

Không nói k hông rằng nín cả
hơi !

Chao ôi ! Ghé quá ! Trong tư
lương,

Một vũng cô liêu cũ vụn đời !

Thì chúng ta cảm thấy một nỗi
cô quạnh hoàn-toàn, một nỗi cô-
quạnh rùng-rợn, khủng-khiếp ! Cô
quạnh đến nỗi nghe rõ tiếng nói
tận đáy hồn, đáy tim, đáy phôi,
đáy lòng ! Cô quạnh đến nỗi nghe

tiếng mơ lớn bằng tiếng rú, tiếng hồn xô vỡ cả sóng, rung cả không khí, bat cả vi-lô... ! Và cô quanh đến nổi bóng lòng hiện thành hình ngồi bên cạnh đi trên nước.

Những cảnh tượng đó không phải chỉ có trong thơ mà thôi. Đó là sự thực. Những thơ của Tử đều là những lời ghi chép trung thành những cảm-giác, những tư-tưởng ... của chàng, những hình ảnh, những cảnh-tượng hiện-hiện trong trí hoặc trước mắt chàng.

Như bài «Cô-Liêu» kia, Tử đã làm sau một đêm cuối thu, một mình ngồi ngắm trăng khuya trên bãi bờ Qui Nhơn.

Đêm ấy — theo lời Tử kể — vì tiết sắp sang đông, nên bãi biển không có một bóng người qua lại mặc dù trời không lạnh và trăng sáng như ban ngày. Đêm tanh hết sức, tanh đến nỗi nghe rõ cả tiếng của chiêm-bao ! Cảnh trời thật mênh-mông bát-nát. Cõi lòng lại mênh mông bát ngát bằng hai. Khiến thân chìm lìm trong không gian vô-tân, và hồn chìm-lìm trong cõi lòng vô-biên... Tử có một cảm-giác ngờm ngợm... Chợt nhìn lên trời thấy bóng trăng đã đứng đầu, và nhìn bên cạnh thấy một bóng người

ngồi sát. Rồi từ bóng người bước ra một bóng thứ hai, đi từ từ ra biển và bước lững thững trên mặt nước. Đoan hai bóng đều biến mất và mặt biển đông lại thành tuyết sáng ngời dưới bóng trăng khuya. Thoạt hiện ra một người, thân-vóc nở nang, mình khoác chiếc áo lông, vai gánh đôi thùng thiết dưng đầy nước óng-ánh. Người ấy bước đi thì nước trong thùng tung ra hóa thành máu đỏ lã-chã trên tuyết. Người gánh máu đi lẫn vào bờ. Tử khiếp quá, hét lên một tiếng, vụt đứng dậy, chạy một mạch về nhà. Vừa đến nhà, mệt quá té nằm trước thềm, ngút hơi... Tử ấy cảnh tượng kia ám ảnh mãi.

Tử nói : Cảnh tượng người gánh máu đi trên tuyết, khi trông thấy thì rung-ron hơn cảnh người ngồi bên mình. Song về sau cảnh tượng người ngồi bên cạnh lại gây một cảm giác rung-ron hơn.

Do đó Tử soạn thành hai bài thơ bài CÔ LIÊU trên đó và bài, CUỐI THU mà trong có câu :
*Lựa trời ai dệt vớt ai căng,
Ai thả chìm bay đến Quảng-Hàn ?*

Và ai gánh máu đi trên tuyết,
Mảnh đo da cừu ngắm nở nang...

Những cảnh tượng ấy do tâm-trang của Tử phát hiện.

Tử sống lẻ-lai trong niềm đau-thờ. Đau khổ nung-nấu Tử đến một độ mà trí chúng ta không thể tưởng-tượng nổi, khiến tâm - hồn Tử mang những sắc-thái đặc-biệt quá xa lạ đối với chúng ta, và Tử có những cảm - giác, những tư-tưởng, những ý-khắc hẳn chúng ta.

Do đó nhiều bài thơ của Tử đối với chúng ta trở thành bí-hiếm. Bí-hiếm chỉ vì chúng ta không nhìn thấy trạng-thái của tâm - hồn Tử, không thông cảm nổi những nỗi đau-khổ của Tử, chớ không phải Tử cố ý làm cho thơ mình bí-hiếm, như đã có người tưởng lầm.

Thế là nhờ có đau-khổ cao độ mà thiên - tài của Tử phát triển bùng-bột. Mà cũng vì Tử đau-thờ quá sức tưởng - tượng của chúng ta mà thơ Tử trở thành bí-hiếm đối với chúng ta vậy.

Đau khổ đến thế tưởng cũng là cực điểm.

Nhưng bên cạnh nỗi đau khổ về tâm-bệnh, về cô-quạnh, Tử còn phải chịu nỗi đau khổ về tình-thuận !

Nguyễn Tử có một người yêu ở Phan - thiết, bí danh là Mộng-Cầm. Hai bên đã nằng-lời thề-

thốt « trăm năm cùng già ». Nhưng sau khi biết được Tử mắc chứng « nan y », Mộng-Cầm đi lấy chồng, gieo vào lòng Tử một mối buồn thương vô hạn :

*Nàng hỡi nàng (1) ! Muốn năm
sầu thắm,
Nhớ thương còn một năm xương
thối !*

*Thân tàn mao dai đi rồi...
Rầu rầu nước mắt bồi bồi ruối
gan...!*

Đến đây chắc có bạn muốn biết :

— Mối tình Mộng - Cầm có phải mối tình đầu của Tử ?

Chắc có bạn nghĩ rằng :

— Sau Mộng-Cầm, Tử mang bệnh ngạt nghẹn, hẳn không còn ai yêu Tử ?

— Thường tình thiên-ha thì chỉ yêu trong lúc lành mạnh. Yêu Tử trong lúc bệnh hoạn mới thật là yêu, tình yêu mới thật là đáng quý.

Có người đã yêu Tử khi Tử đã « lâm nguy ». Đó là cô Lê-thị-Mai, biệt hiệu là Mai - Đình. Người gốc ở Thanh-Hóa và trú ngụ ở Phan-Thiết

(1) Tử gọi hẳn tên của người yêu song thiếu sót là nên tạm sửa.

Mối tình của Mai-Dinh thật có chỗ khác thường.

Vì có chỗ khác thường nên đã có nhiều nhà văn nhà báo đã theo hoa dật gấm cho mối tình ấy rất nhiều. Kể cũng không hại gì cho đời văn-chương của Tử. Đáng lẽ c. đề vậy cho đẹp. Song vì gia-dinh Tử đã nhiều lần yêu cầu, nên xin cải chính đôi đi kèm — sách báo thường nói rằng cô Mai có ở nuôi nấng Tử trong hai ba tháng và cùng Tử vui tuần trăng mật.

— Thừa : Cô Mai không hề nuôi-nấng Hàn Mặc Tử. Gia-dinh Tử vốn là một gia đình lễ-nghĩa. Bà thân-sinh của Tử hiền-hậu nhưng rất nghiêm, không bao giờ để cho một người đàn bà không phải chỗ thân thích ở trong nhà để săn sóc con mình. Huống nữa sự gần gũi đàn bà là điều tối kỵ đối với bệnh của Tử. Cho nên «tuần trăng mật» giữa cô Mai và Tử hoàn toàn không có.

Cô Mai đến thăm Tử tại nhà, mấy lần. Có một lần và là lần cuối cùng (1), cô Mai xin phép bà cụ Tử ở chơi cùng hai bà chị hai hôm. Chỉ có thể thôi.

Theo chỗ tôi biết — vì tôi

quen cả hai bên — thì cô Mai say thơ Tử và tình, đối với Tử cũng rất thiết-tha. Song Tử đối với cô Mai chỉ thương vì «tội-nghiệp» chứ không yêu, vì cô Mai thiếu những «yếu tố rung-cảm».

Bởi vậy, mặc dù cô Mai đã tỏ cùng Tử một mối tình nồng-nàn tha thiết, mà vẫn không làm người được niềm nhớ tiếc buồn thương của Tử đối với Mộng-Cầm.

Đối với Mộng Cầm, Tử tuy «chưa chăn gối» nhưng cũng «đã vợ chồng», nên mối tình rất đậm đà thâm-thiết.

Do đó, sự đi lấy chồng của Mộng Cầm, mặc dù là lẽ tất-nhiên, không có chi đáng trách, và cũng là ý muốn của Tử, đã gây trong lòng Tử một phản-dộng lực rất mãnh-liệt, khiến Tử hết đau khổ đến buồn thương, và phát ra những lời thơ nào-nùng thống thiết.

Như bài MUỐN NĂM SẦU THẨM .

(1) Sau khi Tử mất được 2 tháng, Mai đến Qui-nhơn, có đến thăm bà thân của Tử.

Nét cuối cùng là nét lúc Tử còn tại thế.

Nàng hỡi nàng muôn năm
sầu thảm.

Nhớ thương còn một năm
xương thối

Thân tàn ma dại đi rồi,

Rầu rầu nước mắt bôi-bới ruột
gan

Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió

Tưởng chừng như trong đó có
hương

Của người mình nhớ mình
thương ...

Nào hay gió tại chàng vương
vẫn gì

Nhớ lắm lúc như si như dại,

Nhớ làm sao bài-hoài tay chân !

Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng,

Mà ngầu nào đó vẫn khăng-
khít nhiều.

Dầu đau-dớn vì điều phạ-rủy,

Nhưng mà ta không lấy làm
điều !

Trăm năm vẫn một lòng yêu.

Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi.

Như bài PHAN THIẾT, với
những câu :

.....

Rồi ngầy dại nhờ thất tình
chỉ hướng.

Ta lang thang tìm đến chốn
lầu Trăng :

Lầu Ông Hoàng, người thien
hạ đồn vang.

Nơi đã khốc, đã yêu thương
da-diết..

Ôi trời ơi ! Là Phan-thiết !
Phan thiết !

Mà tang thương còn lại mảnh
trăng rơi .

Ta đến nơi — Nường ấy vắng
lầu rồi.

Nghĩa là chết từ muôn trăng
thơ-hù

Trăng vàng ngọc, trăng ẩn tình
chưa phi

Ta nhìn trăng không tốt
ngậm ngùi trăng

Ta vút tung thơ lên tận cung-
Hằng

Thơ phép-tắc bỗng kêu - rên
thống thiết

Hỡi Phan thiết ! Phan thiết !

Mi là nơi ta chôn hận nghìn-
thu

Mi là nơi ta sầu muôn ngắt ngư

Thật là những tiếng kêu rên
thống thiết !

Với thời gian, nỗi
đau khổ của Tử láng dân xuống.

Lời oán trách không còn và niềm
nhớ tiếc trở nên êm-dịu và sâu-

sắc Như bài :

SAY CHẾT ĐÊM NAY

Trời Hàn giang đêm nay không
sóng,

Lòng cô liêu đồng vọng mà chỉ

Gió đông dạt gặp tình si,

Ồi chao quẩn quít nỗi gì nhớ
thương

Trăng cô-đó hết vương cảnh-
trúc,

*Hẹn đoàn viên tình thực chiêm
bao !
Đêm nay lại giống đêm nào,
Nhấp xong chung rượu buồn
vào tận gan.
Say thôi lại muốn nàng nâng đỡ
Nhưng nàng xa từ thuở vu-quát
Nhớ thôi lòng những sầu bi,
Lệ sa vào rượu hàng mi lờ mờ.
Ta là khách bơ vơ phàm tục,
Nhớ cầm trăng cung-bức tiêu-
lao.
Không ai trang điểm má đào,
Cho ta say chết đêm nào đến
nay...*

Cay đắng nhưng ngọt ngào.
Thật là thâm trầm ý-vị

Có người nói :

-- Nếu Hàn Mặc Tử không
gặp những cảnh đau thương chưa
chắc thơ đã hay đến thế.

Cung có lẽ.

Và trong hoàn cảnh có một
thông hai ấy, Tu đã sống -- như
lời Tử đã nói trong bài tựa Thơ
Điên "mãnh-lết và đầy đủ.
Sông bằng tum, bằng phôi, bằng
máu, bằng lệ, bằng hồn. Tu đã
phát triển hết cả cảm giác của
hình vêu. Tu đã vui, buồn, giận,
hồn đến gần đứt sự sông".

✽

Nhưng cũng có đôi lúc tâm-

hồn Tử rất bình-tĩnh, thanh-thoai.
Trong những lúc này, thơ Tử
vừa du-dàng vừa tươi sáng. Như
những bài «Tối tân hôn», «Đà-lạt
trăng mờ», «Huyền-ào», «Mùa-
xuân chín», «Cao húng» v. v. .

Đây bài TỐI TÂN HÔN :
Là sợi đường tơ dẫu quá trắng,
Là bao nhiêu ngọc cũng không
bằng.

Cả và thể giới như không có :
Một vẻ yêu là một vẻ lẫn.

Đã có khi nào cô ước mơ,
Rồi đây khai mạc cuộc đời
thơ ..

Bằng đêm hôm ấy êm như rót
Lời mật vào tai ngọt ứng sò !

Bài ĐÀ-LẠT TRĂNG MỜ :
Đây phút thiêng liêng đã bắt
đầu :

Trời mơ trong cảnh thật huyền
mơ !

Trăng sao đắm đuối trong
sương nhạt,
Như đón từ xa một ý thơ.

Hàng thông lấp lánh đứng
trong im,
Cành lá in như đã lặng chìm.
Hư thực làm sao phân biệt
được >

Sông Ngân hà nổi giữa màn đêm

.

Bàn MÙA XUÂN CHÍN :
 Trong làn nắng ửng khói mơ
 lan,
 Đốt mái nhà tranh lấm tẩm
 vàng
 Sốt soát gió trên tà áo biếc
 Trên giàn thiên lý — Bóng
 xuân sang ...

 Liếng ca vắt vẻo lưng chừng
 núi,
 Hồn hên như lời của nước
 mây.
 Thăm thẳm ai ngồi dưới trúc

Nghê ra uy uy và thơ ngây.

Thật không có một dấu vết
 của hên tật, không có chút rên-tì
 của đau-thương. Nghe xém như
 lời mật vào tai¹, thật «ý-vị và thơ
 ngây» quá !

Nhưng những phút này rất
 hiếm và qua rất mau. Màn thê
 lương âm-dam lại trở âm-ảnh
 tâm-hồn Tử. Nhưng cảnh rừng-
 rợn đau-thương lại hiện ra trong
 trí Tử, trước mắt Tử và thơ Tử
 rít lên những tiếng kêu cầu thẳm,
 hãi-hùng ...

(Còn nữa)



♦ TRIẾT LÝ CỦA BÌNH SỬA

Một sinh viên đại học không hiểu học thuyết « Tương đối » của
 nhà triết học Einstein, liền hỏi ông. Ông đáp như sau đây :

Một hôm, tôi đi đường gặp một người dui tại hỏi γ : « Anh muốn
 uống một ly sữa không ? » Người dui hỏi lại tôi :

Sữa là cái gì ?

Sữa là một thứ nước trắng trắng

- Nước thì tôi biết nhưng trắng là thế nào ?

- Trắng là cái màu giống như lông con ngỗng

- Lông thì tôi biết rồi, nhưng con ngỗng thì như thế nào ?

- Ngỗng là một loại chim có cái cổ dài và cong được.

- Cái cổ thì tôi biết, nhưng cong là thế nào ?

Nhà Triết học Einstein bèn nắm cánh tay của người dui, dang
 thẳng ra và bảo : « Thế này gọi là ngay » rồi ông bẻ cánh tay lại
 và bảo : « Thế này gọi là cong ». Người dui vui mừng bảo :

— À, thế bây giờ tôi hiểu sữa là cái cánh tay cong lại giống
 cái cổ con Ngỗng.



N O Ě L



Cứ đến
lễ Noel,
trong mỗi
gia - đình
theo Thiên
Chúa-Giáo
trên khắp thế-giới đều có chưng
bày một cây thông, lá tươi xanh
mướt, treo đèn kết hoa trông
rất ngoạn mục.

Lễ Noel mà không có thông
trở nên lạt-lẽo, làm cho ai cũng
cảm thấy thiếu-thốn, khó chịu .
và buổi lễ mất hẳn tánh - chất
độc-đáo thiêng-liêng của nó

Cây thông Noel là một trong
những món cần-thiết nhất cho
lễ Giáng-Sanh,
cũng như cảnh
nêu, cảnh đào,

cảnh mai trong lễ Tết vậy

Nói đến cây Thông Noel
cũng như nói đến cây Papyrus
của nước Ai-Cập, cây Bồ-Đề ở
Ấn-Độ, cây Kè-Xanh ở nước
Hy-lạp, cây Đọt-Bà (Liên-hoa)
ở nước Lào, cây nêu ở nước ta,
Cây Thông Noel chứa đựng cả
một ý-nghĩa sâu đậm liên quan
đến Đức - Tin của con người
Công-giáo.

Cây Thông được dựng trong
lễ Noel, bắt đầu từ năm nào,
không thấy có sách nào nói rõ.
Tuy-nhiên, trong thiên La-Mã.
Sử có đề-cập đến thứ cây Thông
dùng trong các lễ Tế-Thần Sa-
turne (Thổ -
Tinh). Cây
Thông theo sử

Sự chắp là biểu-hiệu cho sự sống còn, nguồn sinh-lực dồi dào của Đất - Mẹ. Trong khi đông về, tuyết phủ, tất cả cây cối đều trụi lá khô cành, chỉ có cây Thông vẫn sừng-sừng giữa trời chịu đựng dai-dẻo giá-băng gió cuốn.

Theo một thuyết khác, khi quân lính La-Mã đóng dinh Chúa lên cây Thập-Tự, cây Thập - Tự-Giá lại làm bằng gỗ thông. Cho nên nhân lễ Mừng Chúa ra đời, con người muốn nhắc nhở lại sự hy-sinh siêu-việt của Chúa trên cây Thập-Tự để cứu - vớt nhân-loại, và để đời đời nhớ ơn Chúa, nên họ đã dùng cây Thông trong dịp lễ Noel.

Có sách lại nói là thoát tiền các xứ bên bờ sông Rhin — con sông chảy ở giữa nước Pháp và Đức — có tục-lệ cứ mỗi khi lễ Noël đến là dân chúng tổ-chức một buổi thịnh-diễn long-trọng, ví-dại một, Thánh-kịch (Mystère) lấy tên là : « Thiên-Đàng-Thánh-Diễn », trong đó các vai thiên-thần đều do người nam hay nữ đồng - trình đóng. Cây Thông được mệnh-danh là « Cây Khoa

Học » cũng đóng một vai đi đúng múa máy như thiên-thần vậy.

Có sách lại nói rằng tục dùng Thông đã có từ Thượng-cổ Thời đồ thường các vị Tế-sư (Druides) cứ đến đầu năm, vào rừng đi hái lộc. Lộc là những hoa gởi. Họ tổ-chức các buổi lễ hái hoa gởi rất long-trọng mà kẻ hái hoa phải là một cô gái đồng - trinh. Dân chúng Âu-Tây thấp tùng theo. Vì hoa thì có ít, họ bèn hái lá, chặt cành mang về nhà, ý niệm rằng mang cái may, cái phước về nhà. Thời kỳ các Tế-sư qua, tục lệ vẫn tồn tại. Cứ năm hết « Tết » đến là dân chúng Âu-Tây vào rừng chặt cành cây đem về. Dẫu có giống Thông có thể gìn-giữ được lâu mà không rụng hoặc vỏ vàng khô héo nên họ chọn cây Thông

Thông đối với họ là biểu-hiệu của sự may-mắn Phước-cải Duyên lành. Có sách lại nói cây Thông biểu-hiệu lễ huyền-bí của sự sinh-tồn, và sự truyền tử lưu tôn. Có nơi lại bảo cây Thông biểu hiệu cho ngày Đản-sanh, vì thòi xưa có tục dùng cây Thông

CÂY THÔNG NOËL

để trang-hoàng nhà cửa vào dịp lễ Sinh-nhật.

Xa xưa người ta cứ đem cây Thông đến nơi hành lễ, để y cành lá chớ không trang - điểm cho se-sua. Nhưng đến năm 573 sau Thiên-Chúa Giáng-Sanh, lần đầu tiên tại xứ Bourgogne-Pháp (Âu-Châu) một vị tu-si người xứ Ai-Nhĩ - Lan tên là Colomban, lúc đó đang cư - ngụ ngay tại Lữ-đình vua Gontran của dân tộc Burgondes, nhân dịp lễ Noel có sáng kiến đem treo lên các cành thông những bó đuốc nhỏ hình Thập-Tự-Giá.

Tục ấy lan tràn nhanh chóng và dân chúng bắt chuộng điểm trang cây Thông theo sở-thích và quan niệm mỹ-thuật của mình. Họ treo đèn lấp lánh tương trưng các vì sao trên trời. Họ mang giấy như - kim gán bông gòn vào lá để giả-tạo tuyết. Đèn còn được đục theo các kiểu kỳ-lạ. Về sau, đèn-khí phát-minh, họ chế ra nhiều kiểu đèn xanh đỏ kết tung giấy vào cành thông trông rất ngộ-nghĩnh.

Bên nước Mỹ người ta thường treo thêm những giấy quẻ tổng

teng trên cành thông hay ở cửa vào nhà. Cổ nhiên là những giấy gửi giả-tạo. Có một phong-tục ngộ nghĩnh là trong đêm Nô-ên, họ tổ chức những buổi họp tại gia. Nếu rúi người nào vô ý đứng ngay dưới giấy gửi, khi bị kẻ nào chợt bắt gặp đó được quyền hôn họ một chiếc. Có những chuyên tréo cẳng ngồng xảy ra tức cười nôn ruột. Như một bà già hôn một ông Cha đến để đi quyền quà cho trẻ em mồ côi, hay thiếu-niên hôn nhầm bà già v.v... Cổ nhiên sau đó họ cười xòa... và chiếc hôn ấy kể như là một lời chúc tụng. Nhưng thanh niên thường lợi dụng tục ấy giả vờ nói chuyện đùa lừa các thiếu-nữ đến ngay dưới giấy gửi và nhơn cơ hội gở một chiếc hôn. Lắm cô — cổ nhiên là kém duyên-dáng — cứ giả vờ lơ đứng dưới các giấy gửi để được hôn ...

Trở lại cây Thông Noël. Cây Thông đầu tiên được cái hân-hạnh đặt chân vào điện Tuilerie của Pháp vào năm 1840 là một cây Thông đem từ Đức quốc về. Đó là một món quà đặc-biệt do công-chúa Hélène de Mecklen-

bourg đem đến dĩ dâng cho vua Louis Philippe của nước Pháp.

Do đó chúng ta thấy tục lệ dùng cây Thông vào lễ Noël bắt đầu từ miền Đông (Đức) lan tràn qua Pháp. Dân Pháp mãi về sau mới dùng cây Thông.

Bắt đầu năm 1890 hơn 35.000 cây Thông được tải đến bán tại Ba-lê. Rồi tục dùng Thông càng ngày càng bành-trướng và cây Thông được khai-thác một cách kỹ-nghệ hơn.

Mỹ quốc nhập - cảng Thông từ Canada, mỗi năm dùng hơn 2 000.000 cây. Thông được chuyên chở bằng máy bay qua các đảo khác trong Đại - Tây-Dương như Cuba, Bermudes, Antilles. Tuy nhiên ở Mỹ về phía Bắc tại khu rừng Adirondach cũng có giống Thông ấy.

nhưng không đủ để cung cấp cho dân chúng vào mỗi kỳ lễ Noël. Lại nữa, ngày 14 tháng 8 năm 1933, một trận cháy lớn tại xứ Orégon đã thiêu-hủy cả một khu rừng 310.000 mẫu tây trồng Thông.

Anh Quốc vì không có thứ Thông đặc biệt, nên tạm dùng thứ Thông đỏ (Pin Rouge) hay cây Cèdre.

Pháp quốc cả khu rừng Vosges trồng toàn Thông, cứ mỗi kỳ lễ Noël, dân bản xứ lại đón Thông đi bán khắp nước.

Tại nước ta, Đalat là nơi sản xuất thứ Thông đặc-biệt đó. Và mỗi năm giữa đại-lộ Nguyễn-Huê vào dịp lễ Noël chúng ta thường thấy mọc ra cả một rừng Thông.

(NOËL 59)

Chị em ơi, chúng ta hãy cùng nhau đi chơi ở rừng thông nhé!

Hai con thỏ cái ở trong rừng Trảng-Bôm.

Hai con thỏ cái ở trong rừng Trảng-Bôm, cả hai đều đồng con, một hôm gặp nhau hỏi chuyện :

— *Chị mạnh khỏe chứ ? Gia đình có gì lạ không ?*

— *A có, cảm ơn-chị, con gái lớn của tôi vừa được người ta đưa lên ở Sài-gòn.*

— *Vậy hả, nó lên làm gì trên đó ?*

— *Nó được ở sở thú, trong cái chuồng đẹp lắm.*

Wink!

MOHAMMET



— Minh
oi, nhưn
dị p lẽ
« Giáng -
sinh » của
Chúa Jé-
sus-Christ,
em muốn
biết hiện
nay trên
Thế - giới
có mấy thứ
Tôn-giáo ?

— Có lu-
bù l

— Những
tôn - giáo

nào mà lu-bù dư vậy ?

— Phật giáo nè, Gia-tô giáo
nè, Đạo Tin-Lành nè, Đạo Cơ-
Đốc Phục Lâm nè, đạo Hồi-hồi
nè, đạo Bà-la-môn nè, đạo Bà-
Hai nè, đạo Lão-Tử nè, đạo Võ-
sĩ nè, đạo Cao-dài nè, đạo Hòa-
Hảo nè, đạo ông Yàng nè v.v...
Đó là chưa kể Đạo Khùng...
Đạo Lui, Đạo Liếm v.v... ở các
miền Hậu-giang Nam-Việt !

— Đạo nào quan-trọng nhất ?
Có Lịch-sử hẳn-hoi và có đông
người theo nhứt ?

— Đông tín-dồ nhứt thì có
Gia-Tô giáo, nhì là Hồi-giáo,
ba là Phật-giáo.

— Hồi-giáo là đạo gì ở đâu,

hả Minh ? Thờ ai ?

— Hồi - giáo bao - trùm cả
những phần đất rộng lớn của
Thế-giới, và đang có một thế-
lực rất mạnh-mẽ, ảnh hưởng lớn
lao vô-cùng trên trường chính-
trị quốc-tế hiện nay. Khởi điểm
từ vùng sa-mạc của xứ A-Ra-
Bi (Arabie), Hồi - giáo đã trở
thành QUỐC GIÁO của toàn
thế các nước Cận-đông, gồm có
Thổ-nhi-kỳ, Syrie, Liban, Irak,
Jordanie, tiến về phương Tây
vượt qua kinh Suez, bao trùm cả
Bắc-Phi-Châu : Ai-cập, Soudan,
Tunisie, Algérie, Maroc, một
phần đất Espagne (Âu châu),
phía nam nước Pháp, và một
phần lớn các giống dân da, đen
ở Trung Phi, lại còn tiến về
phương Đông thì bao quát cả
phía Nam nước Nga, và xứ Ba-
Tư, đến sông Indus của Ấn-độ,
xứ Pakistan, (ta thường gọi là
Hồi-quốc) xứ Afganistan, một
phần Ấn-độ, vượt biển Ấn - độ
tiến tới Mã - lai và cả xứ Nam-
Dương. Ở Việt-nam ta, có một
thiểu-số Dân-tộc Hồi - giáo là
giống người Hồi ở vùng Phan-
Rang và Chà-Và Giang Châu
ở miền Lục tỉnh. Bên Tàu cũng
có những thiểu-số Dân Hồi-
giáo, rải-rác từ Tây-Tạng đến
Turkestan, giởabi ên-giới Nga-
Tàu.

Bà Tú lật đặt đến trước bản đồ Thế-giới treo trên tường, lấy ngón tay chỉ các vùng mà ông Tú vừa kể. Bà hết sức ngạc-nhiên, hỏi to lên :

—Ồ, Minh ơi, như thế thì Hồi-giáo bao trùm hết một phần đất vô-cùng rộng lớn, thu gồm hết đại đa số các quốc-gia Trung-Đông, Cận-Đông, Nam Á-Châu và Bắc Phi-Châu ?

— Phải. Tổng số tín-đồ Hồi-giáo hiện nay trên Thế-giới đến quá **350 TRIỆU NGƯỜI**, một phần tám toàn-thể dân - số trên Địa-cầu.

— Họ thờ ai, hử Minh ?

— Họ thờ Chúa ALLAH. Theo kinh CORAN, là quyển Thánh-kinh của Hồi - giáo, thì ALLAH là Vị Chúa Duy-nhất của vũ-trụ, đã tạo ra muôn vật muôn loài, cũng như bên đạo Gia-tô là DIEU, bên Tàu là NGỌC-HOÀNG THƯỢNG - ĐẾ. Nhưng người sáng-lập ra Hồi-giáo là MAHOMET, là đấng Cứu - thế, do ALLAH phái xuống trần-gian để lập Đạo cứu đời. Cũng như Jésus — Christ là đấng cứu-



thế, con Đức Chúa Cha bên đạo Cơ-tô, cũng như Đức Phật Thích-Ca tuy không nhìn-nhận có Chúa, nhưng cũng là đấng Cứu-thế của loài người ở cõi Ta-bà theo quan-niệm Phật-giáo vậy.

— Minh ơi, Lịch-sử Đức Phật Thích-Ca, thì em biết rồi. Lịch-sử Chúa Jê-sus, em cũng biết rồi. Bây giờ Minh nói về Lịch-sử của Chúa Mahomet cho em nghe đi.

— Lịch-sử MAHOMET, tức là nguyên thủy của Lịch-sử Hồi-Giáo. Cứ theo Niên-Đại-Ký, thì..

Bà-Tú bỗng-dưng nhõng-nhẽo với chồng :

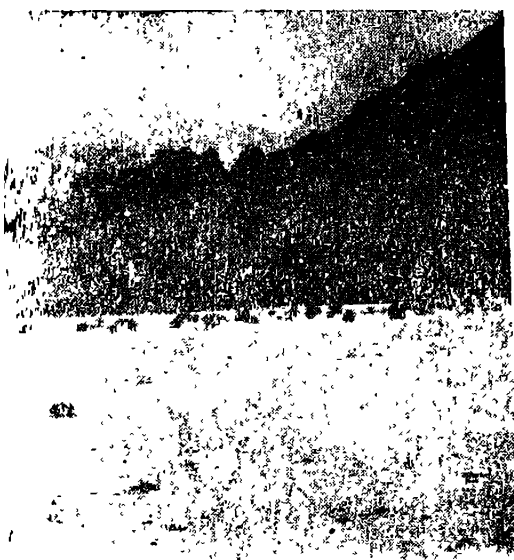
— Minh kỳ-cục quá, cứ nói những chữ khó hiểu, em không thèm nghe đâu ! Niên-đại-Ký là cái ký quái gì ?

Ông Tú tủm-tủm cười :

— Niên-đại ký là... chronologiquement parlant...

— Nữa !

— Là... tính theo... thứ-tự thời-gian, so-sánh về năm tháng, thì Đức PHẬT THÍCH-CA ra đời gần 600 năm trước Chúa JÊ-SUS CHRIST, còn MAHO-



SA - MẠC A-
RA - BI, NƠI
PHÁT XUẤT
HỒI - GIÁO.

Người A-rập đi buôn đến các xứ lân cận, thường đi từng đoàn, người và lạc-dã, băng qua các bãi sa-mac vắng-vẻ bao-la, dưới nắng thiêu đốt, tháng này qua tháng nọ.

MET ra đời 570 năm sau Jésus Christ. Có điều này rất lạ, là theo Kinh Phât cũng như Kinh Phúc-Âm (Evangile) của đạo Gia-tô, thì Phât Thích-Ca Mâu-Ni ra đời cũng như Đấng Jésus 1a đời. là đây những sự-tích huyền-hoặc, mo-hồ, có vẻ thiêng liêng, thần-thánh, không có tí gì giống như một đứa bé con 1a đời theo thường-lệ, còn MAHOMET thì, trái lại, lúc xuất thế cũng oe-oe bị tiếng khóc chào đời như tội mình hồi ở trong lòng mẹ chui 1a. Lịch-sử của Mahomet không phải là Lịch-sử một vị Thần-thánh hay một vị Chúa, mà chỉ là lịch-sử một con người, phàm-tục, rất thường, không một chút gì huyền-bí linh-thiên cả. Năm 570 Dương-lịch, ở thành La Mecque, kinh đô xứ A-Ra-Bi, dọc theo bờ Hồng-Hải, trong gia-tộc họ KOREICHITES, một người đàn bà thường dân, tên là AMINA sinh ra một đứa bé. Mẹ nó đặt tên cho nó là MOHAMMED IBN ALLAH IBN EL MOUTTALIB IBN HACHIM EL KOREICHITE, nhưng gọi tắt là MOHAMMED. (Tiếng A-rập MOHAMMED

có nghĩa là « Được ban ơn ». Sau dần-dần, người Âu-Châu gọi tị tại 1a là MAHOMET, tiếng thông-dụng ngày nay). Cha đứa bé đã chết trước đó hai tháng, trong một cuộc ẩu-dã ngoài đường. Bà Amina nuôi Mahomet được hai năm rồi bà cũng chết. Cậu bé Mahomet được gởi cho người Chú, tên là Abou Talib, một nhà buôn khá giả. Ông này bắt đứa cháu đi chăn lạc-dà, và mỗi khi đi buôn hàng các nơi xa thường cho nó đi theo. Chính trong các cuộc hành-trình đông-đảo này, vì các nhà buôn A-rập thường cỡi lạc-dà đi từng đoàn, băng qua các bãi sa-mạc, cậu Mahomet nghe hành-khách ca-hát và ngâm thơ, cậu học lỏm theo, chớ cậu không biết đọc biết viết gì cả. Lớn lên 25 tuổi, MAHOMET vẫn không được học, nhưng đã thành một chàng trai - trẻ khỏe-mạnh, và được ông Chú rất tin cậy, giao phó cho tiền hạc để đi buôn hàng, có khi sang tận biên-giới xứ Syrie, hoặc Mésopotamie, cách kinh-đô La Mecque hàng trăm dặm. Mỗi chuyến đi như thế càng tập luyện cho Maho-



Cổng bên phải vào Đền thờ Hồi-giáo ở Jérusalem. Hình bán-nguyệt trên đỉnh tháp trước cửa, là biểu-hiệu của Mahomet, và trường-hàng sư thống nhất bất diệt của hết thảy các Dân-tộc Hồi-giáo.

Mỗi ngày 2 lần, sáng và chiều tối, người gốc Đền lên trên tháp này, cầm loa kèn gọi Tín-dồ đọc kinh Coran, cầu nguyện Chúa Allah (Đền thờ Hồi-giáo không có churoi g)

met thông-thạo việc thương-mãi, và đem nhiều tiền về cho chú. Có một bà triệu-phú góa chồng, gần 40 tuổi nhưng còn duyên-dáng, tên là HADIDJA, thấy cậu MAHOMET buồn bán sành sỏi, lại tính-nết thực - thà, hiền-hậu, liền mượn cậu giúp việc cho bà. Ở được ba tháng, MAHOMET đã được bà chủ hoàn-toàn tin-cậy. Một buổi tối, Mahomet đi làm công việc về mệt, nằm nghỉ-ngoi trong chái bếp. Nàng nô-tỳ 20 tuổi, rất đẹp, tên là Meisara, hầu-hạ bà triệu-phú, và là người thân - tín của bà, đứng dựa nơi cánh cửa chái bếp, mỉm cười nhìn Mahomet, rồi thổ thê hỏi :

— Sao anh không cưới vợ ? Đàn ông gì mà 25 tuổi không có vợ !

Mahomet thân - nhiên đáp :

— Tôi làm công đủ tiền cho tôi xài, chứ không đủ tiền cho một người vợ xài.

Nàng Nô-tỳ Meisara lại mỉm cười duyên-dáng :

— Giá-sử có một người đàn-bà ở bên cạnh anh, mà giàu có bạc triệu, tuy lớn tuổi hơn anh nhưng còn đẹp tuyệt, mà đã để

ý đến anh, đã thương anh, thì anh...

Nàng cười ngạc-nghê, lắc-cổ, không nói được nữa.

Chàng làm công Mahomet trề môi :

— Xí ! Ở trên đời này làm gì có được người đàn bà như thế ?

Nhưng đến đêm khuya, Mahomet đang ngủ trong bếp thì có người đàn bà che kín tấm voan trên mặt, đến nơi chiếc giường nghèo khổ của chàng. Chàng sợ tỉnh dậy. Người đàn-bà bỏ tấm voan ra, nắm tay Mahomet, và khẽ bảo :

— Tôi yêu anh vì anh trung thành, anh chân-thật, anh có nết-na hiền-lành. Tôi muốn làm vợ anh.

Chàng làm-công MAHOMET lặng-lẽ ngồi dậy, dăm dăm nhìn bà. Bà chủ triệu - phú 40 tuổi nhưng sao đêm nay chàng trông thấy bà đẹp thế và trẻ thế, chỉ bằng như tuổi chàng thôi... Chàng mỉm cười ngà gục đầu vào lòng bà.

Thế là chàng Mahomet cưới, nghèo-khổ phải đi ở mượn, bây giờ nghiêm-nhiên làm chủ

một gia-tài kết-xù ở kinh-dô La Mecque và làm chủ luôn trái tim của bà quả phụ HADIDJA.

Tình vợ chồng khấn - khít được 15 năm, yêu - đương hòa thuận. Hadidja sinh được 3 đứa con trai và 2 đứa con gái, nhưng đều chết yếu cả.

MAHOMET bây giờ đã 40 tuổi, và tuy là chữ-nghĩa không biết tý gì, nhưng nhờ có gia-tài bạc triệu, có một đoàn lạc-dã mấy trăm con, lại được tính nết hiền lành, tử-tế với mọi người, nên được dân-chúng kính-phục và tôn làm một chức-vị cao-quý cũng như ông Hội-đồng thành-phố bây giờ. Tuy-nhiên, từ đây Mahomed thay-đổi hẳn tính-tình.

Ban ngày chàng từ-gia-vợ để đi lang-thang một mình đến nơi vắng vẻ, ngồi yên lặng. Ban đêm hễ nhắm mắt ngủ thì thấy những giấc mộng lạ lùng. Chàng bắt đầu quen thân với một người thợ bạc mù mất tên là Ouaraka. Người này đã theo đạo Gia-tô và thường nói chuyện về Chúa Jêsus Christ cho Mahomet nghe. Mahomet trầm-ngâm nghĩ-ngợi, và chán-nản đời sống xa-hoa, phú-quý, chàng bỏ nhà, bỏ vợ,

đi thất-tha thất-thiếu một mình trong bãi cát mênh-mông. Chàng tìm được một cái hang đá, chui vào ở trong đó.

Bỗng dưng một buổi chiều tà, gió tung cát bụi đầy trời, chàng ở trong hang vừa chui ra thì một tia chớp sáng-rực xoẹt ngay trên lưng trời. Mahomet sợ quá, nằm sụp-xuống cát. Khi chàng mở mắt, thì lạ thay, chàng thấy một vòm trời đầy sao; rồi từ trên trời bay xuống một bóng người. Bóng người có hai cánh, sà xuống bên cạnh chàng, bảo chàng:

— MAHOMET! Ta là Thiên Thần GABRIEL đây. Ta tin cho Người biết, Người được Chúa-Trời phái xuống trần-gian để cứu dân độ thế!

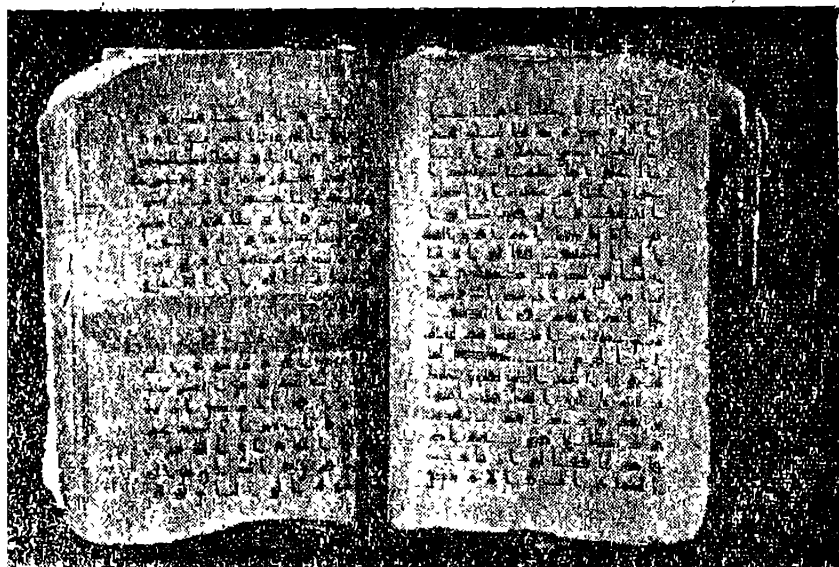
Đêm ấy là đêm tháng chín âm-lịch. cách nay 1300 năm, và từ 1300 năm đến nay cứ mỗi năm đến tháng chín âm-lịch toàn thế 350 triệu người tin-dờ trên khắp thế-giới đều hướng mắt về Kinh-thành La Mecque, để cầu nguyện và vui mừng ca ngợi đấng Cứu-Thể Mahomet đã « đắc Đạo ».

Đêm tháng chín ấy, cả nhân-dân Kinh-thành La Mecque đều ngạc-nhiên vì một việc phi-

thường. Nhà triệu-phủ Mahomet không biết đọc, không biết viết, chán đời bỏ đi vào ở hang đá giữa bãi sa-mạc, gần núi Sinai, bỗng dựng nghe Thiên-thần Gabriel truyền miệng cho chàng những lời của Chúa, rồi Mahomet truyền miệng lại cho dân chúng nghe. Chúa bảo :

« Chỉ có một vị Chúa. Chỉ có một quyển Kinh. Chỉ có một Luật-pháp. Chỉ có một Tiếng-nói. Chỉ có một Dân-tộc.

Vị Chúa là ALLAH. Quyển Kinh là CORAN. Luật-pháp là HỒI-GIÁO. Tiếng nói là MAHOMET. Dân-tộc là giống người ISLAM. (ISLAM, tức là Hồi-giáo). Quyển Kinh CORAN, là những lời do Thiên-thần Gabriel tuân theo lệnh Chúa ALLAH truyền miệng lại cho Mahomet, rồi Mahomet truyền miệng lại cho các đệ-tử của ông, để họ chép ra thành sách. Tất cả những lời Kinh ấy đều chép bằng thơ.



Quyển kinh CORAN, in bằng chữ A-rap, quyển sách gối đầu giường của 350 triệu người Hồi-giao, mỗi ngày phải đọc 2 lần (Quyển kinh duy-nhất của Mahomet).



Ngày 26-7-1956, NASSER, Tổng-Thống xir Ai-Cập làm lễ trong Nhà Thơ Hồi-giao ở kinh-dô Le Caire, để cầu-nguyên Chúa ALLAH giúp ông thắng-lợi trong việc tranh-chấp với Anh-Pháp để dành lại kinh Suez.

Hiện nay, quyển kinh CO-RAN là quyển sách nhật - tụng thiêng-liêng của 350 triệu tín-đồ Hồi-giáo ở khắp thế - giới, từ một anh dân nghèo khổ đói rách ở đầu đường xó chợ, cho đến các vị Quốc-trưởng, như Tổng Thống Soekarno của Nam-dương, các vua chúa Mã - Lai, Tổng-Thống Hồi-quốc, Vua Ba-Tư, cựu Hoàng - hậu Soraya, Vua A-ra-bi, Tổng-Thống Irak, Tổng-Thống Thổ-nhĩ-kỳ, Tổng Thống Nasser của Ai-cập, Tổng-Thống Bourguiba của Tunisie, Vua Mohammed V của Maroc, v. v... Tất cả mọi người Hồi-giáo từ 14 tuổi trở lên đều phải đọc kinh Coran mỗi ngày.

— Mình ơi, trong kinh CO-RAN nói những gì mà các dân-tộc kia tin - tưởng một cách cuồng-tín như thế nhỉ ?

— Kinh CORAN dạy rằng cả vũ-trụ chỉ có một vị Chúa Duy-Nhất, là ALLAH. (Chớ không phải Dieu le Père, là Chúa Trời của Đạo Gia-tô). Chúa ALLAH là DUY-NHẤT, không có ai sinh ra Chúa và Chúa không sinh ra ai cả. JÉSUS CHRIST, theo trong Coran, chỉ là một

con người, là một trong các vị Cứu-thế của loài người do Allah ban cho phép nhiệm mầu, như Thích-Ca, Abraham v.v..., chứ Jésus Christ không phải là Con của Chúa. MAHOMET chính là vị Cứu thế cuối-cùng. Sau đây, Trái-Đất sẽ đến ngày tận-thế, và ngày đó những kẻ đã theo ALLAH sẽ được sống trường-sinh bất diệt, còn những kẻ không theo ALLAH và phạm nhiều tội lỗi sẽ bị tiêu - diệt vĩnh viễn.

Trong kinh CORAN cũng có nói rằng nhiệm-vụ thiêng-liêng của toàn-thể dân-tộc Hồi-giáo là tiêu-diệt tất cả các kẻ đa-thần, vì CHÚA chỉ có MỘT mà thôi. Thờ nhiều vị Thần, tức là phản bội Chúa ALLAH. Do lời Allah phán ra như thế, cho nên Mahomet cầm đầu một đạo quân hùng mạnh, gồm toàn các tín-đồ Hồi-giáo, đi chinh-phục khắp nơi. Mình nên nhớ rằng lúc bấy giờ, tức là Thế-kỷ thứ VI, các dân-tộc ở châu Á, các xứ cận-Đông và Bắc Phi, chưa biết Đạo Hồi-giáo của Mahomet, và còn thờ nhiều vị Thần khác. Mahomet chỉ-huy một đạo-quân tín-đồ hùng-cường bậc-nhất ở A-



Vua IBN SÉOUD, xứ Ả-rập,
với cháu nội, trong y-phục Hồi-
giáo.

RA-BI, kéo đi đánh dẹp các nòi
 ấy và chiến thắng trên khắp các
 mặt trận, cho nên tràn lan cả đến
 Ai-cập, và Bắc - Phi, qua Nga,
 Tàu, Ấn - độ, Mã - Lai, Nam-
 dương. Uy-Thế của Mahomet
 còn mạnh hơn ALEXANDRE
 Đại-Đế nữa.

Năm 620, Mahomet được 50
 tuổi, thì vợ là KADIDJA chết.
 Chàng buồn-bã vô-cùng, vì Ka-
 didja là người đệ - tử đầu - tiên
 của chàng. Chàng cưới con ngựa
 trắng tên là BORACQ (như con
 ngựa KIỀN của Phật Thích-Ca
 Mâu-Ni) đi giảng Đạo các nơi.
 Nhưng nhiều Vua Chúa không
 theo Mahomet và luôn luôn thờ
 cúng nhiều vị Thần Cổ-tích, chứ
 không tin-tưởng một vị Chúa
 Allah và không từng - phục Ma-
 homet. Họ liên kết nhau và đánh
 phá thành La Mecque. Mahomet
 nửa đêm phải lên đi với các
 môn-đệ của ông, di-cư về thành
 Médine để xây-dựng lại nền Đạo.

Ấy là đêm 25 tháng 9
 dương-lịch 622. Để kỷ - niệm
 cuộc di-cư lịch-sử này, Mahomet
 liền đặt năm ấy là NĂM THỨ
 NHẤT CỦA KỶ - NGUYỄN
 HÉGIRE (Hégire, tiếng A-rập,

có nghĩa là Di-cư). Theo lịch của
 các nước Hồi-giáo, năm nay,
 1959, là năm 1387 KỶ -
 NGUYỄN HÉGIRE.

Đến Médine, Mahomet 53 tuổi
 lấy vợ, là một con bé mới có 9
 tuổi, tên là AICHA.

Bà Tú đang nghe say - sưa,
 bỗng dấy-nảy lên:

— Cái gì kỳ-cục vậy, Minh ?
 Mahomet đã 53 tuổi, sao lại lấy
 vợ có 9 tuổi ?

— Minh đừng ngạc - nhiên
 lắm. Minh có ngờ đâu con bé 9
 tuổi ấy còn đang ham chơi púp-
 pê, mà sau này sẽ trở thành một
 nhân-vật quan-trọng nhất trong
 Lịch-sử Hồi-giáo ! Theo tục - lệ
 A-Rập, Mahomet lấy thêm 13 cô
 vợ nữa, cả thảy là 14 cô lận,
 Minh ơi !

Bà Tú cười sặc-sụa :

— Chúa Cứu-thế gì mà hảo.
 ngọt quá-xá vậy !

— Phong-tục Hồi-giáo là
 như thế.

Hiện nay đàn-ông ở tất cả
 các nước Hồi-giáo đều vẫn tha-
 hồ lấy vợ, vì theo trong Kinh
 CORAN Chúa ALLAH cho
 phép lấy nhiều vợ. Minh
 nh ở không, năm ngoái
 đã y Tổng - Thống Bourgu-

ba của xứ Tunisie muốn cấm chế-dô đa-thê mà không được ! Tổng-Thống Sokarno của Nam-Dương có 2 vợ, Hồi Phu-nữ Nam-Dương phản-đổi kịch-liệt mà Quốc-Hội lại hoan-nghehnh ! Vua Mohammed V xứ Maroc cũng có một tá vợ !

Bà Tú cười ngó chồng :

— Em thì chừng nào Minh muốn, em sẽ bằng lòng cho Minh lấy 3 vợ thôi, chứ nhiều hơn nữa em không thêm đâu.

— Nếu thế thì anh cấm ơn Minh trước nhé!... Thế rồi, ngày 16 tháng 3 năm 623, Mahomet thắng một trận lớn, và từ đó dần-dần quân-dội Hồi-giáo đánh đâu là thắng đấy. Ông kéo quân về đóng ngoài thành LA MECQUE, sau khi đã tiêu-diệt được tất cả các kẻ không phục-tòng. Rồi ông dự-bị xây dựng một đế-quốc hùng-cường của Hồi-giáo. Thế là Tôn giáo, binh-bi và chính trị đã liên-quan chặt-chẽ với nhau trong Lịch-sử Hồi-giáo, và Mahomet đã phải lấy vương máu của kẻ thù mà thu-nạp tín-đồ cho Allah.

Ngày đầu tháng 1 năm HÉ-GIRE thứ VIII (tức là năm 630

dương-lịch) Mahomet kéo 10.000 binh-sĩ vào thành La Mecque. Cùng đi với ông, có 14 bà vợ. Cô vợ được ông cưng nhất và nhỏ tuổi nhất, là AICHA, lúc bấy giờ đã 17 xuân xanh, đẹp lộng-lẫy, cỡi ngựa đi đầu. Theo sau là nàng Saouda (42 tuổi) Hafsa, Zeineb, Oumn Selma, Rihana, Cayfia, Habiba Maimou-na, Maria, bà nào cũng diễm-lệ yêu-kiều, từ 20 tuổi trở lên. Nhưng không có bà nào có con trai hết. Chỉ có Maria sinh được một cậu bé kháu-khỉnh cũng bị chết non như 6 đứa con trước của bà vợ triệu-phú Kadidja.

Vị Chúa Cứu-thế của Hồi-giáo có tuyên-bổ câu này : « Đời ta chỉ ham-mê 3 thứ : phụ-nữ, đầu thơm, và Kinh Cầu-nguyên Allah ».

Ngày thứ hai, 8 tháng 6 dương lịch 632, tức là ngày 13 tháng 1 năm HÉGIRE THỨ IX, Mahomet hưởng thọ được 61 tuổi. Ông cho gọi hết tất cả các đê-từ đến đứng quanh giường ông, và dân chúng kinh thành La Mecque kéo đến chật hết cả đền thờ. Ông nằm trong cánh tay non-nà của nàng AICHA yêu quý,

và cô con gái FATIMA cùng nhất của ông đứng hầu bên cạnh, ông thốt ra mấy lời :

•Ta đã hoàn thành sự nghiệp

Hồi giáo. Ta đã đảm-nhận xong nhiệm-vụ thiêng-liêng của AL-LAH trao cho ta. Từ nay Hồi-giáo sẽ là Đạo vĩnh-viễn của các người».



MAHOMET
đang cầu
nguyện Chúa
trời ALLAH.



Hình vẽ trong
quyển sách
« Mahomet lên
chầu Trời », vẽ
hồi Thế-kỷ XV
tại thành Hérat
xứ Afganistan.
(Chân-dung duy
nhất của MA-
HOMET. Đạo
Hồi-giáo không
thờ tượng và
tạo ảnh như
các Đạo khác).

Nói xong, ông nhắm mắt. Thế là Mahomet, nguyên là một đứa trẻ côi cút, nghèo-nàn, đi ở mướn, không biết đọc, không biết viết, chỉ có nghe theo tiếng gọi của đấng thiên thần Gabriel mà trở nên người sứ giả của Chúa muôn loài, của ALLAH muôn thuở. Ông không phải là Chúa Trời, không phải là Thượng đế, nhưng ông hiện là Chúa tể của một đế quốc rộng lớn mệnh mông của 350 triệu người Hồi-giáo, một đế quốc vĩnh-viễn bền-bỉ từ 1300 năm nay !

Ông Tú ngưng nói một lúc, bà Tú bảo :

— Lịch-sử loài người cũng lắm chuyện khó hiểu quá, Minh nhỉ. Một người nào đó bỗngưng tiết lộ ra một vị Chúa Trời nào đó, thế là cả hàng trăm triệu người cuồng-nhiệt tin theo! Thành thử, hiện tại Thế-giới sống trên quả địa cầu đang phân chia ra nhiều tin-tưởng, mà từ mấy thế-kỷ nay vẫn chưa ai tìm ra thấu triệt CHÂN LÝ DUY NHẤT cho hết thấy Nhân-loại.

Ông Tú cười :

— Làm gì có chân-lý duy-nhất mà tìm ! Một Văn-sĩ Pháp. Montaigne, đã nhận xét đúng-đắn rằng : « Con người là một sinh vật xui xẻo cuồng và trụy-lạc » (L'homme est un être ondoyant et pervers). Có lẽ cái tính chất thiên-nhiên của con người là như thế vậy ! Thôi, chúng ta hãy tạm dẹp cái triết-lý cùn đó ra một bên. Riêng anh đã có cái CHÂN LÝ DUY NHẤT của anh rồi, khỏi cần tìm đâu xa : là anh tin-tưởng rằng Minh đẹp hơn tất cả các Nữ-Thần, và Tình-yêu của hai đứa mình là một Tôn giáo đẹp hơn hết cả các tôn-giáo. Phải không, Minh ? ...

Bà Tú ầu yếm gác đầu tóc huyền diệu trên vai chồng, rủ-rủ như tiếng chim :

— Em muốn được nghe mãi-mãi Minh đọc bài Kinh thiêng-liêng ấy !

Điền Huyền



✧ CÔ PHƯƠNG THƯ

MÓN ĂN HUẾ

✧ TÔM RIM

VẬT LIỆU:

Mười con tôm

Một miếng thịt bằng hai ngón tay (thịt ba chỉ).

Một củ hành, một miếng đường bằng hai ngón tay

Một muỗng xì dầu, một muỗng mỡ Muối, tiêu.

CÁCH LÀM:

Tôm rửa sạch, lột đầu và sau đuôi, chừa lại khúc giữa, thịt heo xắt lát mỏng bằng một long tay.

Quánh rửa lau sạch, bắc lên bếp, đổ mỡ vào, bỏ thịt vào xào cho ra mỡ bớt, xong bỏ hành vào rồi mới đổ tôm vào, nêm muối, đường, xì dầu, tiêu, chờ lửa riu riu (vừa nóng) đừng đồ lắm, lấy nắp đậy lại cho dễ thấm, độ một lát xem tôm thịt thấm đều là đủ xuống dọn ra ăn.



✧ CÁ PHAT LÁT NẤU CANH

VẬT LIỆU:

3 con cá phat lát,

Một chục con tôm

Một củ hành, một muỗng nước mắm, tiêu, hành lá, ngò.

CÁCH LÀM:

Cá phat lát làm vẩy xong, rửa sạch, lạng ra, lấy dao nạo nạc đem bỏ vào cối quết cho nhuyễn, nêm nước mắm, tiêu, hành, cho đều, xong viên từng viên nhỏ.

Lấy song đồ nước vào bát lên bếp, chờ nước sôi hãy bỏ cá đã viên rồi vào, tôm đã rửa sạch lột vỏ bỏ vào. (Có thêm tôm là muốn cho canh được thêm phần ngon) Chờ canh sôi, cá chín mới xuống xuống rồi hãy bỏ hành lá, ngò xắt nhỏ vào. Múc ra dọn ăn.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU



BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

X

(Tiếp theo P.T. số 25)

S Ờ tiếp cận đó, bỗng kéo tôi về thục tại. Như sức tĩnh, sau một phút mê-ly, tôi nhàn thấy cử chỉ của tôi đã vượt ra khỏi cũi-phạm. Ngay lập tức, tôi bèn rút tay lại.

Có hỏi :

— Ô ! sao vậy ?... Tiên sinh mê à ?

— Thừa không, không phải...

Tôi ấp úng, không biết trả lời

cô ra sao, cho xuôi, và tôi vội vàng cho xe phóng lên vun-vút. Cây cối và các ngọn đèn hai bên lề đường, không khác gì, từ trong màn sương, vụt hiện ra, rồi lại lướt biến đi. Ánh sáng của cặp đèn pha chiếu thẳng về phía trước. Quả tình, lúc này tôi mới ý hỏi được cái mục đích của cuộc hành trình đêm nay Tôi nói :

— Chết thật ! Có lẽ chúng ta đến quá trễ, chu chẳng không.

— Ô, cho dẫu ta có đi sớm hơn, thì cũng vẫn muộn như thường.

Cô nói xong, cười lên khanh khách.

Thế là thế nào? Cái tiếng cười đó đã có một ý-nghĩa gì? Đó là một sự quẩn-rũ hay là một sự chế diễu? Tôi liếc mắt nhìn cô, đề cố tìm hiểu và, bất giác, tôi cho xe đi chậm lại. Tôi có cái ấn tượng rằng, cô chẳng lưu-tâm một tí nào tới cái sự-mệnh cần trong kia, và cô đem cái công việc đương làm đây, truyền thành một cuộc phiếm-du. Thế còn tôi thì sao?

Bỗng, cô nói:

— Ừ, cái tốc-độ này mới thật là vừa phải. Cho xe chạy một cách êm-ả như vậy, ta mới không đến nỗi cô - phụ cái cảnh đêm êm-đẹp, đầy minh-mý của buổi cuối-xuân, sáng hạ này.

— Nhưng, cô Hải-Lan a, có lẽ, chúng ta cũng nên nhớ rằng, hiện thời, chúng ta đương làm một công-việc y-trị, chứ không phải chúng ta đương đi du-xuân, đâu đấy nhá.

— Không, đối với tôi, bao giờ công việc làm cũng phải đi đôi với sự vui-chơi. Nếu đem phân tách hai sự-kiện đó ra, thì còn gì là hứng-thú nữa. Không khi nào, tôi chịu làm một việc gì, mà trong đó, không có đôi

phần ngộ-lạc.

— Ô! Thế cái việc cô phục-thi tiêu-thư Thê-tu-Lãng, thì làm gì có sự ngộ-lạc ở trong, kia chứ?

— Tiên-sinh lắm, có lắm, chứ lại; này nhá, tôi xin kể tiên-sinh nghe: trước hết, tôi được luôn-luôn ở trong cái hoàn-cảnh hoa-quý, phu-lệ này; sau nữa, tôi được tiếp cận ngày đêm, với một trang phấn-đại vào hàng thiên-hương, quốc-sắc... Ngần ấy thứ, không phải là một sự khoaí-hoạt, hay sao?

— Nhưng, vẫn không phải là ngộ-lạc.

— Thế tiên sinh không nhớ cho rằng: hưởng thụ là ngộ-lạc, hiểu theo nghĩa rộng của từ ngữ đó, hay sao?

Cô nói xong, ngược cặp mắt nhưng nhìn tôi.

— ...

Tôi chẳng còn biết lấy lời gì để đáp lại cô và tôi chỉ cảm thấy sự ứng đối sắc bén và mau lẹ đó làm cho tôi nhụt hết nhuê-khí; cái thi tuyển long-lan, sáng ngời của cô đã có một phép huyền diệu no biến tôi thành một vật qua điều tiêu, vi-tý. Có lẽ đây cũng là một thứ tư ty nó làm cho tôi quên khuấy hẳn đũa-vi và lập trường của chính mình. Tôi bèn nói:

— Cô Hải-Lan a, giá vì thử, cái cuộc đi này chỉ là một buổi xuất

du để hưởng cái thú đêm trăng, thì co lẽ, chẳng khi nào cô chịu đi với tôi như thế này, đâu đấy nhỉ ?

— Sao lại không, những lần sau đây, tôi sẽ chẳng vì công tác mà đi chơi với tiên sinh, tiên sinh chờ ay nay về điều đó.

— Thế nhưng mà, đâu sao, cũng chỉ vì công việc y tri tiểu thư Thê-u-Lãng mà tôi mới được tiếp cận với cô.

— Cái đó đúng như vậy, nhưng cũng là nhờ ở cái công-tác ấy, mà tiên sinh có dịp hiểu biết tôi hơn.

Ấy thế rồi, chung tôi đi tới khu phố xa và tôi cho xe dừng bánh ở trước cửa quán rượu «Màn-cò». Ngoai nhìn về phía bên kia lễ đường, chúng tôi đã nhận ra chiếc xe màu xanh. Ấy thế mà, ở trong quán rượu, chúng tôi chẳng thấy tăm hơi của tiểu-thư Thê-tu-Lãng đâu cả.

Tôi dò chừng rằng, nhất định nàng ở bên sông bạc, bởi vậy, chung tôi ung dung tìm một cái bàn để ngồi xuống; Hải-Lan có vẻ hơi nguơng ngời, vì ở nơi đây, đàn ông cũng như đàn bà, họ ăn bàn cầu thả xả bỏ, nói năng so sảng, cục cằn, có khi còn quen cho nên thấy rất dỗi gai mắt, chối tai. Cô nói :

— Quai thật ! Không hiểu sao lại đến cái nơi này lam gi, kia chứ ?

Tôi vừa cười, vừa đáp :

— Ta phải đến đây, là vì công tác mà. Thôi, cô hãy ngồi đây nhé, để tôi đi tìm tiểu thư Thê-tu-Lãng, mới được ...

Vừa nói tới đấy, bỗng, tôi vụt nhớ ra, nên vội hỏi Hải-Lan :

— À, thưa cô, có phải tiểu danh của tiểu thư là Bạch-Tần, không nhỉ ?

— Thưa không phải, chúng tôi thấy cả nhà vẫn gọi tiểu thư là Y-lợi-nà, kia mà.

— Ô, cô không biết, chứ, ở nơi đây, họ đều gọi tiểu thư là Bạch-Tần, đấy.

Nhưng, ở bên sông bạc cũng chẳng thấy nàng đâu. Đi quanh đi quẩn một hồi khá lâu, tôi lúng lúng khắp cả các nơi đều không có và sau đó, tôi lại trở lại chỗ lưu-sảnh. Ở đây, vũ-khách đang òm nhau lượn theo điệu nhạc của phường kèn. Cùng lúc ấy, một người đàn ông, chính cái gã có râu mép tôi hôm trước, đương mới Hải-Lan khiên-vũ; cô co vẻ sợ hãi không ưng - thuận; anh chàng ta bố nài ép, nên lại làm cho cô càng thêm kinh - dị. Gã kia lôi đi, cô co lại; cơ-ho như cô sắp sửa òa lên khóc. Tôi vội tiến tới. Vô được tôi như người sắp bị chìm, nắm được cái phù - phao, Hải-Lan mạnh-dạn giằng phất tay ra. Gã kia nghe chừng đã chênh - choang

hơi men nên đỡ trò bài - bầy, muốn cưỡng-áp cô. Tôi từ-tối, nhìn vào mắt hắn ta, nói:

— Thưa ông, tôi xin lỗi ông, có lẽ ông không nên nài-ép tôi như vậy.

Hắn ta giương cặp mắt đỏ ngầu, hỏi tôi:

— À! nhà cô này là « mềng » của anh, phải không?

— Xin ông chờ đỡ cái giọng ấy ra với tôi.

— Phải hay không, thầy kẻ, anh cứ đi!

— Đó vô-lẽ,... mất dạy.

— Mẹ nó!

Hắn nói xong, giơ tay định đánh vào mặt tôi. Nhân đã được huấn - luyện về quyền - kích, nên bất - giác, vừa né tránh, tôi vừa một tay nắm lấy tay hắn, còn tay kia đẩy mạnh vào bả vai hắn, hắn bị mất thăng bằng, ngã vồ lên mặt một chiếc bàn gần đó. Hắn chống hai tay, lồm cồm đứng lên. Chỉ trong nháy mắt, tôi hối hận rằng, tôi đã quên hẳn tôi biết kỹ-kích, và tôi cũng lại ngạc-nhiên về sức mạnh, cùng là sự mau lẹ của cánh tay tôi. Kề ra, lần này là lần đầu tiên, tôi đã đem vũ nghệ ra để tự vệ.

Trong khi ấy, gã kia, vì xấu hổ qua ma đảm khùng, hắn ta giơ nắm tay, nhắm đầu tôi mà đánh xuống; tôi lại né, tránh. Nếu tôi không nghĩ lại mà chịu nhẫn, thì

thề nào, hễ ai cũng bị đánh ngã. Vả, tôi eo cần cường thanh-thể làm chủ, mà tôi cũng chẳng muốn đa sự; ở đời, hề sinh sự, thì sự sinh. Hải Lan sợ qua, mặt cô tái mét, cắt không còn giọt máu. Đối phương xem chừng đương hàng máu, muốn rửa cái nhục vừa rồi. Hắn cứ lần xả vào để đánh tôi. Khách hàng của quán iuon xúm lại, vây quanh lấy chúng tôi; chẳng có một người nào đứng ra để khuyên-giải cả, họ cơ hồ như rất dỗi cao hứng, chỉ trở mắt xem, không khác gì họ đương chứng kiến một đám chọi gà, hay một đám đấu võ vậy. Tôi vừa quay lại bảo Hải Lan hãy tránh ra chỗ khác, thì gã kia lại đánh xuống lia-lia. Bọn bàng-quan bắt đầu la-ó như để trợ-chiến cho đối phương. Tôi vừa tránh xong những cái đấm, thì hắn nhảy bổ lại, tôi bèn ngồi thụp xuống và đưa tay, hất nhẹ hắn một cái, hắn liền lộn nhào về phía sau lưng tôi. Đây, chẳng qua cũng chỉ là một miếng võ nhập-môn, chứ không lợi hại gì cho lắm. Tôi cũng chẳng thừa thắng - thế, để dả thương hắn, nhưng không may cho hắn, khi ngã, gieo mình xuống đất, ham dưới của hắn đập vào cạnh chiếc bàn, nên hắn bị đầu đập người đi. Người đứng xem lại reo hò. Hắn, lúc ấy, không khác gì một con

hồ bi thương. Trong cơn cuồng nộ đó, hần nhìn quanh mình để kiếm một thứ vũ-khí lợi-hại mà tính - mệnh với tôi. Bỗng, ở ngoài vòng người, tiếng hô hoán nổi dậy. Hai đấu-thủ đều ngừng lại. Thì ra, là Bạch-Tần, nàng chợt trông thấy Hải-Lan, hốt kêu lên :

— Trời ơi ! Hải-Lan ! Em đến đây làm gì ?

Hải-Lan chạy lại, ôm lấy Bạch-Tần, nước mắt chảy quanh. Cái gâu dẩu - thủ của tôi cũng đi lại bên nàng, nhưng nàng chẳng lý gì đến hắn, và quay, trach - vấn tôi

— Chết thật thôi ! Sao ông lại đưa em nó lại đây làm gì, kia chứ ?

— Thưa, vì tôi không muốn thất tín với tiểu thư.

— Thất tín ?

— Vâng, tối hôm qua, tôi chẳng đã hứa với tiểu thư rằng, bữa nay, tôi sẽ đem người yêu tiểu thư, lại cho tiểu thư thấy, đấy !

— À, á !

Nàng mỉm miệng cười, rồi nói tiếp :

— Thôi, thế bây giờ, ông hãy đưa em nó ra khỏi nơi này đi, cho tôi !

— Còn tiểu thư, tiểu thư ở lại đây sao ?

Hải-Lan vội nói :

— Không, tiểu-thư phải cùng đi về với chúng tôi, cơ.

— Em cứ về trước đi, tôi sẽ về sau.

Hải-Lan nũng-nịu nói :

— Nếu tiểu-thư không cùng đi về, em cũng không về đâu.

Bạch-Tần ngẩn - ngừ một tý, rồi bảo Hải-Lan :

—Ừ, thôi được, ta cùng về cả, cũng được, nhưng, từ đây sắp lên, Hải-Lan phải hứa chắc, không có được hươc chân đến nơi đây nữa, nghe chưa ?

— Vâng, nhưng tiểu-thư cũng đừng có đến đây nữa, cơ !

Bạch-Tần cười.

(Còn nữa)



★ DỜ HƠI

Bà chủ nợ khóc nước nờ :

— Tôi lạc mất con chó béc-dê nhỏ, con Li-Li.

— Việc gì mà buồn, sao bà chẳng nhờ đăng lên báo ?

— Khốn khổ ! con Li-Li đâu có biết đọc báo chứ !

MỘNG-TUYẾT (Ba Xuyên)

THO

LIÊN RƯỢT



Bức họa — k họa - thân

Nghĩ tức cười ông giáo
Vẽ cô gái khỏa thân
Không mặc quần mặc áo
Để thiên-hạ cười rân !

★

Nhưng có gì trơ-tráo,
Nghề lương-thiện mần ăn ?
Mà các chàng ngư-ngáo
Dám nghi lão mần-răng ?

★

Đứng ngoài hè vôn-xáo
Moi lỗ vách dòm xằng,
Rồi chạy đi tố-cáo
Cho sinh chuyện làng-nhằng !

★

Mấy ông đeo súng sáu
Tuởng là gái lãnh-nhăng ?

Nghe người ta phi-báo
Ừ đến bắt hung-hăng !

★

Vẽ trần-trường, chu-đảo,
Thì phải cời hết phăng,
Không mặc quần mặc áo,
Mặc xi-líp mần-răng ?

★

Vậy mà bắt đi ráo,
Đem về bót lãnh-xăng,
Mấy thầy trò ông Giáo
Ngó nhau cười nhãn-răng !

★

Rồi mấy ông nhà-báo
Lượm tin-tức về đảng
Để phổ-phương huyền nào,
Để Diêu-Huyền cười lãn !



Xã Giao

★
VIẾT THƯ

CÓ một số người rất cầu-
thả trong khi viết thư.

Họ tưởng rằng họ viết sao cũng được, nhưng họ không ngờ viết một bức thư cho ai là tỏ cho người ấy thấy cái tư-cách giáo-dục của mình. Chúng ta nên thận-tọng về những điểm sau đây :

A) *Xưng hô*. Một người con trai, (hay đàn ông), viết thư đến một cô con-gái (hay đàn-bà) mà mình *một quen biết sơ*, hoặc *một gặp nhau một vài lần*, không bao giờ được xưng-hô với những lời thân-mật sở-sàng, thí-dụ như

CÔ TUYẾT - HỒNG
THÂN-ÁI,

★ BÌNH MINH

BÀ MỘNG-XUÂN QUÝ.
MẾN, v. v...

Những danh từ quá thân-mật ấy chỉ được dùng với những bạn, (trai, hay gái) **RẤT THÂN** mà thôi. Rất tiếc hiện nay có một số bạn-trẻ hay lạm dụng các danh-từ ấy bất cứ đối với người quen *thân* hay *sơ*, chỉ tỏ một lối xã-giao kém cỏi. Một cô bạn gái (còn trẻ tuổi) có dịp làm quen với một ông giáo - sư trong một tiệc trà, và chỉ trao-đổi những câu chuyện thường về một vài vấn đề công - tác xã-hội. Ba hôm sau, cô nhận được một bức thư của ông giáo mở đầu bằng một câu :

HỒNG-LAN THÂN MẾN
Cô bạn Hồng - Lan rất khó.

chịu, và nhất - định không phúc đáp. Cô không phúc đáp là phải, vì lối xưng-hô quá sỗ-sàng như thế kia chỉ CHỪNG TỔ MỘT TƯ-CÁCH KÉM CÔI mà thôi. Đánh rằng người đàn ông muốn tỏ « cảm tình », muốn « làm thân » nhưng cần phải tỏ một cách LỄ PHÉP HƠN (vì mới sô-giao). Bồng-bột và sỗ - sàng như thế kia, là VÔ TÌNH COI RẼ GIÁ - TRỊ của người mà mình muốn giao-thiệp thân-thiện.

Chúng ta nên biết rằng : TRỪ NHỮNG NGƯỜI THẬT THÂN-YÊU, ngoài ra chúng ta không được phép gọi ai bằng cái tên không. Nếu không phải là vợ, chồng, hay người yêu, thì chúng ta không được phép gọi rõng - không bằng tên. Thí dụ phải gọi : CÔ X; CHỊ X; ANH Y, chứ cứ tự - tiện gọi rõng-không : Xuân, Thu, Hồng, Cúc, v.v là BẤT NHĨ, RẤT BẤT NHĨ

Ban thân cũng không được gọi với nhau như thế (trừ khi đôi bạn cùng phải gọi với nhau). Học sinh trai và gái quen thân nhau, cũng phải gọi : ANH Xuân, ANH Thu, CHỊ Hồng, CHỊ

Cúc, hay CÔ Hồng CÔ Cúc, chứ gọi rõng bằng tên không, đàn-bà con gái là lằng-lơ, bất chính, con trai, đàn ông, là sỗ-sàng, trơ-trẽn.

Nhân tiện đây, tôi xin thành-thật khuyên một số bạn gái còn trẻ tuổi, không bao giờ các bạn nên xưng hô theo lối đó với các bạn trai. Còn bạn trai cũng không nên lợi-dụng tình bạn vui-vẻ, nhã-nhận, mà gọi sỗ sàng như thế. Bị gọi như thế, hoặc lúc nói chuyện, hoặc trong thư-từ, người con gái đứng-đắn sẽ mất nhiều cảm-tình với bạn.

Mấy lúc sau đây danh từ « *thân ái* » bị lạm dụng quá nhiều, hoặc bị hiểu lầm không ít. « *Thân ái* » là chỉ để dùng với người yêu mà thôi. Trong tình bạn đứng-đắn, chỉ nên dùng : « *thân mến* », hoặc thân nhiều hơn nữa, thì dùng : « *quý mến* ».

Cuối thư cho bạn, trước khi ký tên, chúng ta cũng không nên để :

« *Thân ái chào bạn* », hoặc « *Thân-ái chào cô, chào bà, chào ông* », v.v...

Tiếng Việt ta, đã có những

chữ « *mến, thân mến, quý mến* » để dùng trong tình bạn, rất đẹp và rất nhã.

Đối với người lớn mà mình mới quen biết, bao giờ cũng nên dùng chữ « *kính* ». Viết thư thì : « *Kính gửi ông... Kính gửi bà...* » *Thưa ông ... thưa bà ... thưa cô...* » Mình nhỏ hơn, kém về tuổi tác, địa vị, v.v... không bao giờ được viết : « *Ông... Bà... Cô... thân mến* ». Dù người lớn là bạn với mình, rất tử-tế, thân mến mình, mình cũng phải mở đầu bức thư bằng câu : « *Kính gửi* » « *thưa...* » hoặc thân nhiều hơn nữa, thì « *Ông Xuân kính mến* » « *Bà Hồng kính mến* ».

Đĩ nhiên, khi hai người yêu nhau, thì việc xưng hô chào hỏi không thành vấn đề !

Cuối thư, đối với người thường, bạn thường, chúng ta không nên đề thon-lớn hai chữ :

« *Chào Ông* », « *chào Bà* », « *chào cô* ».

Luôn luôn nên dẽm vài tiếng lịch-sự :

« *Kính chào ông* », « *kính chào bà* », « *Kính chào cô* », « *Trân trọng chào ông, bà, cì* » v.v...

Thân hơn, thì đề :

« *Thân-mến chào cô, chào bà* ».

Hoặc chỉ 2 chữ :

« *Kính mến* », hay « *Thân mến* ». Không cần đề « *chào* » cũng được.

Nhưng chỉ đề :

« *Chào ông* », « *chào cô* », v.v... thì rất vô lễ.

Đối với kẻ mà mình thù ghét, mình viết thư phản-đối, hoặc tố vè bất bình, hoặc gay lộn, mình cũng phải giữ gìn lễ-độ :

Kính gửi ông, bà, cô...

Thưa ông, bà, cô... và trước khi ký tên, cũng phải viết : *Kính chào ông, bà, cô*, hoặc ít nhất : *Xin chào ông...* Chứ nhất định không nên viết cục-ngùn : « *chào ông* ». Viết thư, hay nói chuyện, bất cứ trong trường hợp nào, cũng cần tỏ cho người ta thấy MÌNH LÀ NGƯỜI CÓ GIÁO-DỤC.

Có nhiều bức thư gửi đến người quen và lớn hơn mình, hoặc ngang hàng với mình, nhưng không phải là bạn, mà đề như sau đây :

Ông Xuân... Bà Hồng... Cô Cúc... v.v

thì thật là kém lịch-sự. Tại sao

chúng ta không thêm vào mấy lời:

Kính gửi...

có phải là nhã-nhận, đẹp-đẽ và lịch-sự hơn không?

Tôi đã được dịp thấy một bạn học-sinh gửi thư cho ông chủ-nhiệm một tờ báo như sau đây:

Mỹ Tho, ngày...

Ông Nguyễn-văn-A,

Tôi là độc - giả trung-thành của báo « Tân-Tiến ». Tôi rất hoan-nghênh tôn-chỉ của báo và cũng muốn góp phần xây-dựng Văn-hóa nước nhà cho thêm phần tiến tới. Nay tôi gửi bài thơ « Người em Sầu mông của tôi » sau đây nhờ ông đăng lên « Tân-Tiến » số tới. Chừng nào đăng được, xin ông gửi liền nhuận bút cho tôi nhé.

Thân-ái bắt tay ông:

(tên ký)

Địa chỉ của tôi:

Là văn...

Học-sinh Bộ-Tam

Trường...

Mỹ Tho

Ông chủ - nhiệm báo « Tân-Tiến » trao tôi xem bức thư,

xong rồi ông cho tôi coi luôn phong bì đề như sau đây:

Nguyễn-văn-A

Chủ-nhiệm báo « Tân Tiến »

...

Ông Chủ - nhiệm mỉm cười bảo tôi:

— Thời buổi tự-do, dân-chủ!

✱

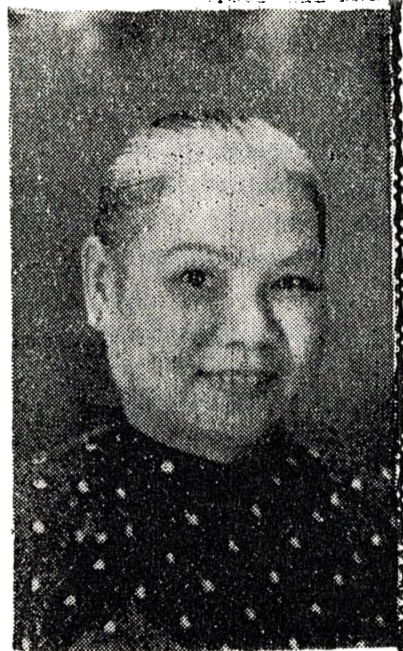
✱ Trả lời em Hoàng - Phi-Hùng — Huế

Chị rất tiếc không thể chỉ cho em rõ-ràng về việc giao - thiệp với « bạn gái », vì tùy theo trường-hợp. Vấn-đề ấy rất phức-tạp, thuộc về phạm-vi tâm - lý nhiều hơn là xã giao.

✱ Bạn đọc kỹ tên không rõ — Nha-Trang

Mình bước vào nhà bạn, thấy bạn đang ngồi nói chuyện với một người bạn khác mà mình không quen, mình cũng phải chào người không quen ấy sau khi chào bạn mình. Chứ chào bạn mình mà không, nói một câu gì với người bạn không quen kia, là rất kém lịch-sự. Gặp trường hợp đó ở ngoài đường cũng thế.

B.M.



CÁC THI-SĨ
CUỐI CÙNG
CỦA THẾ HỆ
LÃO THÀNH

4.—Bà SONG-THANH

NẾU giang sơn Hồng Lĩnh Trung Việt, đã sản-xuất Nữ sĩ CAO NGỌC ANH, và khi thiêng của sông Nhị núi-Nùng đã un-dúc nên tâm-hồn thơ mộng của nữ sĩ Tương-Phổ (sẽ có bài sau), thì đất Đồng-Nai cũng đã đưa vào Thi đàn Nữ-giới Việt Nam một Nữ-sĩ tài ba đáng mến.

Lâu nay, các giới Văn-học Trung Bắc đã có sẵn thành kiến rằng non nước Miền Nam không

★ ĐIỀU-HUYỀN

có vẻ nên thơ, và xứ «Đồng-Nai Lục Tỉnh» không sản xuất được Thi-nhân Văn-sĩ.

Ngày nay, thành-kiến ấy chắc không thể tồn tại được nữa, vì quê hương của cụ Nguyễn-dinh Chiểu, của bà Trần ngọc-Lâu, bà Sương nguyệt Ánh, đã chứng tỏ rất vẻ vang rằng bất cứ trên mảnh đất nào của Việt-Nam, có máu thiêng của dòng-dõi Tiên Rồng chảy trong huyết

quần nhân dân, thì tâm-hồn Việt Nam vẫn nảy nở ra muôn nghìn hương sắc lam rạng rỡ Non sông.

Kể tục truyền thống Thi văn phụ-nữ của cuối Thế kỷ XIX, Nữ sĩ SONG THANH có thể là một Đại diện xứng đáng của thể hệ Nữ sĩ miền Nam của tiền bán thế kỷ.

Bà sinh ngày 13 tháng 8 năm 1894, (nay hưởng thọ được 65 tuổi), tại làng An Thash, tỉnh Bến Tre, hiện giờ là tỉnh Kiến-Hoa. Tên thật của bà là Nguyễn-thị Đối, ai nữ của ông Chanh-Tông Nguyễn tướng Hưng, ở quận Mỹ-Cây.

Lúc thiếu thời bà có học chữ Nho ít nhiều, và đến lúc cấp sách đi đến trường tỉnh bà đã biết thưởng thức văn-chương và ham mê thi-phú.

Nhưng ba làm thơ hoặc xưng hoa voi bạn bè chỉ là để thỏa-mẫu tâm hồn khát-khao tho-mộng ma thôi, chứ không gởi ý định in ra thành sách.

Chồng bà là một bác-sĩ cũng đã lão-trành, và cũng làm nhiều thơ dơi but - hiệu DIEN - HUONG.

Năm 1943, Song - Thanh Nữ-sĩ cùng ông lập ra một thi-xã lấy tên là DIÊU-TRÌ, tại biệt - thu của hai ông bà ở đường Nguyễn Du, nơi đây hằng thang có một

sổ Tao-nhân mặc - khách Bắc, Trung, Nam, hội - hợp đề ngâm thơ họa vịnh.

Tôi sẽ có dịp nói đến Thi-xã DIÊU - TRÌ và Thi - xã NAM-PHONG, là hai Tao-dân đang có tiếng hiện nay ở Sài Gòn, và HUONG-BÌNH Thi-xã ở Huế. Hoạt động của ba Thi - xã ấy là một sự-kiên đáng lưu-ý trong Văn-Học-Sứ hiện đại.



Song-Thanh Nữ-sĩ chuyên điều luyện về Thơ bát-cú Đường-luật.

Thơ của bà trầm - lặng, và trang-nghiêm.

Như bài sau đây :

ĐÁ VỌNG - PIU

Nhìn con chanh tử mấy thu-
dong,
Hóa đá tro hình đứng ngóng
trông.

Đến hừng lệ sương đầu diêm bạc.
Ngày phơi ánh nắng má phai
hồng,

Gió đưa những đợt thuyền ai ghe.
Trăng đợi dầu đèn bến nước
khong !

Dầu biển chi sồn gan sắt-đá,
Khư-khư một du chẳng hai chồng.

Nữ-sĩ chọn chữ rất khéo, gọi được cho ta nỗi buồn bằng - khuâng, niềm thương sâu - đậm. Đã biết bao nhiên bài thơ về Đá vọng

phụ của mẹ - khách tao phàn, nhưng theo nhận xét thiên cận của tôi, có lẽ bài trên đây của Song-Thanh Nữ-sĩ đã diễn tả được mối cảm hoài thâm đậm hơn, trầm lắng như da, thấm thía như sương.

Xao huyền cảm thông với
phẩm tình sắt đá kiên trinh cùng
tuế nguyệt, Nữ sĩ cũng tha thiết
vời tâm sự đa đoan của người
chính phụ trong một bài *Phú-
dắc nhan-dề* :

*Phải chi vác nổi sừng đồng,
Ra đi linh thể cho chồng đời năm..*

Bài thơ như sau đây :

*Chớ chui vác nổi sừng thần công
Xin nguyên đôi nắm thể đỡ chồng
Thương ban trải gạn ngoài chiến
địa,*

*Thêu mình ôm lẽ giữa kim phong
Giang sơn một gành chàng theo
mước,*

*Tình nghĩa hai vai thiếp tron lòng
Đốt nên trầm hương cầu Phật độ.
Chấp chôn bóng nguyệt gác bên
song !*

Lời thơ linh động và cảm kích
xiết bao ! Trong tam câu thơ, có
đong cả một tâm sự xót xa không
bơ bến, của người thiếu phụ
thương chồng ngoài trần mạc.
Voi hai câu ca dao mộc-mạc đơn
thanh, Nữ sĩ đã dệt ra một
niềm thi cảm đủ sắc màu tinh-tế,
đủ tình ý thanh tao.

Tôi đã nói thơ của Song Thanh
Nữ sĩ trầm lắng và trang-nghiêm.
Đó có lẽ cũng là bản tính của

tác giả. Và bất cứ với đề tài nào,
chung ta cũng nhận thấy dưới
ngòi bút của Bà Song Thanh cái
nét trầm lắng riêng biệt ấy, như
bài sau đây :

VIẾNG TỊNH XÁ NGỌC-CHÁNH

*Nhờ bạn đưa duyên viếng cảnh
nhân,
Phải chăng Bồng-Đào giữa trần-
gian ?*

*Diêm-dà ngô trúc phở mùi tia,
Sức - nước hương thu đượm nếp
vàng.*

*Giữ côi tiên-đạo lòng luyện-tiễn,
Gần người dao dửc ý hân-hoan,
Cảnh chầy thôn-thức mơ hồn điệp.
Tĩnh giấc hoàng - lương mộng
chưa tàn.*

Chúng ta có thể nói rằng, so-
sánh với thơ của BÀ HUYỀN
THANH-QUAN tế-nhị trong nét
tả cảnh, tả tình, thơ của BÀ
TUÔNG-PHỐ lâm - ly sâu - cảm,
thơ của BÀ NGOC-ANH thánh-
thoát nhẹ-nhàng, thì thơ của BÀ
SONG-THANH thâm trầm, cô-
dong.

Và một giọng thơ chân - thật,
toát hẳn ra từ cảm-tưởng bạch
lô trước sự vật thiên-nhiên đến
tinh-y kín-nghem nhất trong tâm
dề. Nơi Song Thanh, chúng ta
gặp lại cảm-tưởng điêu-hiền khả
ái phảng phất trong thơ của
NGOC - LÂU và của SƯƠNG-

NGUYỆT-ANH, hai Nữ-sĩ tiền-bối của Miên Nam. Đó là cảm-tưởng mau-mạc trong vạt bài sau đây :

KỶ NIỆM NGÀY Đám CƯỚI

*Phân sự lễ gia ấu lễ thường,
Sơ hình lưỡng then bóng trong
gương !*

*Ra công vun quén nền nhàn đức
Thiếu sức tài bồi nghiệp lửa
hương.*

*Nơ nước bán-khoản lòng tiết-nữ,
Tình chồng thắm-dắm nghĩa văn-
chương.*

*Tơ-tằm nặng kiếp tài hoa lụy,
Mót chút duyên thơ, mấy dặm
đường !*

Giòng thơ lưu-loát và êm-đẹp kia, chưa chan xiết bao tình ý, thật là tha-thiết, chân thành. Và đây là bài TỰ CẢM của Nữ-sĩ :
*Bè-ban Văn-chương tuổi tác kè,
Rươn bần thi tú lĩnh rồi mề.
Khi xem hoa nở ngấm vạt vắn,
Lúc thường tràng lên thảo ít đề.
Chân cảnh phồn hoa chen thế-sự,
Nếm mùi thanh-khi giữa thôn-quê.
Sớm thăm ruộng Thuần chiều
kinh kè,*

Nếp cũ nền xưa giữ lấy lễ.

Nữ-Sĩ đã đến tuổi lão thành, không còn thiết gì cảnh chen đua nơi đô hội. Tỉnh mê với bầu rượu tai tho, bà lại tìm yên lặng trong miền đạo nhiệm màu, cố giữ lấy nề nếp nho gia. Đo chính là cái phong độ của con người thi-sĩ, phong độ tao nhã cao siêu vô cùng khả-ai.

Song Thanh Nữ sĩ hiện nay đem hết thì giờ vào các công-tác phước thiện, và bên chỉ tu luyện trong ánh đạo vàng của Phật.

Thỉnh thoảng Nữ sĩ cùng Diên Hương tiên sinh mở hội Tao-dân Diêu Trì, đón các bạn làng Thơ thân thuộc, hoặc gửi thơ xướng hoa với Hương Bình Thi-xã ở Huế. Những cuộc hội họp như thế thường thường rất là hào hứng và đầy thơ mộng, với sự hiện diện của một số Thi-nhân và Nữ sĩ.

Người ta mong rằng những buổi họp tao đàn ấy còn ghi lại hồi ký để làm tài liệu cho Văn học sử Việt Nam sau này !

D.II.

Trong các số sau :

*Bà Trương Phổ — Cụ Trần Tuấn Khải — Nam Phong Thi Xã ,
Hương Bình Thi Xã — Diên Trì Thi Xã v.v...*

MUA SÁCH CŨ

Mua lại các sách cũ có giá trị bằng chữ Anh, Pháp, Đức, Ý. Nhật, xuất bản trước 1950, và những sách Việt xuất bản trước 1925. Xưa chừng nào tốt chừng nấy. Rách cũng không sao, miễn còn đọc được. Trừ các sách giáo khoa, và tiểu thuyết.

Xin đem đến TÒA BÁO PHỔ THÔNG trong những giờ làm việc. Có thể đòi lấy Phổ-Thông.



Truyện dài của Cò VẠN-NGA
(Tiếp theo P.T. số 25)

— Thôi má tôi hứa gả, chứ tôi làm ngang được sao ?

Ngươn nguyệt anh tôi một cái và bỏ đi tuốt, không nói thêm gì nữa. Đến bữa đàn cưới, anh không thêm tôi. Đám cưới của anh Ba tôi làm khá long trọng, có đủ mặt bà con bên đằng gái từ các nơi tản cư trở về thăm dự. Khi nửa buổi tiệc, người ta chợt nghe văng vẳng những tiếng sung lơn nổ ầm ầm ở xa. Khách khứa miễn cưỡng dừng xong bữa, đoạn hối hả ra về. Ông huyện gọi con gái đến, phù thất cho má tôi tới cũng lật dật lên núi ần.

Chuyến trở về của má tôi rất

gian nan. Ở Thạch-dộng, súng to sung nhỏ thi nhau nổ nghe lòng lộng. Tiên các nẻo đường, nhiều toán quân tiếp viện rầm rập kéo ra mặt trận, trong đám đầu người lớn chồn kia, quá một phần ba là những cậu trai dưới 16 tuổi. Thanh, Hậu, Cửa thấy vậy liền bảo anh Ba tôi :

— Bây giờ trễ nữa là không được. Anh chỉ phải thu xếp những gì có thể đem đi được rồi khóa cửa nhà lại, đưa má xuống «bắc» qua sông ngay.

— Còn mấy người làm gì ?

— Chúng tôi đi lãnh súng đánh giặc đây. Anh Khanh phải thay trách nhiệm đưa bác và chị trở về tỉnh.

Thanh, Hậu và Cửa vội vã đi tìm Ủy ban Kháng chiến, nhưng khi tới trụ sở đã thấy vắng hoe. Ba anh hỏi thăm mãi mới tìm gặp được Ngươn đang sắp sửa qua sông. Khi nghe ba anh bày giải lý do muốn ra mặt trận, Ngươn lắc đầu nguầy-nguầy :

— Không được, những ai tác chiến mới ở lại, còn thì tất cả đều phải qua sông. Biên pháp ấy là cốt phòng ngừa bọn Việt gian phá hoại, và đáng sợ nhất chỉ là bọn ấy mà thôi.

Thanh, Hậu, Cửa nói gì Ngươn cũng không chịu nghe. Chuyển bắc chót đã sắp sửa rồi bến, ba anh đành phải nhập vào đoàn người tản cư đi qua sông. Má tôi thấy Thanh và hai bạn trở lại, trong bụng mới bớt lo. Sự lo sợ kia không phải vì người, mà

phát ra vì chàng và vì tôi... Trong những ngày gần gũi bên ma tôi, Thanh sắp đặt mọi việc thật chu đáo khiến người vừa lòng hết sức, và về sau cứ nhắc nhở mãi...

Chỉ Ba Khanh là con gái út, đứng hàng thứ năm trong gia đình ông Huyền, tuổi giờ ít đi xa, lai rai gia đình trong những giờ phút đen tối như vậy không đành lòng nên một, hai muốn ở lại tìm cha già. Anh Ba tôi không biết giải quyết như thế nào cho ổn, bần-dùng mãi chả quyết định được gì. Ma tôi phiền hết sức không lẽ nói ra. Thanh liền bảo cùng chị dâu tôi :

— Bác đã gửi gắm chị cho má tôi, đó là người đầy yếm lòng về phần chị rồi. Bây giờ chị rời bỏ chúng tôi, rủi ro bề nào có phải trãi với ý bác không ? Và lại, lộn xộn như vậy, chúng tôi không thể đi như vậy được... Anh Ba ! Nếu chỉ không đi, anh phải kéo chị xuống bắc, chứ không thể để bao nhiêu người cùng chết chìm như vậy được.

Chừng đó, chỉ Ba tôi mới chịu qua sông Bến Tò Châu, người tân cư đen như kiến. Ai cũng ngóng trông về bên châu thành Hà-tiên, rung rung lên... Tiếng sung to mỗi lúc mỗi nghe dữ dội. Nhiều đám khói đen đã bốc lên từ các đồi núi cách châu thành không xa, chứng tỏ rằng Pháp tấn công Hà-tiên thật sự chứ

không phải đánh nháp như như mấy kỳ vua rồi. Ấy vậy mà còn nhiều người tin tưởng những điều huyền bí, cho rằng trong quân Pháp phần đông người Miền-bên kia biên giới, thấy đều kinh sợ đất địa linh thiêng của cai tỉnh bé nhỏ họ có nhiều thiên binh, thần tượng ám trợ !..

Đêm ấy, má tôi cùng các anh ngủ tạm tại một dãy kho dùng để chứa gạo của Nhật đã giao trả. Kho gạo rộng mênh mông mà đầy nghẹt những người là người. Nhiều kho còn đầy ắp gạo không ai buồn đá động đến và ban công tác phá hoại sẽ phải phóng lửa thiêu hủy vào giờ chót. Sương khuya xuống lạnh, người ta đốt lửa sưởi; anh lửa chấp chờn trong sa mù như đom đóm, dài hăng hai ba cây số bên đường đầy nghẹt những đám người nằm, ngồi bên những đờ đạt kèn càng. Tiếng người gọi tìm nhau ơi ơi, với tiếng tiê con khóc oa oa đập vào, khiến quang cảnh buồn thảm thêm lương kia nhuộm thêm màu bi đát.

Suốt đêm ấy, Thanh lẫn lộn đi tìm ghe thuê về Rach - giá. Không ghe nào chịu đi cả, chủ ghe chê xa và họ thì cũng phải trở về gia đình dè lo chạy giặc. Mãi đến sáng, anh mới tìm được một chiếc tam bản no chịu ăn trăm bạc để đưa sáu người cùng với rương tráp ra một địa điểm cách đây độ ba cây số.

— Trời ơi trời, — chỉ Ba Khanh kêu lên —, đi cực khổ như vậy mà ở lại mà còn có anh có em...

— Không thể ở thêm nơi chỗ này được nữa, vì Pháp sẽ bắn ô-buýt vào nơi đông người. Tình thế nguy hiểm lắm rồi, không thể chần chờ gì nữa được.

Bên châu thành Hà - Tiên đã nghe lạc đặc co tiếng súng nổ. Nhiều bùng khói đen của các đám cháy loang, xam trên nền trời mu sương trắng của một buổi sáng lạnh lẽo trong tiết tháng Chạp. Nói nhiều cửa miêng bệu bạo thoát ra những lời chàn năn:

— Hà-tiên chắc chắn mất rồi. Nhà ta, cửa ta, mình trôi lạc về đâu đây.

Chỉ Ba Khanh vừa muốn xuống dò bỗng lại gặp chỉ Tư là người chỉ rượt co chổng đang ở Nam - vang Hai chỉ em ôm nhau khóc mũi, bìn rìn mãi không thôi. Anh Cửa phải cầu gắt lên.

— Hai bà ôm nhau khóc dề chơ chết sao chứ?

— Chị em lạc nhau mọi gặp, làm sao chia rẽ liền ngay được hở chú? — Chỉ Tư vừa sục sùi vừa bảo,

Thanh nhảy lên bờ, quăng hành lý của chỉ xuống xuống và nói:

— Chỉ cứ chạy theo chúng tôi... Ấy khéo, kéo xuống chìm..

Còn do khăm lừ lừ từ từ tách bến ra. Thuyền vừa mới đến ngã ba sông, thì từ trên ngánh kinh Vĩnh Tế có nhiều tiếng máy ca-nô nổ ròn. Nhìn ra, cả dò đều thấy rõ bốn chiếc ca - nô lớn chạy xuống phẳng phẳng và chớ dầy những Tây và Miên sung ống chơm chơm. Thanh ra đầu cho mọi người im lặng và lấy tay làm dầm hơi tiếp vơi trao phu. May là trời mờ sương, thuyền vừa khuất vào một rừng cây giữa sông, nên bao nhiêu người trên xuống mới còn sống sót. Bọn Pháp tiên ca-nô mũi miết chú ý đến đoàn xuống còn lơ nhố trong bến, và xả liên thỉnh bắn bura.. Tiếng súng nổ ùn ục từng hồi chen lẫn với tiếng người la ó khúc than nghe vang dầy cả một vùng Chủ ghe sợ qua đám xuống vào bờ và nhất định không đi nữa. Má tôi, vợ chồng anh Ba, chỉ Tư cùng với Thanh, Hậu, Cửa, vát va-ly lủ vào bụi núp. Tiếng súng nổ dữ dội, đạn bay vì vèo trên đầu mọi người và nổ cất bùm !. Giặc đã bắn bằng đạn dùm - dùm, gây một khinh hoang khủng khiếp trong dân chúng. Đầu đầu cũng nghe những tiếng nổ lạnh mình và dằng trước mắt, mé sau lưng cùng hai bên tả hữu đều có rải rác người bị phạm thương. Thanh không dám chần chờ, hối thúc cả đoàn đánh liền chạy xuôi theo hai bên lở. Nhò ở giặc

KIỆN TRINH

bên kia khúc queo bắn phóng chùng vào các lùm bụi, nên đoàn người mới thoát khỏi vòng nguy hiểm. Chạy độ chừng 2 cây số, má tôi, chị Ba Khau và chị Tư mệt nhoài, phải ngồi bên đường nghỉ mệt. Thanh lo lắm, cứ thế này thì không làm sao được an toàn. Chàng chưa phân sự cho anh Ba tôi và Hầu phải lo điều độ nữ phai đi chằm rãi ở sau, còn chàng và Cửa khuôn vát hành lý đi trước tìm hỏi ghe bao thuê về Rach-gia.

Đến chiều hôm ấy, sau khi lột bộ quần áo, Thanh mới gặp được một chiếc ghe bán dưa bầu bằng lòng đi về Rach-gia. Ông lão chủ ghe với một đứa cháu gái nhỏ vừa cất dưa ở Ba-Hòn qua Hà-tiên bán, nghe nói chạy giặc nên còn lưỡng lự không biết về đâu. Thanh bằng lòng mua hết ghe dưa ấy và năn nỉ mãi ông lão :

— Đàng nào ông cũng phải lần cử, ghe dưa kẻ bỏ rồi, chi bằng chở chung tôi thì được lợi và khỏi mệt công vì có chung tôi chèo tiếp.

Ông lão bằng lòng cho quá-giang. Cả đoàn hiệp lại, xuống ghe. Ông lão chèo lái, người cháu gái bôi mũi, chà-rích chà-tang buồng xuôi ghe trôi theo giòng nước lơ lửng. Thanh và các bạn thay nhau bôi mũi, nhưng con thuyền vẫn tiến chậm rãi. Trời lại vắng gió. Chiếc bươm bằng

bổ-tôi kết lại, khi phồng lên khi, xếp xuống là một chương ngại bức mình. Tối lại, ghe đậu ở Ba Hòn, chờ con nước. Ông lão dọn cơm ra ăn với đứa cháu gái, không thêm mời lợi ai hết. Vì chạy giặc cả ngày chưa cơm nước gì, khách đi ghe đói lả ra mà phải đành chịu. Thanh hỏi lấy dưa bỏ ăn, ông lão đưa cho toàn những trái xấu và bảo là còn phải dè dành ăn đường trở về.

Hầu thì thần với các bạn :

— Tụi mình gặp ông già Ba-Tri rồi ! Từ khi xuống ghe tới giờ, bọn mình cứ cong lưng chèo cho ông cháu họ nghỉ khỏe. Chắc từ đây đến Rach-gia, họ bỏ mặc cho bọn mình làm sao chóng tới thì thôi. Nếu không có mấy bà, tôi nằm ăn hết ghe dưa của ông thử coi ông làm sao cho biết.

Thanh liền nói :

— Còn mấy hôm nữa là Tết rồi. Ai nấy cũng phải về nhà. Tụi mình nên rang chịu cực một chút nữa vậy.

Sáng hôm sau, các anh ghé vào một chợ xếp gần đó mua mấy đôi giày lượt để kéo ghe. Ghe chèo xuôi theo mé sông, một đầu giây buột trên cột buồm, một đầu dây do một người đi trên bờ kéo vớt qua vai. Công việc không khổ cực lắm, nhưng khá mệt nhọc và nếu không quen kéo thì sưng vai, hoả chân đi không nổi, Thanh,

Cửa và Hậu thay phiên nhau chia gánh nặng ấy, mà tôi ái ngại hết sức nhưng không còn biết cách nào hơn, bèn ra ngoài mời ghe ngồi chèo nằng như các anh và thỉnh thoảng bỏ đưa ra cho các anh bơi. Con đường còn dài mà trước mắt, trải qua non tám mươi cây số ngang vùng đồng chua nước lợ, mình mong những đê cung đưng, chiếc ghe tản cư chậm chậm tiến vào voi bao nhiều nổi lòng ngồn ngang rồi làm như to vo. Các nhà cửa rải rác bên đường đã thấy lập lờ cầu đối đối như thăm đực ủa người phương xa nên rào bước vào về. Thỉnh thoảng, những chiếc ca-nô máy chở binh lính triết thoai từ mặt trận Hà-tiên về, chạy ngang qua và cho đồ bỏ lên những nơi xung yếu khiến dân chúng quanh vùng lại bằng bề nhau đi lủ lượt.

Trong khi đó, tôi ra chợ Rach-gia đón chờ má tôi mà sốt cả ruột. Ham một. Ham hai.. Ham ba Tết rồi! Ma tôi và các anh vẫn chưa thấy tăm dạng gì cả. Những tin đã loan truyền về tình thế nông nổi, sốt cả ruột gan... Hà-tiên thất thủ! Tây đang mở đường Hà-tiên Rach-gia Các mặt trận Ba Hòn, Hòn Chong bị vỡ! Pháp đang tiến vào vùng giáp giới hai tỉnh. Pháp bắt được cả mấy đoàn ghe tản cư, v.v... Thân binh hăm hiếp, cướp bóc, giết hại .. vân vân.. và.. vân vân..

Toàn là những tin không lành! Tôi chỉ còn biết, hết chất lười dậm chân than thở, lại ngồi khóc muối mà thôi!

Đến chiều 25 Tết, tôi đã hoàn toàn thất vọng! Đàn em đại nhao nháo ở nhà đang cần tôi tôi, việc gì cũng chưa hề sắp đặt trước gì cả, mà tôi còn đứng ngồi như bóng lửa ở đây để trông chờ một tin tuyệt vọng! Chiều tà, mây đen mỗi lúc một thêm nơi chân trời càng gico vào lòng tôi nhiều sâu thẳm nặng nề. Ánh sáng dần dần tắt đi như những cánh hoa tàn không bao giờ mọc trở lại. Bỗng tôi trập trùng từ phương xa đón dần lại.. Tôi diễm lệ người đi nhìn về chốn mình mong hui quanh... Vài anh dân về thục hồi dò của tôi phải tách bến...

Tôi thần thò quai xuống thuyền lòng cảm thấy bao nhiêu là sụp đổ. Bỗng ở xa, một bóng ghe đang từ từ tiến lại. Ghe đi ngược dòng, người trên bờ làm lủ keo đây, mắt cúi xuống đất. Đó là một người Miền thì phải và ghe ấy chắc hẳn ở Hà-tiên về. Tôi hy vọng có thể hỏi thăm được ít nhiều tin tức. Tôi liền cất tiếng gọi to :

— Bón ơi! cho tôi hỏi thăm một chút...

Người no ngược mặt lên nhìn, chợt đứng khựng hai chân lại, mắt sáng lóe ánh vui mừng, tay

buồng rồi đầu dây dỗi ra và đưa lên trần lau mồ hôi đang chảy ròng ròng.. Tôi cũng vua nhân ra, dưới bong hoàng hôn, khuôn mặt quá quen thuộc đã cơ hồ in khắc sâu nơi tâm khảm và buột miệng kêu :

— Trời ! Anh yêu dấu !..

▼

IX

NHỮNG NGÀY VUI CUỐI CÙNG

Buổi họp họp tưởng không trông mong gì có, bỗng nhiên lại thành, và do đó đã biến đổi hẳn cuộc đời của tôi...

Thanh, Cửa và Hầu, sau khi đã giúp bạn, tỉnh chưa tay, ai nấy lo trở về gia đình. Nhưng nơi bến sông vắng, không có đến một chiếc đò dọc. Má tôi liền nói :

— Mấy cháu về Cai Duốc Nhỏ ăn Tết, chừng ra ngoài ngày sẽ lấy ghe nhà mà đi, chứ cần ngày rớt du mưon bao nhiêu cũng không ai chớ.

Thanh và hai bạn nghe phải, liền xuống ghe bần lỏng đi về nhà tôi. Ghe chò năng nên đến nhà vào lúc 10 giờ đêm 26 tháng Chạp. Má tôi, vì tin theo lời của ông thầy Tiền bảo chi đầu tôi là tuổi Dần rất xung khắc với tuổi của mọi người trong nhà, phải rước vào cửa sau mọi êm nhà, ẩm củ

cho, nên người đã vô tình làm mất long chi đầu tôi. Hơn nữa, chi Tư lại làm tướng đó là điều xỉ nhục nặng nề, nên chưa chi trong nhà đã có không khí bất hòa rồi !

Sáng hôm sau, chi đầu tôi cáo ốm, không ra khỏi cửa phòng. Và luôn hai ngày, tôi phải lo mâm cơm riêng cho chi. Thanh và các bạn thấy không khí mỗi lúc mỗi nặng nề khó thở nên mỗi mặt khuyên tôi nên ăn, nhẫn chịu chuông chi đầu, một mặt bảo nhờ anh Ba nên thu xếp cách nào cho ổn thỏa. Nhưng chi Tư đã khai chiến bằng cách nơi gần nơi xa và tính tôi chuyên đi ra ở một nơi khác. Tôi lại biết được hai đêm rồi chi đầu tôi khóc lóc voi anh tôi dữ lắm.

Anh Ba tôi có than thở voi Thanh :

— Dương kẻ như là người trong nhà rồi nên tôi mới nói riêng chuyện này, chắc chúng tôi phải ra riêng. Như vậy mới tránh khỏi hổ chiá rẽ mỗi lúc mỗi sâu hơn trong gia đình. Nếu có một mình vợ tôi thì sự dàn xếp rất dễ, nhưng đằng này còn chi vợ tôi nữa...

— Anh tình đưa chi đi đầu ?

— Xuống miệt Thù, có câu Sau làm ruộng ở đó.

(Còn nữa)

Nhật-ký của chàng thanh niên họ Cao (cao - bồi)

(Nhật-ký dùng toàn tiếng lóng của Cao.bồi Saigon)

Ông vẫn thường quan niệm rằng : « Có tiền mua tiên cũng được », nên, từ cái địa vị tối tăm, ông đã, biết tìm đủ mọi cách để làm giàu và ông đã giàu, giàu to lắm. Thì giờ là tiền bạc, ông đề thì giờ làm ra tiền bạc, không còn 1 kẻ hở « thì giờ » nào nữa đề lo việc khác, cả đến việc giáo dục con ông. Tiền sẽ giúp cho hạnh phúc nhà ông, tiền sẽ giúp con ông nở mày nở mặt và thừa phượng uên học hành đến nơi đến chốn. Ông rút tiền ra cho con trai, đề cho nó tự do xử dụng, không cần kiểm soát. Hơn nữa, ông còn thì giờ dẫu đề kiểm soát khi còn đề trí óc nghĩ cách làm giàu ?

Hôm nay, gần cuối năm và một

★ TRỌNG TẤU

sự ngẫu nhiên, ông kiểm điểm lại kết quả của việc « mua tiên » cho con trai. Ông đọc một trang nhật ký của nó :

00 giờ 00 ngày 1-1-59. —
Mình cũng có ho gần với bà con nhà Vac (1) nên nhât ký phải viết về đêm

Rê-quây-ông (2) đã mấ.1. bây giờ sang châu nhét (3). Năm xín (4), lơ via (5) mới chi hồi chiều.

1) Con cò con vac hay đi ăn đêm. 2) Réveillon. 3) nhầy 4) thén = 1 ngàn 5) Le Vieux = ông già

đủ tư cách để lấy lệ (6) với các em. Cùng ba thằng bạn, vì chỉ là 4 nhân (7), khiếu ., trường trực chỉ.

12 giờ 15.— Các em ca-va-lét (8) bữa nay tư cách (9) quá! Tết nhất có khác, em nào cũng có thớ cả. Tha hồ lăm khứa (10) và tha hồ chạy bàn (11).

12 giờ 20.— Tiền bạc dao này khí hiểm, nên dăng-xinh cũng ha giá chỉ có 5 choac (12) 1 giờ, chi (13) cho em chừng 5 bò (14) và buóc-ba (15) 1 bò là hết chạy bàn. Em L. ngồi bàn mình hôm nay tươi lắm Cha-cha-cha (16) nhẩy 1 cây (17), gặp câu thì số đánh (18).

3 giờ khuya.— Tan dăng-xinh, muốn cháy túi. Còn lại có hơn 6 chích (19) lại hèm P.Đ.P. dớp (20) bính cuốn rồi về ngủ.

8 giờ sáng.— Xi-nê bữa nay có phim hay. Đi coi bec-ma-năng.

11 giờ.— Bữa nay bỏ lớp, chưa tới giờ về, đi thụt bi-da cho bớt sầu.

11 giờ 30.— Chưa tới giờ cơm, ghé tho may coi bộ đồ. Lão này may được. Áo sơ-mi màu đỏ, nút xanh thì tuyệt, lại ngắn và bó sát vào người, đúng điệu lắm!

Quần săng-li (21), không có đầu gối, rộng phía dưới và xẻ gấu, có vẽ người đầu bò lắm!

12 giờ 30 — Cơm xong cần phải ngơi (22) 1 chút chờ đỡ mệt. Chiều đi học, vì có lễ hôm nay các em bé (23) học cùng lớp cũng đông đủ cả.

14 giờ 30.— Đi học cho ra vẻ con nhà, kéo tuai bạn nó lại nói:

— *Chàng họ Thấp vốn giòng hào hiệp*
Xếp bút nghiên theo việc ăn chơi.

Giáo sư giậy hay, giờ gì cũng biết cách khêu (24) mấy chuyện đời xưa vào cho hấp dẫn Toán thì có truyện đời tư Pascal, lý-hóa thì có Archimède với truyện « Eureka », Việt thì Hồ Xuân-

(6) l'Air = ^{đi}đang điệu. 7) người 8) Cavalier = vũ nữ 9) có nghĩa là bánh. 10) khách 11) bỏ đi bàn khác 12) chuc bạc 13) tiền 14) 1 trăm đồng 15) Pourboire 16) 1 điệu nhẩy 17) giới, 18) nhất 19) chuc bạc 20) Ấn 21) không có nếp 22) nghỉ, 23) cô gái 24) xoay qua.

Hương v. v... lại học ở lớp mịch, (25) thật đáng đồng tiền bát gạo quá ! Mở trường tư như vậy mới gọi là biết cách chứ. Trường nào toàn học sinh được rửa và giặt khô khan thì dớp gió.

16 giờ 30.— Tan học, rủ cô bạn cùng lớp đi đánh binh-bông.

19 giờ 00.— Đớp.

19 giờ 30.— Đi học nhạc.

20 giờ 00.— Ép tóc để tối đi dự Đại Nhạc Hội.

12 giờ 00 — Viết thư cho Đ.P.T. xin vài bản nhạc tặng em và tặng thầy, tặng bạn. Thật là mất nhiều thì giờ. Phải sống đến

hơn trăm năm mới đủ giờ cho mình sinh hoạt đúng mức.

✧

Ông già đọc xong, thở ra một câu : « Thời thế là xong ! Thời buổi này, câu tục ngữ " Cha nào con nấy » không còn đúng nữa rồi ! Không biết chừng con mình có con, con nó sẽ như con mình, chẳng ? ».

Rồi ông xé quyền nhứt ký của, con ông, quăng vung-vãi trước bàn thờ Ông bà.

25) lớp có cả trai lẫn gái. »



✧ CHUYỆN MỸ

Vợ chồng ông Smith sửa soạn đi dự lễ cưới của một người bạn gái. Bà Smith nhòe nhèo báo chồng :

— Mình phải ra phố may gấp cho em cái áo khác. Em không muốn ở trần trường đề đi ăn đám cưới chị Lucie.

Ông Smith trở mặt ngó vợ.

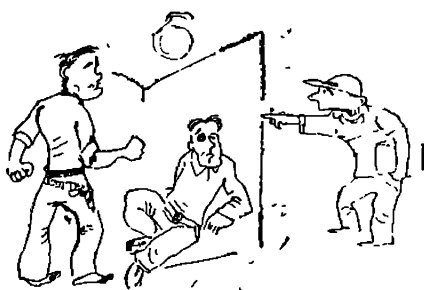
— Ủa chứ anh vừa may cho mình cái áo đẹp đề đi ăn cưới mới cách đây 2 tháng thôi mà

— Phải, nhưng hai tháng trước em mặc cái áo đó là hôm chị Lucie lấy người chồng trước. Nay chị ấy lấy chồng lần thứ hai, em không muốn mặc cái áo cũ đó nữa đâu.

Ơi mới dưới ngòi bút của Họa sĩ GYAO



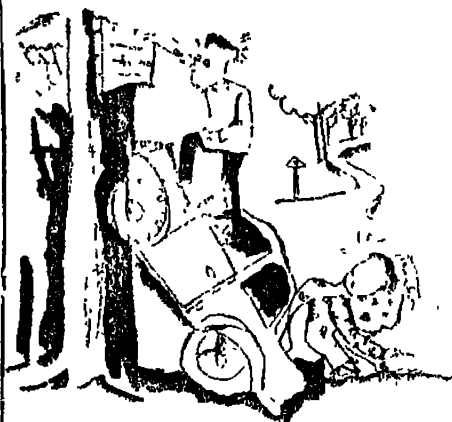
— Bệnh anh cần phải đi bách bộ
luôn mới mau khỏi. Anh làm nghề gì ?
— Dạ thưa Bác-sĩ, tôi là phu xe
cyclo đạp ạ.



Đạo diễn quát. — Ngừng
quay! Phải đảm cho sừng nốt
con mắt bên kia nữa t



— Chết chưa, ai đánh chị thế
này ?
— Chồng em đấy.
— Ừa, tôi tưởng anh đi Huế kia
mà ?
— Thì tại em cũng lưỡng lự thế,
cho nên em...



— Người ta viết gì trên đó
vậy Minh ?

— À tám biển đề : « đường
nguy-hiểm xin đi cẩn thận ».



BA-TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ LÊ VĂN HIỀN (Hội an)

2821 — Đôi mô cao bằng đôi
danh vọng

Nghĩa mô trong bằng nghĩa
me cha.

2825 — Chiều chiều ra đứng vai
ngó

Nón che tay ngoắt ơ trò áo đen.

Áo đen năm nút viền tà,

Ái may cho bâu, hay là bâu
may.

2826 — Ra về răng dít mà về
Bỏ non bỏ nước, bỏ lời thề cho
ai.

2827 — Thề thì thề gái thề trai
Thề đầu chết đó mà ai dám thề

2828 — Thương nhau cho trôn
dao trời

Dầu mà không chiếu, tầu lơ
mơ nằm.

★ HỒNG YẾN (Sài Gòn)

2829. — Hoa gì hương sắc lẳng lơ
Hoa gì nghe đến đã mơ tưởng rồi
Hoa gì buồn bán khắp nơi.

Hoa gì thích mọc chỗ người giàu
sang.

Hoa gì không sắc không hương.
Anh hùng nghe đến biến thương
ngay liền >

2830. — Hoa Nguyệt hương sắc
lẳng lơ

Hoa Khôi nghe đến đã mơ tưởng
rồi

Hoa-Kiều buồn bán khắp nơi

Hoa-Kỳ thích mọc chỗ người giàu
sang

Hoa-Lư không sắc không hương

Anh hùng nghe lời mến thương
ngay liền.

2831. — Cái gì khổ sở nhất đời
Cái gì hư hỏng con người làm ăn ?
Cái gì làm mất công làm ?

Cái gì mở mắt tối tăm cả đời ?
Cái gì thoát hóa con người ?

Cái gì đem lại giống nòi làm
than ?

2832 — Đòi lãnh khổ sở nhất
đời.

Cờ bạc hư hỏng con người làm ăn
Hối lộ làm mất công làm.

Mù chữ mở mắt tối tăm cả đời.

Mê-tin thoát hóa con người.

Chưa rẽ đem lại giống nòi làm
than.

2833 — Cái gì thế lực hơn vua ?
Cái gì già trẻ cũng cho khải khao ?
Cái gì kẻ ước người ao ?

Cái gì vì nó xây bao đau lòng ?

2834. — Đan quỳên thế lực hơn
vua.

Hòa-bình già trẻ cũng chờ khải
khao

Cơm áo kẻ ước người ao.

Đồng tiền vì nó xây bao đau lòng.

2835 — Cái gì độc gồm độc ghê
Không hình không sắc làm mê
anh hùng ?

Độc gì kiến hiện vô cùng ?

Thoát vòng tham lại thoát vòng
đốt ngu ?

Độc gì được ấm được no ?

1836. — Tiếng nói phụ-nữ độc
ghê

Không hình không sắc làm mê
anh hùng

Độc được kiến hiện vô cùng

Thoát làm tham lại thoát vòng
đốt ngu

Độc đủ được ấm được no.

(còn nữa)



TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được
hồng thiệp của ông Thuần-
Đức Nguyễn-Trung-Hầu, Thi-sĩ
trong nhóm Nam-Phong Thi-
xã, báo tin đến ngày 10-1-1960
sẽ làm lễ thành hôn cho thứ-
nam là cậu NGUYỄN-TRUNG-
NHON đẹp duyên cùng cô VÕ-
CHI-LAN, thứ nữ của ông bà
Võ-văn-Lương, ở Phú-Nhục.

Nhân dịp vui vẻ này, chúng
tôi xin thành thực chia mừng
cùng Thi-hữu Thuần-Đức, và
mến chúc tân-lang và tân
giai-nhân được muôn vàn
hạnh-phúc.

NGUYỄN-VỸ



★ TRÒ ĐỜI (thơ ngụ ngôn) — của TRẦN-GIA-THOẠI

(Nhà in NGUYỄN HỮU UẤN 36 Hùng Vương Đà Nẵng)

Một tập thơ ngụ ngôn trên 30 bài. Tuy lấy chút ít tài liệu trong các mẫu chuyện xưa của Ấn-Độ, La-Mã, Hy-Lạp v...v... (cũng như La Fontaine đã phỏng theo các chuyện cổ-tích của Hy-Lạp, Á-Rập, Tàu v...v...) nhưng tác giả đã khéo dùng các lối thơ Việt-Nam mà diễn tả rất lưu-loát rõ ràng, nhiều khi trào-lộng, hóm hỉnh, rất hay. Dĩ-nhiên những chuyện ngụ ngôn này có tính cách châm-biếm các trạng-thái lố lăng trong xã-hội với mục đích cứu cánh là giáo hóa, đề cao những đức tính tốt đẹp của con người. Lời văn dí dỏm; sáng suốt, thật hấp dẫn. Dày 80 trang — 20\$.

★ THƯƠNG - VĂN-THỂ-BẢO chủ trương

Giai phẩm văn nghệ, với sự hợp tác của nhiều tác giả và giáo-sư có tên tuổi : Trần-Gang, Chu-anh-Thiên, Chính-Phương, Chế-Vũ, Văn thể Bảo, Thanh-t-Hoàng, Nguyễn duy Diên, Vĩ-Ý, Nguyễn-thiệu-Lâu, Hoàng Bình Sơn, Anh-Hợp, Tô hà Văn, Ý-Nhi, Hoài, Dương vy Long, Diệu-Thanh, Tô mặc Giang, Cô-Thương, Xuyên-Việt, Phạm huy Viên v. v... Dày 15 trang — 15\$.



ĐÁP BẠN HỒN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

✱ Cô Châu-thị-Hiền, Phan-thành-Giản — Sài-gòn

HỎI : « ... Chị Diệu-Huyền có thể cho em biết thêm chi tiết đây - đủ về bài thơ « SONNET D'ARVERS » không ? Đúng ra thì « người đàn bà ấy » là ai, hả chị ? Bài thơ ấy tác giả làm từ hồi nào, mà sao đến nay không có nhà Văn-học-Sử nào khám phá ra cái « bí mật » ấy ? Rất mong chị đừng phụ lòng mong mỏi của một người em vô-danh hằng mến chị... »

ĐÁP : — BÀI SONNET D'ARVERS

Bài thơ danh tiếng này của Thi-sĩ FÉLIX ARVERS (sinh năm 1806, chết năm 1850) không phải là bài thơ độc nhất của ông, như nhiều người lầm tưởng. Nó ở trong tập thơ « Mes heures perdues » (Những giờ nhàn rỗi của tôi) xuất bản năm 1833, nghĩa là cách nay 126 năm. Đã lâu rồi, người ta không biết rõ « người yêu bí mật » của Thi-sĩ ám chỉ trong bài thơ ấy là ai. Căn cứ trên một vài tài-liệu không đích-xác, CÔNG TƯỚNG DE LA FORCE ở Hàn-lâm-Viên Pháp, có tưc-đoán rằng « nàng » có lẽ là BÀ MENNESSIER, nhũ-danh là Marie NODIER, con gái của nhà văn Charles Nodier, ông này cũng ở Hàn-Lâm-Viên Pháp và làm chủ một Câu-lạc-Bò Văn-nghe, nơi hội hợp thường xuyên của các Thi-sĩ Victor Hugo, Lamartine, Musset (hồi còn trẻ tuổi), FÉLIX ARVERS, với vài Thi-sĩ khác nữa. Cụ Chủ-nhật là cô Marie Nodier ngồi đánh đàn piano cho các Nhà-Thơ nghe. Do đó, theo lời Công Tước de La Force — Arvers mới say mê cô Marie, nhưng vì cô đã có chồng, ông Mennessier, nên tình-yêu thầm kín của Thi-sĩ mới thổ-lộ ra trong bài sonnet kia. Nhưng đó chỉ là lời phỏng-đoán. Có người đồng thoi

gọi cho rằng « Nàng » không phải là Bà Mennessier, mà là bà VICTOR HUGO. Nhưng lời đoán này lại càng sai lầm, vì lúc bấy giờ bà Victor Hugo đang yêu nhà văn SAINTE-BEUVE, bạn thân của Hugo, và tình yêu tội lỗi này đang làm xôn-xao dư-luận trong Thi-giới Pháp. Félix Arvers không có cảm-tình với bà vợ đã lớn tuổi mà lãng loạn của nhà Thi-hào Victor. Té ra, sau cùng, Văn-sỹ EMILE BERGERAT có viết một bài dài chứng minh rằng « người yêu bí mật » của Arvers chỉ là một cô thợ giặt, rất đẹp, nhưng qua hiền-lành, và cứ bị chồng đánh hoài. Chính Thi-sĩ ALFRED DE MUSSET, nhỏ hơn Arvers bốn tuổi, cũng nói rằng Arvers « Say mê » cô thợ giặt trẻ đẹp và nhu mì, mà các nhà Thơ kia không ai biết tên, vì anh chồng vũ-phu qua ghen, cấm cô ta không được đi ra ngoài. Arvers chiều nào cũng rủ Musset đi dạo một vòng qua trước cửa tiệm thợ giặt, và cứ đưa quần áo giặt hoài để được liếc trộm người yêu thơ mộng. Chính cô thợ giặt không hề biết là cô được một Thi sĩ tài-ba yêu mê mình. Bài thơ của Arvers, nguyên văn như sau đây :

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère :
 Un amour éternel en un moment conçu :
 Le mal est sans espoir, aussi j'ai dû me taire,
 Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.
 Hélas ! j'aurai passé près d'elle, inaperçu,
 Toujours à ses côtés et pourtant solitaire,
 Et j'aurai jusqu'au bout fait mon temps sur la terre,
 N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.
 Pour elle, quoique Dieu l'ai faite bonne et tendre,
 Elle ira son chemin, distraite et sans entendre
 Ce murmure d'amour élevé sur ses pas !
 A l'austère devoir pieusement fidèle,
 Elle dira, lisant ces vers tout remplis d'elle :
 « Quelle est donc cette femme ? » et ne comprendra pas.

FÉLIX ARVERS

Dưới đây là bài dịch của Nguyễn-Vỹ :

Đời tôi có mỗi tâm-tư thăm kín :
Một trường tình chôn nỏ chẳng bao lâu.
Tình tuyệt vọng, nên tôi đành phải nín,
Người tôi yêu, muôn thuở biết cho đâu !
Ôi đau xót ! Trên đường đời thui-thủi,
Dấu cạnh nàng, tôi vẫn cứ cô đơn !
Dấu mãi-miệt với thời gian, gió bụi,
Chẳng được gì, mà chẳng dám van lơn !
Nàng, bầm tím thật dịu-hiền, tha-thiết,
Nhưng nàng đi, hờ-hững, chẳng nghe qua
Tiếng si-tình thốn-thức gót chun hoa !
Nàng chung thủy với chồng, đâu có biết,
Khi đọc Thơ đây yêu-nhớ bấn-khoăn...
«Nàng là ai ?» Nàng nghĩ mãi, phân-vân...

NGUYỄN-VỸ

Bài thơ của Arvers lừng danh đến đổi năm 1957 người ta đã
đếm được trên 120 bài phỏng theo điệu thơ ấy, nhưt là bài của BÀ
GAY sau đây được khen nhiều nhưt :

Es-tu bien sûr, ami, qu'elle n'ait pu l'entendre
Ce murmure d'amour élevé sur ses pas ?
Une femme, crois moi, sait toujours le comprendre,
Ce langage muet qui se parle tout bas.
Si Dieu l'avait créée à la fois douce et tendre
Elle a dû se livrer de douloureux combats
Et tenir à deux mains son coeur pour le défendre
Contre un amour si vrai qu'il ne se trahit pas.
A l'austère devoir, pieusement fidèle
Sa vertu la plus haute était peut être celle
De paraître insensible et distraite à ta voix.
Penses-tu seul avoir un secret dans ton âme ?
Il est sur cette terre, ami, plus d'une femme
Qui garde un front serein tout en traînant sa voix !

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

(Ban dám chắc là nàng không nghe tiếng
Của tình yêu lưu-luyến gót chun hoa ?
Giai nhân hiểu, bạn ơi, lòng xao-xuyến
Khi yêu thầm, bạn nói ... nói không ra !)
v.v

Lại có những bài phỏng theo voi điệu đặc biệt khôi hài, như bài sau đây :

SONNET D'« ART VERT » của một Hoa-sĩ :

Mon cadre a son secret, ma toile a son mystère :
Paysage éternel en un moment conçu
Suis-je un pré, Suis-je un bois ? Hélas ! je dois me taire !
Car celui qui m'a fait n'en a jamais rien su !
Ainsi, je vais passer encore inaperçu
Toujours assez coté, et pourtant solitaire,
Et mon auteur ira jusqu'au bout de la terre,
Attendant la médaille, et n'ayant rien reçu.
Le public, quoique Dieu l'ait fait gobeur et tendre,
Va passer devant moi, distrait, et sans entendre,
Malgré mes tons criards, mon appel sur ses pas.
Au buffet du salon, pieusement fidèle,
Il dira, dégustant son bock rempli ... d'ale
« Quels sont ces épinards ? » et ne comprendra pas !

Đai-y là bức tranh của một Hoa-sĩ cù tư thân thân trách phàn rằng Hoa-sĩ đem đi triển-lãm mà chẳng có ai thèm mua, chẳng ai thèm đề ý. Công chung đi ngang qua, thờ ơ lãnh đạm, mặc dầu bức tranh kêu ré lên với những màu sắc rực rỡ chói lòa. (Mượn tâm sự của Thi-sĩ Arvers mà tả tâm sự khôi hài của bức tranh cù) Lại có một Thi-sĩ cũng dùng điệu đó đề tả chiếc xe hơi của ông :

Ma « Ford » a son secret, mes pneus ont leur mystère
Par un brusque freinage, en un moment conçu,
J'ai failli déraiper, aussi j'ai dû me taire :
Celle que j'épargnai n'en a j'aurais rien su ...
Hélas ! je croyais bien passer inaperçu

ĐÁP BAN BỐN PHƯƠNG

Ayant stoppé dans un carrefour solitaire
Mais un agent survint, s'élançant ventre à terre,
M'infligeant une amende, et m'en donnant reçu.
Pour elle, quoique Dieu l'ait faite agile et tendre,
Elle m'aurait frôlé, distrait, et sans entendre
Le coup de stein brutal qui protégea ses pas.
Au journal du matin pieusement fidèle,
Elle dira, lisant ce fait tout rempli d'elle :
« Quel est donc ce chauffard ? » et ne comprendra pas.

Dại-y bài này là chế-diệu chiếc xe « Ford » Huê Kỳ chạy giữa đường xuyt can người dân bà, bị lính thời tu-huýt biên phạt. Nhờ tài xế thắng giỏi, bà ấy khỏi bị chết, thế mà hôm sau đọc nhật trình thấy cái tin đó, bà lại bảo : « Cái thắng tài xế cừ nào đó he ? » và bà đầu có biểu cho cái khô-tâm của anh tài xế !

Bạn xem, một bài thơ tru danh của một Thi-sĩ đau khổ vì tình yêu thâm kín, cũng được người ta phỏng theo làm đủ các lối để áp dụng vào tương hợp bị kích cũng được, mà hai kích cũng được !

✱ Cô Hà Khanh — Đà-nẵng

— T. T. K. không phải là người yêu của Nguyễn-Bình

— Truyện « Dời Uyên Ương » của N. V. bị cấm không được xuất-bản

— Nhạc-sĩ Johann Strauss sinh năm 1825, chết năm 1899 tại Vienne vì bệnh già.

— Nhạc-sĩ Đặng-thế-Phong chết vì kháng-chiến.

— N. V. sinh năm 1912.

✱ Bạn N. P. Tường — Huế

— Nguyễn-nhuộc-Pháp đã chết rồi (xem lại Phở Thông số 9 có nói rõ)

— Nhóm « Tư-Lực Văn-đoàn » hiện còn ông Nhất-Linh, hiện sống ở Đà-lạt Khái Hưng đã chết (xem lại Phở Thông số 19). Thế-Lữ, Tu Mờ ở ngoại Bắc.

✱ Bạn Hoàng-Công-Khanh — Cholon

Xin Ban hỏi tại phòng kiểm tra Trưng-Bình. Chúng tôi không rõ về vấn đề ấy.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

✱ **Bạn Nguyễn-văn-Thắng — Quốc Học — Huế**

PHAM PHÚ-THỦ là vị Thượng-Thor dưới Triều Tự-Dục cùng đi sứ với cụ Phan-Thanh-Giản sang Pháp năm 1863.

PHAM-HÔNG-THÁI là người chiến sĩ cách mạng đã ném bom ở khách sạn Victoria trong tờ giới Sa-diên (Trung Hoa) mưu sát viên Toản-quyền Merlin đến viếng Quảng Châu đêm 19 tháng 6 năm 1923

— TRẦN-CAO-VĂN, là người đã tổ-chức cuộc ám-mưu khởi-nghĩa, với Vua Duy-Tân, tháng 5 năm 1916.

— PHÓ-DỨC-CHÍNH là một đảng viên Việt-Nam Quốc-dân-Đảng, một đồng chí và cộng-sư viên đặc-lực của Nguyễn-Thai-Hoc, tham-gia cuộc khởi-nghĩa Yên-Báy tháng 2 năm 1930.

— TRƯƠNG-ĐÌNH là một chiến-sĩ cách-mạng đã cầm-cự đánh Pháp ở Gò-Công, Chợ-Lớn, Tân-An, lúc Pháp mới lấy « Nam Kỳ », 1862-1864. Ông tử-trân ở Kiến-Phước đêm 9 tháng 8 năm 1864, bị bắn gãy xương sống.

✱ **Bạn Tôn-thất-Thị k.b.c. 3317**

Mặc lễ phục khi có tang chế, thay vì bịt khăn đen người ta chít khăn trắng, mặc thường phục (đàn ông) người ta để tang bằng một mẫu vải đen trên ngực, (phụ nữ) gắn trên hồ áo dài. Chỉ có để tang cho cha mẹ mới mặc áo sổ lại.

Về thời gian để tang, thì :

Con để tang cho cha mẹ 3 năm

Cha mẹ để tang cho con 3 tháng

Vợ để tang cho chồng hay chồng để cho vợ 3 năm

Anh chị để tang cho em 1 năm

Em để tang cho anh chị 1 năm

Dâu để tang cho cha mẹ chồng 3 năm

Rể để tang cho cha mẹ vợ 1 năm

✱ **Bạn Trần Xuân Cầu — KONTUM**

Về việc hỏi thuốc Bác sĩ Hoàng mộng Lương, rất tiếc dạo này Bác-sĩ bận việc qua nên không thể trả lời được. Mong bạn thông cảm cho. Còn may đeo vào tai người điếc dễ nghe được, bạn nên viết thư hỏi địa chỉ sau đây là nơi bạn máy ấy :

Audisom, Service DG
24, Rue de l'Abbé

Paris 14•

★ Bạn Phan văn Vỹ — Đà Nẵng

1) Trong Phổ-Thông số 18, bài nói về MARCONI • tốt nghiệp năm 1958 •. Xin sửa lại là 1895

2) Về Phổ-Thông số đặc biệt XUÂN CANH TÝ, chúng tôi không làm quà tặng như Phổ-Thông Trung Thu, vì những lý do sau đây ; rút kinh nghiệm trong việc gửi quà số Trung Thu :

1) Có nhiều bạn đọc gửi thư và tem lại tòa soạn để mua Phổ-Thông Trung Thu, nhưng THƯ THƯỜNG BỊ LẠC MẮT, không hiểu vì lẽ gì, và ai lấy ?

2) Nhiều bạn nói có bỏ tem và tiền trong thư gửi đến tòa soạn, nhưng lúc mở thư ra xem chúng tôi KHÔNG THẤY CÓ TEM HOẶC TIỀN ĐAU CẢ. Mặc dầu vậy, chúng tôi vẫn gửi báo đến các địa chỉ mà các bạn đã biên trong thư.

3) BÁO TRUNG THU GỬI ĐI LẠI THƯỜNG BỊ THẤT LẠC. Nhiều bạn viết thư đến phản nản, chúng tôi phải gửi lần thứ hai, hàng gói báo đảm.

Vì những lẽ đó, chúng tôi thấy việc nhà báo tổ chức gửi Phổ-Thông Đặc biệt làm quà tặng các bạn xa, thật là một điều rất bất tiện có nhiều phiền-phức không ngờ (MẤT TEM, MẤT TIỀN MẤT BÁO !)

Vậy nếu các bạn muốn tặng Phổ-Thông đặc biệt cho ai trong dịp Xuân Canh Tý này, xin các bạn mua báo ngay ở địa phương của bạn, có lẽ tiện hơn. Chúng tôi rất tiếc không thể đáp lại lời yêu cầu của một số rất đông các bạn thân mến của Phổ Thông, muốn nhờ chúng tôi gửi báo tặng làm quà Xuân. Mong các bạn thông cảm cho.

Thâm tạ
PHỔ - THÔNG

MUÔN VẠN CẢM TẠ

Thơ của Quý Ban thân mến gọi về mừng Phò-Thông một tuổi chúng tôi đều có nhân được đủ cả. Đa số các bạn trách chúng tôi sao không báo tin trước một vài số đề nhắc cho các bạn biết, và sao không cho ra một số đặc biệt trong dịp đề nhất chu niên, chứ « làm đột ngột và vội vàng quá », đề khi quý ban đọc, Phò-Thông số 22 mới biết được thì đã trễ rồi. Chúng tôi biết vậy và thành thật xin lỗi. Chỉ vì chúng tôi muốn « cùng thời nổi » thân mật trong gia đình cho chú bé Phò Thông, mà không muốn làm ồn-ào phá rầy hàng xóm vô ích.

Nay các bạn thân mến xa gần khắp nơi gửi nhiều bài thơ rất vui, rất hay, và cũng rất cảm động đề mừng P.T. Chúng tôi xin muôn vàn cảm tạ, và xin cất kỹ tất cả các bài thơ này trong quyển Album của bé P.T. để nó làm kỷ-niệm. Nhiều bạn yêu cầu chúng tôi đăng thơ lên báo, nhưng xin quý bạn miễn cho, vì nếu đăng hết lên báo thì được lòng quý bạn, mà chúng tôi sẽ mang tiếng voi khách bàng-quan. Các bạn cho phép chúng tôi được tránh lời dị-ghị. Một lần nữa, xin cảm ơn Quý Ban rất nhiều.

N. V.



TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ẤM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ Ông Đinh văn Lợi — k b c 4217.

— Ngày 2-4-1904 D.L. tức là ngày 17 tháng 2 âm-lịch, năm canh-thìn, tháng Đinh-Mão, ngày Bính-dần.

— Ngày 27-4-1929 D.L. là ngày 18 tháng 3 âm-lịch năm Kỷ tỵ, tháng Mậu-thìn, ngày Nhâm Dần.

★ Ông Trần mạnh Sang — Qui-nhơn.

— Ngày 27-6-1931 nhâm ngày 12 tháng 5 năm Tân-vị
tháng giáp ngọ, ngày Quý-sửu.

✱ Trương văn Thái — Nha trang.

— Ngày 21-8 âm-lịch năm Kỷ-mão, tức ngày Thứ ba 3-10-1939 Dương-lịch.

✱ Một độc giả ở Vinh-Long.

— Ngày 18 tháng 8 âm-lịch, năm Ất-hợi, là ngày Chúa-nhật 15-9-1935 D.L.

✱ Ông Thái đức Duy — Giáo-viên Tam.kỳ.

— Ngày 5 tháng 9 âm-lịch năm Quý-dậu nhằm ngày 23-10-1933

— Năm Ất-vị năm (1955) nhuận tháng 3 chứ không phải tháng 2.

✱ Bạn Phương-Khanh — Cần thơ.

— Ngày 7-3-1933 là ngày 12 tháng 2 âm-lịch năm Quý-dậu, tháng Ất mao, ngày Nhâm thân.

— Ngày 7-10-1934 nhằm ngày 25 tháng 8 âm-lịch, năm Giáp tuất, tháng Quý-dậu, ngày Đinh-vị

— Ngày 2-6-1937 nhằm ngày 24 tháng 4 âm-lịch năm Đinh-sửu, tháng Ất-ty, ngày Canh thân.

— Ngày 29-6-1939 là ngày 13 tháng năm âm-lịch năm Kỷ-mão, tháng Mậu-thìn, ngày Đinh-dậu.

✱ Một bạn đọc ở 347 Phan-đình-Phùng — Saigon.

— Ngày 29-3 âm lịch năm Bính ngọ nhằm ngày Chúa nhật 22-4-1906 D.L.

— Ngày 27-11 âm-lịch năm Đinh Sửu là ngày thứ tư 29-12-1934 D.L.

— Ngày 5-11 âm-lịch Năm Bính-tý nhằm ngày Thứ sáu 18-12-1936 D.L.

— Ngày 8-12 năm Giáp-tuất nhằm ngày Thứ bảy 12-1-1935 Dương-lịch.

✱ Bạn B. Ph. Phan k.b.c. 4199.

— Ngày 20-3 âm-lịch năm Ất-vị = Dimanche 14-4-1895 D.L.

DÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

- Ngày 19-7 âm-lịch năm Bính-dần $\equiv$ Jeudi 26-8-1926 D.L.
- 24-4 âm-lịch năm Bính-dần $\equiv$ Dimanche 4-6-1926
- 17 tháng giêng â. l. năm Canh-ngọ $\equiv$ Samedi 15-2-1930
- 15-7 âm-lịch 1931 $\equiv$ Vendredi 28-8-1931
- 16-8 âm-lịch năm Quý-dậu $\equiv$ Jeudi 5-10-1933
- 26-11 âm-lịch năm Ất-hợi là ngày Tân-mùi, tháng Mậu-kỷ
nhằm ngày Thứ bảy 21-12-1935
- 28-5 âm-lịch năm Tân-tý, là ngày Tân-mùi, tháng Ất-mùi,
nhằm ngày Thứ tư 22-7-1941
- Ngày 17-4 âm-lịch năm Ất-vị, ngày Kỷ-hợi, tháng Tân-tý
nhằm ngày Thứ ba 7-6-1955
- Ngày 15-10 âm-lịch năm Bính-thân, ngày Mậu-tý, tháng
Kỷ-hợi, nhằm ngày Thứ bảy 17-11-1956

★ Em Thiện-Phúc — Huế

— Ngày 15-1-1948 D. L, nhằm ngày 25 tháng Chạp âm-lịch,
năm Đinh Hợi

— Ngày 31-12-1949 D.L, nhằm ngày 2 tháng 12 âm-lịch,
năm Đinh Hợi

— Ngày 18-6-1954 D.L, — 18 tháng 5 —
Giáp Ngọ

— Ngày 20-5-1955 D.L, — 29 — 5 nhuận —
Ất Vị

— Ngày 24-5-1956 — 16 — 5 —
Bính Thân

★ Ông Huỳnh Đức Phương — Bến Bạch Đằng Saigon

Ngày 21 tháng 11 âm lịch năm Nhâm Thân nhằm ngày 18
tháng 12-1932. 8 giờ 30 tức là giờ Tuất,

★ Võ thị Hoa — Qui Nhơn

Ngày 3 tháng 4 âm lịch năm Nhâm Ngọ, ngày Bính Dần,
tháng Ất tỵ, nhằm ngày Chúa Nhật 17-5-1942

★ Ông Thanh Ngọc Huế.

— Ngày 16-10 âm lịch năm Canh-thìn == Vendredi 15-11-1940 D.l.

— Ngày 27-12 âm lịch năm Kỷ-mão == Vendredi 4-2-1939 D.l.

— 24-2 âm lịch năm Bính-tý == Mardi 17-3-1936 D.l.

— 12-10 âm lịch năm Quý-sửu == Dimanche 9-11-1913 D.l.

— 16-9 âm lịch năm Canh-thân == Mercredi 27-10-1920

— 1-1 âm lịch năm Canh-thân == Vendredi 20-2-1920

— 16-9 âm lịch năm Quý-vi == Jeudi 14-10-1943

Tin mừng

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiếp của Bà và Ông Chử-Ngọc-Liễn, Ủy-viên Công-cán Bộ Nội-Vụ báo tin ngày 26-11 Kỷ hội tức ngày 25-12-1959 làm lễ thành hôn cho thứ nam là Trung Ủy Chử-nam-Anh đẹp duyên cùng cô Bành-mộng-Loan Trưởng nữ của Ông bà Bành-phượng-Chung. Hôn lễ cử-hành tại số nhà 214/19/4 Trần quang Khải Saigon.

Nhân dịp vui vẻ này, chúng tôi xin thành thực chia mừng cùng Ông Bà Chử-ngọc-Liễn và mến chúc tân lang, và tân giai nhân được muôn vàn hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ

Nơi đáng tin cậy của các bạn yêu
nghệ-thuật nhiếp-ảnh

Quán ĐÔ-THÀNH

Quán 23, Đại-lô Nguyễn-Huê — Saigon

— Nhân rửa, in, rọi các cỡ hình ảnh đen trắng và màu EKTACHROME.

— Nhân đi chụp ảnh các nơi đám tiệc, lễ-lạc, ảnh quảng-cao, ảnh phóng-sự v.v. .

— Chụp lại các giấy tờ, tài-liệu, hình ảnh cũ ra mới.

— Mua, bán, sửa-chữa các loại máy ảnh máy quay phim, chiếu.

— Bán phim, thuốc, gạt (có bán lẻ cho người muốn rửa hình lấy)

— Phát-hành các loại ảnh tài-tử Việt-Nam và Quốc-Tế.

— Sản-xuất các loại ảnh danh-lam thắng-cảnh Việt-Nam

Chúng tôi lúc nào cũng sẵn-sàng để chỉ-dẫn các bạn mọi chơi ảnh.

CHỈ CÓ **XUÂN DÂN TỘC** VI ĐẠI VÀ TẬP BÁO TẾT XUẤT SẮC NHẤT

Chủ biên : HUYỀN-NHI Trình bày : NGUYỄN-ANG-CA

Qui tụ nhiều cán bút lỗi lạc, được sự yêu mến của độc giả toàn quốc : Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền (Phổ Thông), Bình-Nguyên-Lộc (Vui Sống) Trọng-Nguyên (Sàigòn Mới, Phụ Nữ Ngày Mai), Hoài-Trình (Phụ Nữ Diễm Đàn) Tô Yến Châu, Trường giang Mạnh Vũ (Tiếng-Chuông), Nguyễn Thu Minh (Phổ Thông, Bông Lúa) Anh-Quân (Dân Chúng), Hoàng - An, Trần-Văn-Miêng (Buổi Sáng), Phạm-Côn-Sơn (Đài Chúng) Hà Liên Từ (P.N.D Đ.), Sơn-Nam (Lê Sống) Hồn Nghệ sĩ, Nghệ sĩ Cà Lăm (Tin Mới), Thạch-Lê (Đuốc Lhiêng) cô Hương-Trang, cô Vinh-Lan, cô Kiều Mỹ-Thôn (Vui-Sống), cùng các văn nghệ sĩ tầm tiếng : Bảy Nhiêu, Vạn Lý, Thu-Trang, Hoàng - Miên, Hàn Song T.H.T., Lạc - Vân, Hoàng-Ngọc-Giao, Nguyễn-Nam-Phong...

Nhiều sự đặc biệt đang làm bạn rộn rã mong chờ :

— Một nhạc phẩm mới, hay nhất của Lam-Phương (Xuất sắc hơn nhạc-phẩm « Tình Anh Lính Chiến »)

— Một Phu-Trương đáng trọn một tấn truyện ưng ý nhất năm 1959 của Bình-Nguyên-Lộc.

— Một thiên khảo cứu sưu tầm công phu về thành Sàigòn và Nam Việt năm Canh-Tí 1.900 của Sơn-Nam và Nguyễn Ang-Ca.

— Hai món quà khác nữa (sẽ công bố sau) và nhiều quà bất ngờ dành tặng bạn của nhà tướng số Huỳnh-Liên, Bà Giám Đốc Cosunam-films ! King's photo, Bình-Minh ảnh-Viện, Kol và Perlon, Mélia, Bastos, nữ chuyên-viên quảng cáo Hồ-Ngọc-Nhung, nhà xuất bản Bến-Nghé v.v...

— Một cuộc thi dành riêng cho thiếu sinh Việt - Nam với nhiều phần thưởng có giá trị.

XUÂN DÂN TỘC, kỷ niệm năm thứ Bảy : trên 80 trang !

